

MỤC LỤC

TÀI CHÍNH VĨ MÔ

3. Cơ hội và thách thức của ngành bảo hiểm xã hội sau đại dịch Covid-19
Phạm Như Ngọc Trinh - CQ57/21.21
6. Thúc đẩy kinh tế số tại Việt Nam: Cơ hội và thách thức
Nguyễn Thị Hương - CQ58/11.03
9. Enhancing the quality of Vietnamese human resources in the fourth industrial revolution
Nguyễn Lê Mỹ Dung - CQ57/11.06CLC; Lê Thùy Linh - CQ57/11.01CLC
13. Kế toán, kiểm toán và tài chính Việt Nam trong bối cảnh mới
Đào Duy Tùng - CQ56/21.03CLC

TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

19. Gửi tiết kiệm online thói quen giao dịch tài chính thông minh
Đỗ Thảo Linh - CQ57/21.03
22. Hỗ trợ tín dụng cho doanh nghiệp vận tải trong bối cảnh hậu Covid-19 tại Việt Nam
Triệu Khánh Huyền - CQ57/05.03
26. Cơ hội và thách thức khi ứng dụng công nghệ Blockchain trong lĩnh vực logistics tại Việt Nam
Đỗ Thị Huế - CQ58/05.01; Nguyễn Thị Huế - CQ58/05.02
30. Hướng đi cho chuyển đổi số trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán
Nguyễn Linh Chi; Nguyễn Thị Hồng May - CQ57/22.10
34. Hoạt động truyền thông marketing tại sàn thương mại điện tử Shopee
Phí Ngọc Linh Phương - CQ59/11.09CLC
38. Kế toán - kiểm toán tận dụng lợi thế từ Blockchain ra sao?
Mai Thị Anh Minh - CQ58/11.07
42. Vietnam's financial market in 2021 - Challenges and opportunities in 2022
Hoàng Nam Khánh - CQ59/10.27
46. Thành công của Shopee - Ông lớn trong ngành thương mại điện tử khu vực Đông Nam Á
Nguyễn Thị Thu Hà - CQ57/21.02CLC

CÁC VẤN ĐỀ KINH TẾ

- 50.** Xu hướng và giải pháp phát triển sản xuất xanh tại Việt Nam
Đỗ Thị Kim Anh - CQ57/08.01
- 55.** Cơ hội và thách thức đối với người làm kế toán khi ứng dụng công nghệ Blockchain trong công tác kế toán
Trần Thanh Hòa - CQ57/21.06
- 59.** Thực trạng và giải pháp thu hút FDI xanh tại Việt Nam
Nguyễn Phương Thủy - CQ58/51.01
- 63.** Lợi thế thương mại (Goodwill) - Những ảnh hưởng tới báo cáo tài chính hợp nhất trong bối cảnh chuyển đổi IFRS
Nguyễn Thị Hải Minh - CQ57/22.04
- 67.** Thách thức đối với kế toán - kiểm toán viên Việt Nam trong bối cảnh mới
Đoàn Thị Thanh Vân - CQ58/22.05; Đỗ Thị Thắm - CQ58/22.06
- 70.** Ứng dụng kế toán xanh tại các doanh nghiệp Việt Nam trong xu thế phát triển bền vững
Hà Ngọc Huyền - CQ57/22.03CLC
- 73.** Opportunities and challenges when applying IAS 36 in Vietnam
Nguyễn Thị Thu Hà - CQ57/21.02CLC; Nguyễn Thị Lan Phương - CQ57/21.01CLC

TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

- 77.** Kinh nghiệm quản lý thị trường tiền tệ từ Trung Quốc
Ngô Thảo Trang - CQ59/22.02; Trần Ngọc Khang - CQ59/09.04CLC



THỂ LỆ GỬI BÀI

Bài viết ngắn gọn, rõ ràng, đánh máy trên một mặt giấy A4 (độ dài không quá 5 trang, lề trái bằng 3,5cm, lề phải bằng 2,0cm, lề trên + dưới 3,0cm, cỡ chữ 14, khoảng cách dòng tối thiểu là 1,3cm), đánh số trang; các ký hiệu, công thức và hình vẽ phải chính xác, đúng quy định, đánh số và ghi rõ vị trí đặt hình, tiêu đề bài báo viết bằng chữ in hoa, họ và tên tác giả, số điện thoại... được đặt ngay dưới dòng tiêu đề sát với lề phải của trang 1.

Tư liệu nước ngoài và dẫn liệu cần ghi rõ xuất xứ (tên tác giả, tên ấn phẩm, nhà xuất bản, năm xuất bản; báo chí phải ghi rõ số ra ngày, tháng, năm; tên trang Web và tên chuyên mục của trang Web. v.v...).

Không nhận những bài viết đã đăng trên các ấn phẩm khác ở trong và ngoài Học viện.

Bài viết và ý kiến trao đổi xin gửi về:

Phòng 317 - Ban Quản lý Khoa học - Học viện Tài chính - Đức Thắng - Bắc Từ Liêm - Hà Nội

Điện thoại: 024.02191967; Email: noisansvnckh@gmail.com

Cơ hội và thách thức của ngành bảo hiểm xã hội sau đại dịch Covid-19

Phạm Như Ngọc Trinh - CQ57/21.21

Bảo hiểm xã hội (BHXH) là chính sách xã hội quan trọng, một trong hai trụ cột chính của hệ thống an sinh xã hội ở nước ta, góp phần vào sự tiến bộ xã hội, đảm bảo ổn định chính trị, xã hội và phát triển kinh tế, xã hội của đất nước.

Với tầm quan trọng như vậy, nên chính sách BHXH luôn được Đảng và Nhà nước ta quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện, phát triển đối tượng tham gia BHXH từ bắt buộc đến tự nguyện, hướng tới mục tiêu mọi người lao động đều được hưởng chế độ BHXH, giảm bớt gánh nặng khi gặp rủi ro trong sinh hoạt và lao động, góp phần ổn định cuộc sống hiện tại và lâu dài. Đặc biệt, ngày 23/5/2018, Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành Nghị quyết số 28-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khoá XII về cải cách chính sách BHXH, trong đó đặt ra mục tiêu đến năm 2025 phấn đấu đạt khoảng 35% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia BHXH.

Tuy nhiên, trong hơn 2 năm qua, đại dịch Covid-19 không chỉ gây ra một cuộc khủng hoảng y tế mà còn gây ra một cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội nghiêm trọng chưa từng có. Những diễn biến phức tạp của đại dịch đã tác động tiêu cực rất lớn đến kinh tế toàn cầu, từ tình trạng gián đoạn chuỗi cung ứng, quan hệ cung - cầu, đến việc giảm nhu cầu, thay đổi thói quen chi tiêu, đi lại của người tiêu dùng, dẫn đến sản xuất đình trệ, thất nghiệp gia tăng, kéo theo nguy cơ vỡ nợ, phá sản của doanh nghiệp và tâm lý lo ngại rủi ro, thậm chí hoảng sợ của các nhà đầu tư tài chính. Các doanh nghiệp dù là doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa hay tập đoàn kinh tế, từ sản xuất, phân phối đến tiêu dùng đều đang đối mặt với những thách thức nghiêm trọng trước sự suy giảm đáng kể trong doanh thu, mất khả năng thanh toán và mất việc làm trong hầu hết các lĩnh vực. Điều đó ảnh hưởng không nhỏ đến lĩnh vực BHXH về công tác phát triển người tham gia, giải quyết các chế độ, chính sách liên quan... Và ngành BHXH đã xác định đây cũng là vừa cơ hội, vừa thách thức đối với Ngành trong thực hiện công tác an sinh xã hội.

Theo báo cáo của BHXH Việt Nam, tính đến hết tháng 2/2022, số người tham gia BHXH là trên 16,3 triệu người (đạt 33% LLLĐ), số người tham gia bảo hiểm thất nghiệp là trên 13,4 triệu người (đạt 26,7% LLLĐ) và trên 84,67 triệu người tham gia BHYT (đạt tỷ lệ bao phủ 85,56% dân số). Tính trên toàn quốc, số tham gia BHXH bắt buộc, BHXH tự nguyện, bảo hiểm thất nghiệp đều có mức tăng so với cùng kỳ năm 2021 với mức tăng lần lượt là 1,14%; 16,2% và 1,02%. Riêng số người tham gia BHYT dù tăng 499,1 nghìn người so với tháng 1/2021, tuy nhiên vẫn giảm 4,16 triệu người so với hết năm 2021. Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp khiến nhiều doanh nghiệp lao đao, tỷ lệ người lao động thất nghiệp gia tăng, thì chính sách BHXH đã trở thành “điểm tựa” giúp bảo đảm phần nào đời sống của một bộ phận người lao động thất nghiệp và gia đình, góp phần ổn định kinh tế - xã hội đất nước.

Trong quá trình triển khai nhiệm vụ, thời gian qua ngành BHXH đã có nhiều đổi mới thích nghi với từng điều kiện hoàn cảnh cụ thể để vừa thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh theo chỉ đạo của Chính phủ, vừa thực hiện tốt chính sách BHXH cho người tham gia và thụ hưởng. Cụ thể, để đảm bảo quyền lợi và an toàn cho người dân, ngành BHXH Việt Nam đã nhiều lần chỉ đạo BHXH các địa phương thực hiện chi trả lương hưu, trợ cấp BHXH gộp hai tháng vào cùng một kỳ chi trả vào các đợt cao điểm của đại dịch; hướng dẫn BHXH các tỉnh thanh toán chi phí xét nghiệm Covid-19 theo chế độ BHXH; hướng dẫn người dân tham gia và đóng BHYT hộ gia đình trong thời gian phòng chống dịch; tạm ứng, thanh quyết toán chi phí KCB BHYT cho các cơ sở KCB, đảm bảo nguồn kinh phí phục vụ công tác KCB cho người tham gia BHYT trong bối cảnh dịch bệnh, không để người bệnh tự chi trả chi phí trong phạm vi quyền lợi được hưởng. Kịp thời cung cấp 6 dịch vụ công trên Cổng Dịch vụ Công của Ngành; kết nối, tích hợp, cung cấp 5 DVC trên Cổng Dịch vụ Công quốc gia. Hoàn thiện, nâng cấp, bổ sung các tính năng, tiện ích trên ứng dụng BHXH số - VssID.

Trong thời gian tới, để vừa thích ứng với điều kiện dịch bệnh trong tình hình mới, vừa đảm bảo thực hiện tốt an sinh xã hội, ngành BHXH cần tập trung một số nội dung sau:

Thứ nhất, ngành BHXH cần tiếp tục chủ động, kịp thời phối hợp tăng cường tuyên truyền đến doanh nghiệp, người lao động giúp nắm bắt thông tin về những quy định được điều chỉnh nhằm ứng phó trước và sau đại dịch, nhất là trong điều kiện cảm

nhận rõ rệt nhất sự bất lực của con người trước dịch bệnh, đây cũng là cơ hội để tác động đến ý thức của người tham gia BHXH về tầm quan trọng của chính sách BHXH, từ đó, chủ động chuyển đổi hành vi, tự giác tham gia.

Thứ hai, giải quyết đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách liên quan BHXH, để đảm bảo quyền lợi cho đơn vị cũng như người tham gia; đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, kết nối dữ liệu, thực hiện giao dịch hồ sơ điện tử, giao dịch qua dịch vụ bưu chính, chi trả qua phương tiện không dùng tiền mặt để hạn chế đến mức thấp nhất giao tiếp trực tiếp với đơn vị, người tham gia và thụ hưởng các chính sách liên quan.

Thứ ba, cần nắm rõ tình hình biến động lao động tham gia và hưởng BHXH, đánh giá những tác động của đại dịch Covid-19 một cách toàn diện đến BHXH bao gồm số lao động tham gia BHXH (bắt buộc, tự nguyện), sự suy giảm tiền lương làm căn cứ đóng BHXH, số thu của Quỹ BHXH, số lao động và doanh nghiệp tạm dừng đóng BHXH để xây dựng các giải pháp thực hiện việc phát triển đối tượng.

Thứ tư, tiếp tục phối hợp với các cấp, các ngành để đẩy nhanh việc thực hiện công tác phát triển đối tượng tham gia BHXH, BHYT.

Thứ năm, thường xuyên cập nhật thông tin, theo dõi biến động sau dịch bệnh, nắm bắt kịp thời tâm tư, nguyện vọng của doanh nghiệp và người lao động cũng như những vấn đề mới phát sinh của thực tiễn để kịp thời tham mưu cho cấp ủy, chính quyền trong việc tổ chức thực hiện, nhằm có biện pháp phát triển đối tượng tham gia.

Sự đan xen giữa thách thức và cơ hội luôn diễn ra. Trong bối cảnh dịch, khi thách thức càng nhiều thì cơ hội có thể không ít. Do đó, nhìn ở góc độ tích cực và phát triển, đây có thể được xem là dịp để ngành BHXH nói riêng, các ngành khác nói chung cải tiến, đổi mới một số hoạt động, cách thức... suy cho cùng nhằm để phục vụ nhân dân ngày một tốt hơn, góp phần vừa đảm bảo an sinh xã hội, vừa đảm bảo phát triển kinh tế - xã hội tại các địa phương.

Tài liệu tham khảo:

Nghị quyết số 28-NQ/TW ngày ngày 23/5/2018, Bộ Chấp hành Trung ương đã ban hành Nghị quyết số 28-NQ/TW của Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khoá XII về cải cách chính sách BHXH.

Thúc đẩy an sinh xã hội thích ứng linh hoạt với đại dịch Covid-19, TS. Đỗ Văn Quân, ThS. Nguyễn Thị Thanh Hương, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Báo cáo kết quả hoạt động tháng 02/2022 và năm 2021 của BHXH Việt Nam.

Thúc đẩy kinh tế số tại Việt Nam: Cơ hội và thách thức

Nguyễn Thị Hường - CQ58/11.03

Nền kinh tế Việt Nam đang ở thời điểm quan trọng khi chúng ta đã chuyển sang giai đoạn thích ứng linh hoạt, an toàn phòng chống Covid-19 và dồn sức cho tăng trưởng kinh tế. Ngoài xuất nhập khẩu, đầu tư công, tiêu dùng thì chuyển đổi số, kinh tế số đang được xem là chìa khoá tăng trưởng của Việt Nam giai đoạn hậu khôi phục Covid-19. Theo đó kinh tế số, chuyển đổi số sẽ tạo sự thay đổi rõ nét theo hướng tăng năng suất chất lượng sức cạnh tranh và hiệu quả sử dụng nguồn lực, từng bước hướng tới nền kinh tế dựa vào khoa học công nghệ đổi mới sáng tạo; đây không chỉ là động lực tăng trưởng mới mà còn thể hiện ý chí, khát vọng phát triển đất nước. Vậy kinh tế số đã và đang diễn ra tại Việt Nam như thế nào? Và chuyển đổi số đi kèm với những cơ hội và thách thức gì?

Kinh tế số được xác định là toàn bộ hoạt động kinh tế dựa trên nền tảng số và phát triển kinh tế số là sử dụng công nghệ số, dữ liệu để tạo ra những mô hình kinh doanh mới phát triển kinh tế số là sự hội tụ nhiều công nghệ mới như dữ liệu lớn, điện toán đám mây, Internet vạn vật - IOT, Blockchain - Chuỗi khối, trí tuệ nhân tạo AI, 5G... Công nghệ mới cho phép con người xử lý khối lượng công việc lớn, đưa ra các quyết định thông minh hơn. Theo các chuyên gia tiềm năng phát triển kinh tế số ở Việt Nam là rất lớn, báo cáo nền kinh tế số của Đông Nam Á năm 2020 tốc độ tăng trưởng kinh tế số ở Việt Nam luôn tăng trưởng ở mức 2 con số, dẫn đầu khu vực cùng với Indonesia.

Quy mô nền kinh tế số ở Việt Nam từ 3 tỷ USD năm 2015 đã tăng lên 16 tỷ USD năm 2020, năm 2021 mặc dù nằm trong bối cảnh suy giảm chung của kinh tế toàn cầu và khu vực nền kinh tế số của Việt Nam dự kiến vẫn tăng trưởng 31% lên 21 tỷ USD; dự báo đến năm 2025 sẽ bứt phá lên 52 tỷ USD, trong đó thương mại điện tử một trong những cấu phần trọng yếu của kinh tế số, góp phần đáng kể tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam. Việt Nam được đánh giá là một trong hai mươi nước có tỷ lệ sử dụng internet nhiều nhất trên thế giới với 68 triệu người dùng, chiếm 70% dân số. Tốc độ tăng trưởng của thương mại điện tử bán lẻ năm 2020 ở Việt Nam ở mức 18%, doanh thu bán lẻ đạt 11,8 tỷ USD, con số này trong năm 2021 được dự báo sẽ tiếp tục tăng bởi sự thay đổi hành vi mua sắm tiêu dùng do đại dịch.

Theo khảo sát mới đây của Ngân hàng Thế giới, 60% doanh nghiệp đã ứng dụng công nghệ và nền tảng trực tuyến, chuyển đổi số đã giảm một nửa tác động tiêu cực từ đại dịch lên GDP và để thích ứng với hoàn cảnh, nhiều lĩnh vực ngành nghề đã nhanh chóng thay đổi phương thức hoạt động. Chuyển đổi số, phát triển kinh tế số chính là chìa khoá mở ra cơ hội phục hồi nền kinh tế hậu Covid-19. Cách mạng công nghiệp lần thứ 4 và xu thế chuyển đổi số xây dựng kinh tế số đang trao cho Việt Nam một cơ hội vàng. Theo báo cáo thẩm tra về kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025 Chính phủ đã xác định quan điểm chuyển đổi số, kinh tế số là khâu đột phá.

Cơ hội trong phát triển kinh tế số ở Việt Nam

Phát triển kinh tế số ở Việt Nam đã và đang được Đảng và Nhà nước quan tâm với nhiều chủ trương, giải pháp cho quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế số như: Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 04/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường năng lực tiếp cận cuộc cách mạng công nghệ 4.0; Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/06/2020 phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025 định hướng đến năm 2030” với mục tiêu Việt Nam thuộc nhóm 50 nước dẫn đầu về chính phủ điện tử, liên quan đến phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế; mục tiêu đến năm 2025, kinh tế số chiếm 20% GDP; tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%; đến năm 2030, kinh tế số chiếm 30% GDP; tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 20%.

Phát triển kinh tế số không đơn thuần là xu thế mới mà còn là mô hình kinh doanh mới, mở ra cơ hội lao động, việc làm, thu nhập cho người dân, doanh nghiệp và quốc gia, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ cuộc sống. Kinh tế số giúp tăng trưởng bền vững hơn do sử dụng nguồn tài nguyên mới (tài nguyên số và công nghệ số).

Thách thức trong phát triển kinh tế số ở Việt Nam

Thứ nhất, hạn chế về nhận thức của cộng đồng xã hội. Nhận thức về phát triển kinh tế số ở cả cấp độ quản lý nhà nước, cấp độ doanh nghiệp và của người dân chưa cao. Kiến thức của nhiều cán bộ, doanh nghiệp và người dân về kinh tế số, cùng những cơ hội và thách thức đối với sự phát triển chưa đồng đều ở các cấp, các ngành dẫn tới nhu cầu, kế hoạch và hành động nắm bắt xu thế kinh tế số chưa kịp thời.

Thứ hai, cơ sở dữ liệu và kết nối dữ liệu. Việc kết nối dữ liệu đang là bài toán khó đối với Việt Nam. Nhiều bộ, ngành, địa phương xây dựng cơ sở dữ liệu còn thiếu sự kết nối liên thông. Để những mô hình nền tảng về dịch vụ công nghệ, những mô hình dịch vụ công nghệ số triển khai tốt, đảm bảo thì rất cần sự kết nối chia sẻ dữ liệu từ các cơ quan Nhà nước.

Thứ ba, hạ tầng viễn thông an ninh mạng, bảo mật an toàn thông tin. Mặc dù là điểm mạnh nhưng chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu của kinh tế số. Việt Nam là một trong những quốc gia có chỉ số an toàn an ninh thông tin ở mức thấp, đặc biệt ở khối doanh nghiệp. Nền kinh tế số dựa trên nền tảng công nghệ thông tin, internet luôn chứa đựng nguy cơ lớn về bảo mật, an toàn thông tin, tài chính và tính riêng tư của dữ liệu.

Thứ tư, nguồn nhân lực thì chưa đáp ứng được yêu cầu chuyển đổi sang kinh tế số. Nguồn nhân lực, đặc biệt nhân lực công nghệ thông tin - nhân tố quan trọng trong cạnh tranh và phát triển kinh tế số - còn ít về số lượng, chưa đảm bảo được chất lượng. Giáo dục Việt Nam chưa theo kịp xu thế phát triển của kinh tế số, kinh tế sáng tạo của thế giới trong Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đây được xem là một trong những mối thách thức lớn đối với sự phát triển của nền kinh tế số của Việt Nam.

Thứ năm, thanh toán số vẫn chưa được sử dụng đa dạng, người tiêu dùng vẫn quan điểm sử dụng tiền mặt nhiều hơn. Tiền mặt được sử dụng cho phần lớn các giao dịch thương mại điện tử là một trong những trở ngại rất lớn phát triển kinh tế số.

Thứ sáu, thể chế pháp lý dù khuôn khổ pháp lý chưa hoàn thiện và thiếu đồng bộ. Có những bước tiến nhất định với nhiều bộ luật như Luật Giao dịch điện tử (2005), Luật Công nghệ thông tin (2006), Luật An ninh mạng (2018)..., tuy nhiên nó vẫn còn nhiều hạn chế, sự chuẩn bị luôn ở thể bị động. Do sự phát triển nhanh chóng của khoa học - công nghệ, cùng với sự bùng phát dịch bệnh Covid-19, kinh tế số cùng các phương thức kinh doanh và các ý tưởng sáng tạo làm mới cho các cơ quan quản lý nhà nước tỏ ra khá lúng túng trong việc quản lý các hoạt động kinh tế số.

Giải pháp phát triển kinh tế số Việt Nam

Để kinh tế số Việt Nam phát triển mạnh, thời gian tới cần chú trọng tập trung thực hiện một số giải pháp sau:

Một là, đổi mới tư duy lãnh đạo quản lý và năng lực điều hành kinh tế. Cản trở lớn nhất để chuyển đổi số không phải là vốn, công nghệ mà chính là nhận thức của người lãnh đạo. Để số hoá nền kinh tế thành công, chất lượng bộ máy quản trị quốc gia là một trong các yếu tố then chốt. Cần tuyên truyền nâng cao nhận thức xã hội về kinh tế số để có sự chuẩn bị tốt, thích ứng nhanh. Mỗi cá nhân và người lãnh đạo cần tự trang bị và nâng cao kỹ năng sử dụng công nghệ số giúp phục vụ công việc trong tương lai.

Hai là, hoàn thiện thể chế, tạo khuôn khổ pháp luật đầy mạnh phát triển kinh tế số. Thể chế cần đi trước một bước và được điều chỉnh linh hoạt để chấp nhận những cái mới: Công nghệ mới, sản phẩm mới, dịch vụ mới, mô hình mới. Chỉ đổi mới sáng tạo, Việt Nam mới thoát khỏi bẫy thu nhập trung bình.

Ba là, chú trọng đào tạo nguồn nhân lực công nghệ thông tin. Chương trình đào tạo nhân lực công nghệ thông tin cần hướng đến đầy nhanh xã hội hoá giáo dục công nghệ thông tin. Phát triển nguồn nhân lực theo hướng tăng cường năng lực tiếp cận, tư duy sáng tạo và khả năng thích ứng với môi trường công nghệ liên tục thay đổi và phát triển.

Bốn là, đảm bảo an toàn, an ninh mạng. Thường xuyên rà soát, phát hiện, khắc phục lỗ hổng bảo mật trên toàn hệ thống, bổ sung thiết bị, phần mềm chuyên dụng có khả năng kiểm tra, kiểm soát an ninh, an toàn thông tin trên môi trường mạng viễn thông, internet, ...

Năm là, đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật số. Phát triển hệ thống hạ tầng số quốc gia đồng bộ, rộng khắp cả nước đảm bảo đáp ứng yêu cầu kết nối, lưu trữ, xử lý dữ liệu, thông tin, các chức năng về giám sát, đảm bảo an ninh, an toàn mạng. Xây dựng, phát triển hạ tầng băng thông rộng chất lượng cao. Nâng cấp mạng di động 4G, phát triển mạng di động 5G để có thể theo kịp xu hướng thế giới.

Tài liệu tham khảo:

Thủ tướng Chính phủ (2020), “Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.”

Hồ Tú Bảo, Nguyễn Tuấn Hoa (2020), “Chuyển đổi số - Từ khái niệm đến thực tiễn”.

Tạp chí Tài chính Kỳ 2 (09/2020), “Xu hướng phát triển kinh tế số trên thế giới và hàm ý cho Việt Nam”.

Phạm Việt Dũng (2020), “Kinh tế số - cơ hội “bứt phá” cho Việt Nam”, Cổng thông tin điện tử Hội đồng lý luận Trung ương.

Bùi Thanh Tuấn (2020), “Một số khó khăn, thách thức trong phát triển nền kinh tế số ở Việt Nam”, lý luận chính trị.

Trần Thị Hằng, Nguyễn Thị Minh Hiền (2019), “Quản lý nhà nước trong nền kinh tế số”, Tạp chí Tài chính.

Enhancing the quality of Vietnamese human resources in the fourth industrial revolution

Nguyễn Lê Mỹ Dung - CQ57/11.06CLC
Lê Thùy Linh - CQ57/11.01CLC

The Fourth Industrial Revolution (Industry 4.0) is predicted to make significant changes to the labor supply and demand, as it requires workers with highly professional skills, knowledge and ability to be able to catch up with advanced technologies. Therefore, for the countries heavily relying on the golden demographic structure for economic growth as Vietnam, enhancing the quality of human resources will be essential to adopt with the new changes. This article will focus on analyzing the current situation of Vietnam's labor quality, then suggest solutions for Vietnam to raise the quality of the human resources in Industry 4.0.

Current situation of Vietnamese human resources' quality since the Fourth Industrial Revolution

Industry 4.0 is the foundation for the economy to strongly transform from a resource-based model and low-cost labor to a knowledge-based economy, fundamentally changing the concept of technological innovation and equipment in production lines. Studies show that, besides opportunities, Vietnam also faces many new challenges in terms of training and developing the quality of human resources, specifically:

Firstly, Industry 4.0 changes the labor structure in terms of economic sectors. Traditional occupations that use a lot of labor will gradually disappear and new careers will appear. Industry 4.0 has introduced automation systems and intelligent robots. These systems will gradually replace manual labor throughout the economy, putting great pressure on the labor market. Developing countries will face a labor surplus and rising unemployment.

Currently, Vietnam's labor force is relatively abundant with the "golden population" structure (the labor force of the whole country in 2016 reached about 54.4 million people, accounting for about 58.9% of the total population), but mainly low-skilled workers, so it is easy to be replaced by machines. The simple, repetitive jobs that most untrained Vietnamese workers are taking on will gradually be replaced by machines in the future. According to estimates by the International Labor Organization, up to 86% of workers in Vietnam's textile and footwear industries are at high risk of losing their jobs within the next 15 years. Besides, competition will occur in some areas where technology is beginning to be widely applied in practice, creating pressure to recruit and develop relevant human resources. In Vietnam, human resources in the fields of artificial

intelligence, Internet of things, self-driving cars, robotics, etc. are scarce, however, they have well-paid salaries. Wage costs for this group of workers can increase by 50-100%/year in a few years. The large number of employees is no longer a competitive advantage. Small companies can coordinate and implement jobs that were previously only possible for large companies, mainly focusing on applying technology to new business models to create competitiveness.

Secondly, the labor market is strongly differentiated. In the Fourth Industrial Revolution, cheap labor is no longer a competitive advantage of countries around the world. A series of old occupations will be eliminated, and the international labor market will sharply differentiate between low-skilled and high-skilled workers. Along with that, the advent of artificial intelligence (intelligent robots) also reduces the need for low-skill workers. In particular, Industry 4.0 not only threatens the jobs of low-skilled workers, but even middle-skilled workers will also be affected, if they are not equipped with innovative abilities.

Thirdly, the requirement for high-quality human resources is increasingly urgent. Industry 4.0 is a digital revolution, but Vietnam's high-quality human resources in the fields of information technology, computer engineering, automation, etc. are too few. According to experts' calculations, the demand for information technology human resources increases by 47% per year, while the number of information technology graduates only increases by 8% per year. Among those human resources, not all are of high quality, meeting the requirements of employers. A recent study showed that up to 72% of information technology students have no practical experience, and 42% of students lack teamwork skills.

From raising the requirements for the quality of human resources, Industry 4.0 also changes the requirements and methods of training human resources. Training high-quality human resources to prepare for Industry 4.0 has become an urgent issue that many countries around the world are concerned about. It should be frankly acknowledged that human resource training in general, and vocational training in particular, over the past years has seen visible changes, but it has not been as expected and has not met the requirements of the economy. At some forums and seminars on Industry 4.0 and the latest human resources, many businesses complain that they are having difficulty in recruiting workers who do not meet the job requirements but have to undergo training.

From the reality of Vietnam's human resources as mentioned above, Vietnam needs changes to adapt with the global trends. Whether it succeeds or fails, does Vietnam take advantage of time, or surpass the challenges from the current Industry 4.0, it mostly depends on the method of exploiting human resources, especially building and developing human resources.

Recommendations for enhancing the quality of Vietnamese human resources in the Fourth Industrial Revolution

Resolution of the 5th Plenum of the 12th Central Committee emphasized: "Developing human resources, especially high-quality human resources, taking advantage of

opportunities and achievements of the Fourth Industrial Revolution". This is a correct policy, demonstrating the acumen, creativity and breakthrough thinking of our Party. However, to apply well, this policy requires a comprehensive and long-term strategy, with a system of synchronous, practical and feasible solutions, which can focus on research and implementation. Some of the main contents are displayed below:

Firstly, focusing on building and perfecting the overall strategy, system of mechanisms and policies on the development of high-quality human resources. The strategy must clearly define the objectives, scale, roadmap, develop a reasonable and predictable implementation guideline, complete specific mechanisms and policies to build up high-quality human resources in a comprehensive and synchronous manner.

The system of mechanisms and policies plays a very important role, affecting directly or indirectly, creating motivation or hindrance to the development of the economy - society in general and the development of high - quality human resources in particular. In fact, over the years, our country has had many new mechanisms and policies that have had a positive impact on the development of high-quality human resources. However, in the process of implementation, those policies have revealed many limitations, inadequacies, and disproportionate effectiveness. In order to continue to develop high-quality and effective human resources, it is necessary to regularly adjust, supplement and perfect the system of mechanisms and policies in order to create a legal corridor and facilitate the development of high - quality human resources in our country to overcome the challenges of the Fourth Industrial Revolution.

The renovation and improvement of mechanisms and policies to create motivation for the development of high-quality human resources must be carried out synchronously in many aspects such as education & training, science & technology, working environment, income, social security, insurance, health care, housing, living and settlement conditions... It is necessary to have adequate policies to effectively find and exploit new resources, especially in the key technological industries of the country; improve the operation quality of technology incubators and high-tech enterprises; promote international cooperation in research, development and technology transfer. The market for science and technology products must, in turn, fully reflect the supply-demand relationship, thereby serving as a basis for strategic and policy planning.

Secondly, closely linking the training process with fostering and using high-quality human resources.

Training institutions also need to equip students and researchers with necessary skills such as: communicating, self-learning from different types of documents, using information technology, creativity, adaptation, catching up with development trends of the society... in order to ensure the close connection between training and use, meeting the requirements being set. In particular, training institutions need to be democratic, publicize the criteria, learning directions, research and apply various methods to increase the activeness and initiative for both learners and users.

Thirdly, taking advantage of opportunities from Industry 4.0 and making efforts to reform the Vietnamese education system. To be specific, it is essential to continue to strengthen the foundational elements and renew thinking about education development in the overall strategy of the country. The Vietnamese education system's goal in the near future needs to be training a high-quality workforce to meet the country's development requirements, that is, to move from isolation and spontaneity in quantity to quality, with a connection between training and employers, making learners from being passive to become active and creative, not being afraid of facing difficulties.

The State also needs to continue to improve the legal corridor to create a favorable environment for human resource development, to encourage the development of the high-quality human resource market. In addition, there should be policies to support the formation and development of start-up and innovation incubators in technology training universities; enhance close connections between start-up incubators, universities and enterprises...

Higher education institutions need to strengthen links with businesses and international universities to build laboratories in the form of public-private cooperation. Besides, it is imperative to build a 4.0 education model to keep up with modern technology trends in the 4.0 economy.

Fourthly, each employee also needs to be self-aware of improving skills, always innovating, updating high technology, and having a new lifestyle: dynamic, highly adaptable and creative. These things can only be done in a society where people are always facilitated to learn regularly, continuously in order to constantly improve professional qualifications and the ability to integrate into an increasingly civilized and modern society. Especially, students need to prepare themselves with knowledge of information technology and good foreign language skills, proficient soft skills and practical work experience to open the door to the globalization playing field.

Conclusion: Vietnam is not outside the vortex of the 4.0 technology revolution. This Revolution is having a variety of impacts on the national and international economy, as machines and artificial intelligence replace human power and put great pressure on the labor market. Therefore, for developing countries, including Vietnam, analyzing the current situation of national labor carefully, understanding opportunities and challenges, then finding and implementing effective solutions step by step as being mentioned above is inevitable to raise the quality of human resources, avoid a labor surplus and unemployment, not only meet the requirements but also get ready for all changes in the Industrial Revolution 4.0, encourage our country to keep up with general development of the world.

References:

Ha.T.L, Vol 3, No 3 (2019), Enhancing the quality of Vietnam's human resources in the Fourth Industrial Revolution, The Russian Journal of Vietnamese Studies.

Cổng thông tin điện tử Học viện Cảnh sát Nhân dân, 2020, Phát triển nguồn nhân lực Việt Nam đáp ứng yêu cầu của Cách mạng Công nghiệp 4.0.

Lê Đỗ, 2022, Vấn đề lao động trong chuyển đổi số: Thách thức và giải pháp, Thời báo ngân hàng - Cơ quan của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Kế toán, kiểm toán và tài chính Việt Nam trong bối cảnh mới

Đào Duy Tùng - CQ56/21.03CLC

Hội nhập kinh tế thế giới và xu hướng toàn cầu hóa ngày càng mạnh mẽ, đặc biệt cuộc cách mạng công nghệ số đã, đang và sẽ tác động trực tiếp đến nhiều lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội. Kế toán, kiểm toán và tài chính là một trong những lĩnh vực chịu sự tác động lớn từ cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 nói chung và xu hướng chuyển đổi số nói riêng.

Trong bối cảnh mới, cũng giống như các lĩnh vực khác của nền kinh tế, kế toán, kiểm toán và tài chính đang đứng trước rất nhiều cơ hội cũng như thách thức bởi tác động của cách mạng công nghệ số mang lại. Điều này, đã đặt ra yêu cầu cần nghiên cứu và đổi mới các chính sách về quản lý kinh tế cũng như các chính sách về tài chính, kế toán, kiểm toán tại Việt Nam.

Giới thiệu

Kế toán và kiểm toán với tư cách là một ngành, một lĩnh vực thương mại dịch vụ hiện được quan tâm và hội nhập khá toàn diện. Thương mại dịch vụ nói chung, thương mại dịch vụ kế toán và kiểm toán nói riêng trở thành ngành kinh tế quan trọng và chiếm tỷ trọng đáng kể trong thương mại của từng quốc gia và toàn cầu. Tự do hoá thương mại dịch vụ, tự do hoá dịch vụ kế toán, dịch vụ kiểm toán đã trở thành mối quan tâm của nhiều quốc gia, nhất là các nước phát triển.

Xu hướng hội nhập kế toán - kiểm toán quốc tế được thể hiện rõ nét qua việc hình thành, áp dụng hệ thống tiêu chuẩn kế toán chung được chấp nhận rộng rãi trên toàn cầu. Hệ thống tiêu chuẩn này ra đời do sự phát triển nhanh chóng, khách quan của thị trường tài chính quốc tế và các hoạt động thương mại đã vượt ra ngoài biên giới các quốc gia. Những chuẩn mực kế toán quốc tế như: IAS/IFRS sẽ góp phần tạo ra sự thống nhất về tính toán giá trị hợp lý trong kế toán, từ đó xóa bỏ rào cản ngăn nguồn vốn đầu tư nước ngoài, cũng như tạo nhiều cơ hội hợp tác kinh doanh trong thời kỳ toàn cầu hóa cho các quốc gia.

Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) gồm 26 chuẩn mực. Mặc dù đã được xây dựng theo các chuẩn mực kế toán quốc tế, chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế

(IAS/IFRS) và phù hợp với đặc điểm nền kinh tế cũng như tình hình doanh nghiệp Việt Nam, nhưng giữa VAS và IAS/IFRS hiện nay vẫn còn tồn tại một khoảng cách đáng kể, ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình hội nhập của kế toán, kiểm toán Việt Nam. Đến năm 2025, áp dụng IFRS theo các cấp độ để giúp kế toán, kiểm toán Việt Nam mở ra một thời kỳ mới, làm thay đổi cách thức ghi nhận, đo lường và trình bày các yếu tố của báo cáo tài chính. Sự khác biệt lớn nhất giữa 2 hệ thống này thể hiện ở nhiều khoản mục trên báo cáo tài chính lập theo IFRS được đánh giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị có thể thu nhưng lập theo VAS lại ghi là theo giá gốc. Điều này làm cho giá trị tài sản và nợ phải trả của doanh nghiệp chưa phản ánh đúng như diễn biến thực tế của thị trường.

Trong cơ chế kinh tế thị trường và môi trường mở cửa, hội nhập, yêu cầu đặt ra với kế toán và kiểm toán đã có sự thay đổi căn bản và nâng lên về chất, cụ thể: Cung cấp những thông tin kinh tế tài chính toàn diện, đầy đủ, kịp thời, tin cậy cho mọi đối tượng trong và ngoài đơn vị; Thoả mãn yêu cầu quản trị doanh nghiệp (DN), quản trị tài chính; Phân tích và dự báo kinh tế - tài chính phục vụ điều hành và các quyết định kinh tế - tài chính.

Nguồn nhân lực kế toán, kiểm toán của Việt Nam tuy đã sẵn sàng hội nhập kinh tế, nhưng số lượng và chất lượng mang tầm quốc tế vẫn là vấn đề cần cải thiện. Thực tế cho thấy, đội ngũ người làm kế toán, kiểm toán Việt Nam không chỉ ít về số lượng, mà còn yếu về chất lượng. Rõ ràng, nâng cao chất lượng đào tạo kế toán, kiểm toán để tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu hội nhập đang là một đòi hỏi cấp bách của nền kinh tế nước ta trong giai đoạn hiện nay. Để đáp ứng được yêu cầu hội nhập thì xu hướng đào tạo kế toán - kiểm toán cũng phải thay đổi để thích ứng và bắt kịp với xu hướng hội nhập hiện nay.

Thực trạng đào tạo kế toán, kiểm toán tại Việt Nam hiện nay

Hiện nay, khung chương trình đào tạo kế toán, kiểm toán tại các trường đại học có sự khác biệt nhất định, một số cơ sở giáo dục đã nắm bắt được xu hướng hội nhập, tham khảo các chương trình đào tạo ngành kế toán, kiểm toán của các trường đại học tiên tiến trên thế giới; ứng dụng các chương trình đào tạo chất lượng cao, chương trình liên kết quốc tế; đưa vào chương trình giảng dạy một số môn học của các tổ chức nghề nghiệp kế toán quốc tế.

Tuy nhiên, sinh viên ít được tiếp xúc với thực tế tại doanh nghiệp mà chỉ được tham gia ở góc độ kiến tập, việc đánh giá mức độ hiểu biết, tiếp cận thực tiễn công tác kế toán ở đơn vị thực tập của sinh viên còn nhiều hạn chế. Mặc dù, đào tạo kế toán,

kiểm toán tại Việt Nam chủ yếu vẫn sử dụng các phương pháp truyền thống, như: thuyết trình, diễn giảng, mà ít có sự tương tác. Trên thực tế, phương pháp này không còn phù hợp, hiệu quả giảng dạy đem lại là không cao. Nhiều giảng viên đã ứng dụng các phương pháp hiện đại vào giảng dạy, tuy nhiên, đi cùng với các phương pháp hiện đại, thì cũng đòi hỏi phải đầu tư công nghệ, thời gian xây dựng bài giảng... Do vậy, việc đổi mới phương pháp giảng dạy kế toán, kiểm toán vẫn chưa toàn diện.

Bên cạnh đó, các học liệu phục vụ cho việc giảng dạy và học tập chuyên ngành chủ yếu được xây dựng dựa trên chuẩn mực, chế độ kế toán, kiểm toán Việt Nam, do Bộ Tài chính ban hành tập trung nhiều vào kỹ thuật nghiệp vụ, ít được cập nhật, chuẩn hóa theo các tài liệu, chuẩn mực kế toán quốc tế. Các tài liệu còn ít các tình huống thực tiễn tại doanh nghiệp hạn chế khả năng tư duy, suy luận logic của sinh viên...

- *Về hệ thống đào tạo ngành Kế toán - Kiểm toán:* Kế toán không phải là ngành mới, đào tạo Kế toán có lịch sử phát triển hơn 60 năm ở Việt Nam với nhiều cơ sở có truyền thống đào tạo như: Đại học Kinh tế Quốc dân, Học viện Tài chính, Đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh,... Hiện nay, phần lớn các trường đại học, cao đẳng đều có chương trình giảng dạy và đào tạo về kế toán. Hàng năm, có từ 50.000 đến 60.000 sinh viên tốt nghiệp cao đẳng, đại học ngành kế toán ra trường, tham gia vào thị trường lao động trong nước và quốc tế về lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Bên cạnh đó còn có các hình thức đào tạo khác như đào tạo bồi dưỡng, đào tạo cấp chứng chỉ, đào tạo Chuyên môn, chương trình đào tạo Kiểm toán viên hành nghề do Bộ Tài Chính tổ chức cũng đã góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực kế toán, kiểm toán. Trong những năm gần đây, đào tạo nguồn nhân lực kế toán, kiểm toán Việt Nam còn có sự tham gia tích cực của các tổ chức nghề nghiệp kế toán được thừa nhận trên phạm vi quốc tế như ACCA, ICAEW, CIMA.

- *Về chương trình đào tạo:* Mặc dù có nhiều cơ sở cùng đào tạo về Kế toán - kiểm toán nhưng chương trình và hệ thống đào tạo sẽ khác nhau. Ở các trường đại học chuyên về tài chính- kế toán sẽ đào tạo theo khuynh hướng nghiên cứu, hình thức này sẽ nghiêng về học trên sách vở là chủ yếu. Bên cạnh đó, ở các trường đại học mới đào tạo ngành Kế toán như Đại học Kinh doanh và Công nghệ, Đại học Công nghiệp Hà Nội,... chủ yếu sẽ đào tạo cử nhân kế toán định hướng thực hành. Hiện nay, nhiều trường đại học và cơ sở đào tạo đã và đang đổi mới chương trình giảng dạy theo định hướng quốc tế, đưa các môn học của ACCA, ICAEW vào chương trình đào tạo giúp sinh viên tiếp cận gần hơn với Kế toán, kiểm toán quốc tế.

- *Về chất lượng nguồn nhân lực:* Theo các chuyên gia kinh tế, đào tạo kế toán, kiểm toán đang đứng trước thách thức rất lớn khi ước tính trong khoảng 10 năm tới

khoảng 70% kỹ năng lao động hiện nay sẽ biến mất và 80% kỹ năng mới sẽ xuất hiện (Lê Thị Thanh Hải, 2021). Hạn chế lớn của nguồn nhân lực Kế toán - kiểm toán của Việt Nam là về tác phong làm việc và tư duy làm việc chưa thực sự chuyên nghiệp, kỹ năng thực tế còn hạn chế do chủ yếu được đào tạo trên sách vở, ít thực hành. Bên cạnh đó, kiến thức và tư duy của người làm kế toán mang tính tuân thủ, công việc kế toán mang tính lặp đi lặp lại dẫn đến tính chủ động và sáng tạo bị hạn chế.

Cơ hội, thách thức đối với công tác đào tạo kế toán, kiểm toán trong bối cảnh CMCN 4.0

• Cơ hội đem lại

Một là, xu thế hội nhập và toàn cầu hóa thúc đẩy sự lưu chuyển hàng hóa, dịch vụ, vốn, công nghệ và lao động giữa các quốc gia, tăng cường đầu tư trực tiếp tạo thêm nhiều việc làm và nhân lực kế toán, kiểm toán Việt Nam có nhiều cơ hội di chuyển trong thị trường lao động khối ASEAN. Nhờ đó, các cơ sở giáo dục, đào tạo kế toán cũng có nhiều cơ hội tiếp xúc, mở rộng hợp tác với các chương trình đào tạo tiên tiến nước ngoài.

Hai là, CMCN 4.0 đã làm thay đổi tư duy, phương thức làm việc của công tác kế toán, kiểm toán cũng như công tác đào tạo nhân lực kế toán, kiểm toán. Các hình thức đào tạo mới ra đời như E-learning, mobile-learning, đào tạo từ xa... đã xuất hiện và từng bước khẳng định được vai trò của nó so với phương thức đào tạo truyền thống. Nhờ các ứng dụng công nghệ thông tin vào đào tạo giúp các sinh viên kế toán, kiểm toán có thể tiếp xúc nhiều hơn với giảng viên, với các học liệu điện tử, như: sách điện tử ebook, bài giảng điện tử, ngân hàng câu hỏi ôn tập và đánh giá kết quả quá trình tự học của sinh viên... do giảng viên xây dựng được tích hợp trên môi trường công nghệ, đáp ứng được các yêu cầu đa dạng của người học mọi lúc, mọi nơi.

• Một số khó khăn, thách thức đặt ra

Thứ nhất, CMCN 4.0 đã tạo ra “làn sóng” dịch chuyển nguồn nhân lực kế toán, kiểm toán trong khu vực; nhưng cũng sẽ tạo ra một môi trường hợp tác, cạnh tranh lành mạnh và gay gắt trên thị trường lao động kế toán, kiểm toán. Đây là thách thức cho các cơ sở giáo dục cần thay đổi chương trình, nâng cao chất lượng đào tạo kế toán, kiểm toán theo hướng tiếp cận chuẩn đầu ra của khu vực và thế giới; từ đó, tăng số cơ sở đào tạo được chấp nhận văn bằng chứng chỉ tại nước ngoài.

Thứ hai, CMCN 4.0 yêu cầu phương pháp đào tạo kế toán, kiểm toán cần thay đổi theo hướng ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ kỹ thuật số, hệ thống mạng.

Các hình thức đào tạo online, đào tạo ảo, mô phỏng, số hóa bài giảng... sẽ là xu hướng đào tạo kế toán, kiểm toán trong tương lai. Điều này tạo áp lực lớn cho các cơ sở đào tạo về kế toán, kiểm toán phải chuẩn bị thật tốt về nguồn lực tổ chức giảng dạy, đặc biệt là đội ngũ giảng viên, không gian học tập nhằm đáp ứng cho “Giáo dục 4.0”.

Thứ ba, với CMCN 4.0, những lao động kế toán, kiểm toán có trình độ thấp sẽ bị đào thải và thay thế bởi máy móc thiết bị, trí thông minh nhân tạo sẽ thay thế người lao động. Điều này dẫn đến lực lượng lao động hoạt động trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán đối mặt với thách thức dư thừa nguồn lao động trình độ thấp, tăng tỷ lệ thất nghiệp.

Theo các chuyên gia kinh tế, đào tạo kế toán, kiểm toán đang đứng trước thách thức rất lớn khi ước tính trong khoảng 10 năm tới khoảng 70% kỹ năng lao động hiện nay sẽ biến mất và 80% kỹ năng mới sẽ xuất hiện (Lê Thị Thanh Hải, 2021). Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực kế toán 4.0 yêu cầu các cơ sở đào tạo cần trang bị cho sinh viên các kỹ năng mà người máy, trí tuệ nhân tạo chưa thể đáp ứng được, như: kỹ năng giải quyết vấn đề, tư duy hệ thống, tư duy phản biện, khả năng sáng tạo, khả năng tự nghiên cứu, tự học...

Một số đề xuất:

- ***Về phía các cơ sở đào tạo ngành kế toán, kiểm toán***

- Cần có cải cách lớn về việc xây dựng chương trình đào tạo nhằm chuẩn đầu ra của từng học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và phù hợp với yêu cầu của doanh nghiệp. Các mục tiêu và chuẩn đầu ra đó đo lường được theo các bộ tiêu chuẩn được trong nước và quốc tế thừa nhận. Tăng cường số tín chỉ đào tạo cho các học phần có tính ứng dụng công nghệ, như: hệ thống thông tin kế toán, kế toán máy để sinh viên có thể làm được ngay từ khi ngồi học trên ghế nhà trường ở mức cơ bản và nâng cao. Đồng thời, đưa vào chương trình giảng dạy một số môn học của các tổ chức nghề nghiệp kế toán quốc tế.

- Phát triển đào tạo trực tuyến, xây dựng hệ thống học liệu mở, thư viện điện tử, các chương trình đào tạo e-learning, đào tạo từ xa cho người hành nghề, giảng dạy và cả những sinh viên, học viên của ngành kế toán, kiểm toán.

- Tăng cường thời gian đi thực tế tại doanh nghiệp cho sinh viên. Thay đổi phương pháp đào tạo trên cơ sở lấy sinh viên làm trung tâm, ứng dụng công nghệ thông tin trong thiết kế bài giảng, giảng dạy qua hình ảnh, qua các mini game, tạo các case study, cho làm bài tập nhóm...

- Nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học trong các cơ sở đào tạo kế toán, kiểm toán, gắn nghiên cứu với các hoạt động chuyển giao ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán.

- ***Về phía các giảng viên giảng dạy kế toán, kiểm toán***

- Đội ngũ giảng viên cần phải được bồi dưỡng, nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn, như: tham gia các lớp tập huấn nâng cao trình độ chuyên môn, sử dụng công nghệ thông tin trong dạy học, đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học và nâng cao trình độ ngoại ngữ.

- Xây dựng chi tiết đề cương chi tiết học phần do mình đảm nhận phù hợp với mục tiêu chung của chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo kế toán, kiểm toán. Áp dụng các phương pháp giảng dạy linh hoạt trong giờ giảng, như: thảo luận nhóm, giảng dạy bằng tình huống, phương pháp đóng vai hoặc cho chơi các trò chơi để kiểm tra kiến thức cuối mỗi buổi học nhằm truyền tải được nội dung tới người học. Nên áp dụng phương pháp đánh giá cả quá trình học của người học, chứ không nên để trọng số điểm dồn vào cuối kỳ thi kết thúc học phần của người học. Rèn luyện các năng lực truyền đạt; truyền cảm hứng, năng lực không ngừng học tập và phát triển bản thân; năng lực sử dụng các thiết bị, phương tiện hiện đại trong giảng dạy.

- Cần tu dưỡng, rèn luyện đạo đức nghề nghiệp đối với người giảng viên, đó là sự trung thực, đáng tin cậy là điểm tựa cho sinh viên, có đam mê và gắn bó lâu dài với sự nghiệp giảng dạy, tận tâm, tận tụy với công việc định hướng sinh viên, trong giao tiếp luôn ứng dụng các quy tắc ứng xử chuẩn mực, là người có trình độ cao, có thói quen học tập và nghiên cứu không ngừng.

- ***Về phía sinh viên và học viên ngành kế toán, kiểm toán***

Không ngừng nỗ lực trong rèn luyện kỹ năng tự học, chủ động nâng cao kỹ năng ngoại ngữ, tin học, làm việc trên các phần mềm kế toán hiện đại; rèn luyện các kỹ năng mềm, như: giao tiếp, lập kế hoạch, làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề và có tư duy phản biện... Phát huy tính sáng tạo, đồng thời tranh thủ học mọi lúc, mọi nơi.

Kết luận: Bối cảnh hội nhập quốc tế và CMCN 4.0 đã đưa đến nhiều cơ hội nhưng cũng đặt ra nhiều thách thức cho đào tạo nhân lực kế toán-kiểm toán Việt Nam. Trước đòi hỏi ngày càng cao về khả năng ứng dụng công nghệ thông tin vào nghề nghiệp, các cơ sở giáo dục cần tận dụng những cơ hội và có các giải pháp ứng phó vượt qua thách thức để đào tạo ra thế hệ nhân lực kế toán, kiểm toán số phù hợp với yêu cầu của thời đại mới./.

Gửi tiết kiệm online thói quen giao dịch tài chính thông minh

Đỗ Thảo Linh - CQ57/21.03

Dưới tác động của dịch Covid-19 và sự phát triển nhanh chóng của công nghệ, giao dịch tài chính online đã trở thành một thói quen không thể thiếu của khách hàng. Các sản phẩm, dịch vụ của ngân hàng cũng hướng đến sự tiện lợi, đơn giản, nhanh chóng và đem lại lợi ích vượt trội, trong đó, gửi tiết kiệm online ngày càng lên ngôi. Hiện nay, người dân có thể gửi tiết kiệm online mọi lúc mọi nơi mà không cần phải đến ngân hàng, chỉ cần có internet banking, mobile banking.

Gửi tiết kiệm online là một dịch vụ gửi tiền tiết kiệm trực tuyến của ngân hàng thông qua kết nối Internet để thực hiện mọi thao tác thay vì phải đến quầy giao dịch. Khách hàng chỉ cần dùng điện thoại hoặc máy tính có kết nối Internet cũng có thể thực hiện các thao tác từ mở sổ tiết kiệm, kiểm tra thông tin lãi suất, gửi tiền, tắt toán, tái tục... mọi lúc mọi nơi vì thủ tục nhanh chóng và lãi suất tiền gửi hấp dẫn. Đây cũng là hình thức được ưa chuộng trong những năm gần đây và được các ngân hàng tập trung phát triển mạnh. Ngoài việc tích lũy tiền bạc, dịch vụ này còn là một cách đầu tư an toàn, nhanh chóng và vô cùng tiện lợi.

Vì sao nhiều người chọn gửi tiết kiệm online?

Thứ nhất, gửi tiết kiệm là cách để khoản tiền dư thừa sinh lời an toàn, được nhiều người lựa chọn. Nếu không có thời gian tới ngân hàng mở sổ tiết kiệm, thì gửi gộp tiền online hay gửi tiền có kỳ hạn online là giải pháp tối ưu.

Thứ hai, cùng với sự phát triển của công nghệ thông tin, ngành ngân hàng cũng ra sức đẩy mạnh việc tự động hóa trong hoạt động giao dịch nhằm nâng cao hiệu quả giao dịch và đem đến cho khách hàng những tiện ích. Đó là lý do các ngân hàng không ngừng đưa ra những lãi suất và ưu đãi đặc biệt nhằm khuyến khích khách hàng sử dụng dịch vụ tiết kiệm online vì lãi suất tiết kiệm online cũng ở mức hấp dẫn, với nhiều kỳ hạn, gói tiền gửi. Các ngân hàng luôn khuyến khích người gửi chọn kỳ hạn tiền gửi dài, với lãi suất cao.

Thứ ba, thói quen giao dịch online được ưa chuộng nhờ tính linh hoạt, chủ động cho người dùng. Đặc biệt, từ khi các ngân hàng áp dụng mở tài khoản thanh toán qua định danh trực tuyến (eKYC), chỉ với vài thao tác, khách hàng có thể mở ngay tài khoản để giao dịch và gửi tiết kiệm online bất cứ thời gian nào, kể cả ngày nghỉ, dịp lễ, Tết.

Thứ tư, khách hàng có thể chủ động chọn số tiền muốn gửi dù chỉ ở mức tài chính rất nhỏ (vài triệu đồng) đến lớn, không giới hạn số lượng sổ tiết kiệm online, tự

động đảo hạn hoặc tất toán về tài khoản thanh toán khi hết kỳ hạn gửi. Trong trường hợp cần vốn gấp, khách hàng cũng có thể chủ động tất toán bất cứ khi nào trên ứng dụng ngân hàng điện tử. Như vậy, gửi tiết kiệm online giúp khách hàng chủ động cho nhu cầu tài chính của mình, tiết kiệm thời gian phải ra quầy giao dịch, có thể gửi ở mọi lúc, mọi nơi - chỉ cần có kết nối mạng, tài khoản ngân hàng...

Thứ năm, khách hàng có thể gửi tiết kiệm bằng các thao tác đơn giản ngay trên ứng dụng. Đây cũng là cách nhanh chóng, tiện lợi để ngay lập tức chuyển các khoản tiền nhàn rỗi vào những tài khoản tiết kiệm với mục đích khác nhau thay vì phải chạy ra ngân hàng, lấy sổ, chờ đợi một thời gian dài và phải ký nhiều loại giấy tờ khác nhau. Bên cạnh đó, thông tin tài khoản trực quan, dễ theo dõi. Ngay từ khi bạn bắt đầu chuyển tiền vào danh mục tiết kiệm trên ứng dụng ngân hàng số, bạn sẽ nhận được một bảng tính chi tiết số tiền bạn nhận được trong tương lai tương đương với kỳ hạn bạn gửi. Việc này giúp bạn chủ động trong việc lựa chọn phương án phù hợp, mức lãi suất kỳ vọng mà không phải ngồi nhẩm tính những con số thập phân rồi áp dụng các công thức tính lãi phức tạp. Tới khi rút tiền, trước lúc tất toán tài khoản, ứng dụng ngân hàng số còn cho bạn thấy bảng so sánh giữa số tiền rút nếu thực hiện ngay và trong tương lai sẽ khác nhau ra sao.

Thứ sáu, gửi tiết kiệm online thực sự rất an toàn. Khi gửi tiền bạn sẽ luôn có bảo hiểm tiền gửi và hệ thống ngân hàng luôn luôn được Chính phủ bảo đảm. Theo lãnh đạo nhiều ngân hàng cho rằng, gửi tiết kiệm trực tuyến thậm chí còn an toàn hơn cả gửi tiền tại quầy, do con người khó can thiệp được.

Gửi tiết kiệm online có an toàn không?

Gửi tiết kiệm online đơn giản nên nhiều người vẫn băn khoăn liệu gửi tiết kiệm qua hình thức online tại các ngân hàng có thực sự an toàn?

Thực tế, hình thức gửi tiết kiệm online được thực hiện bởi lệnh giao dịch từ các khách hàng gửi tiết kiệm. Vì thế, nhân viên ngân hàng cũng không thể can thiệp được với các lệnh giao dịch này.

Đồng thời, khi thực hiện các bước gửi tiền tiết kiệm online qua các app của ngân hàng, bạn được ngân hàng xác thực qua nhiều lớp (điện thoại, email, mã OTP...) để xác thực trước khi gửi tiền, tất toán gói tiết kiệm.

Sau đó, các lệnh mà khách hàng gửi tiền tiết kiệm online được lưu lại toàn bộ trên hệ thống và dữ liệu này được sao lưu. Vì thế, các ngân hàng luôn cam kết gửi tiết kiệm online an toàn, đảm bảo cho khách hàng.

Với việc đầu tư cho công nghệ và chuyển đổi số của ngân hàng, khách hàng gửi tiết kiệm online hoàn toàn yên tâm về độ bảo mật của các sổ tiết kiệm này. Chỉ với vài thao tác, một phút khách hàng sẽ có ngay sổ tiết kiệm; không giới hạn số lượng sổ và 24/7 ngày bảo mật với mã OTP thông minh.

Những rủi ro cần tránh khi gửi tiết kiệm online

Thứ nhất, rủi ro đạo đức. Đây là tình trạng đạo đức nhân viên ngân hàng yếu kém nên làm xảy ra tình trạng thất thoát tiền gửi tiết kiệm, số tiền gửi trong tài khoản online ít hơn số tiền gửi thực. Thế nhưng, vì tiết kiệm online là hình thức chuyển tiền từ tài khoản thanh toán sang tài khoản tiết kiệm nên nếu có thất thoát, hệ thống ngân hàng sẽ chịu trách nhiệm giúp khách hàng xử lý và hoàn trả theo đúng quy định.

Thứ hai, rủi ro hacker. Khách hàng có thể bị hack mất hết tiền nếu công tác bảo mật của ngân hàng, tổ chức tài chính chưa đủ mạnh.

Thứ ba, rủi ro đăng nhập. Đây là rủi ro từ phía cá nhân khách hàng khi để lộ thông tin đăng nhập hoặc không thoát tài khoản sau khi giao dịch, để kẻ gian lợi dụng sơ hở và đánh cắp tiền gửi. Hoặc có thể do máy tính nhiễm virus gây nên sự cố không mong muốn...

Thứ tư, ngân hàng có thể bị phá sản. Đây chính là rủi ro khi đem tiền gửi vào ngân hàng, tuy nhiên, trên thực tế, tỷ lệ rủi ro này là rất thấp bởi ngân hàng nếu hoạt động không hiệu quả sẽ được thực hiện nhiều phương án như phục hồi, hợp nhất, sáp nhập, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phần vốn góp, giải thể, chuyển giao bắt buộc. Nếu vẫn không hiệu quả thì phá sản là phương án cuối cùng.

Gửi tiền online thế nào để tránh rủi ro?

Để giảm thiểu rủi ro và tránh cảnh bị mất tiền oan hoặc tốn thời gian trong quy trình hoàn trả sau sự cố, chúng ta cần:

Thứ nhất, nên chọn các ngân hàng lớn và uy tín để gửi tiết kiệm. Đồng thời, nên "chia trứng vào nhiều giỏ" bằng cách gửi tiền tại nhiều ngân hàng khác nhau.

Thứ hai, trước khi quyết định gửi tiền tại ngân hàng bằng hình thức mở sổ tiết kiệm tại quầy, hay giao dịch online qua hệ thống app của ngân hàng, bạn cũng cần tìm hiểu rõ các quy định gửi tiền, lãi suất tiền gửi, lưu ý hệ thống bảo mật... Trường hợp phát hiện đường link lạ, các đăng nhập và chỉ dẫn khác với quy định của ngân hàng, tuyệt đối không giao dịch theo.

Thứ ba, khi đăng nhập chú ý tuyệt đối không để lộ thông tin, tài khoản, mật khẩu khi đăng nhập vào sổ tiết kiệm online, tránh kẻ gian lợi dụng. Không tự ý truy cập vào các đường link lạ, hạn chế hacker tấn công và luôn thoát tài khoản hoàn toàn sau mỗi lần sử dụng.

Thứ tư, tuyệt đối không nhờ người khác giao dịch hộ trên tài khoản tiết kiệm online; luôn thoát tài khoản sau mỗi lần sử dụng. Bên cạnh đó, hãy đổi mật khẩu thường xuyên, cài đặt bảo mật nhiều lớp và kiểm tra số dư tài khoản, biến động tiền gốc, lãi để khi có bất kỳ sự cố nào phát sinh, ta có thể liên lạc với ngân hàng ngay lập tức để có phương án giải quyết kịp thời.

Tài liệu tham khảo:

<https://luatvietnam.vn/tin-phap-luat/rui-ro-khi-gui-tiet-kiem-ngan-hang-230-32510-article.html>

[https://vnexpress.net/nhung-dieu-can-biet-khi-gui-tiet-kiem-online-3156186.html#:~:text=G%E1%BB%ADi%20ti%E1%BA%BFt%20ki%E1%BB%87m%20online%20l%C3%A0,Inte](https://vnexpress.net/nhung-dieu-can-biet-khi-gui-tiet-kiem-online-3156186.html#:~:text=G%E1%BB%ADi%20ti%E1%BA%BFt%20ki%E1%BB%87m%20online%20l%C3%A0,Inte&rnet%20m%E1%BB%8Di%20l%C3%BAc%20m%E1%BB%8Di%20n%C6%Ai)

[rnet%20m%E1%BB%8Di%20l%C3%BAc%20m%E1%BB%8Di%20n%C6%Ai](https://vnexpress.net/nhung-dieu-can-biet-khi-gui-tiet-kiem-online-3156186.html#:~:text=G%E1%BB%ADi%20ti%E1%BA%BFt%20ki%E1%BB%87m%20online%20l%C3%A0,Inte&rnet%20m%E1%BB%8Di%20l%C3%BAc%20m%E1%BB%8Di%20n%C6%Ai)

Hỗ trợ tín dụng cho doanh nghiệp vận tải trong bối cảnh hậu Covid-19 tại Việt Nam

Triệu Khánh Huyền - CQ57/05.03

Đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp khiến các doanh nghiệp vận tải gặp rất nhiều khó khăn. Hàng loạt doanh nghiệp vận tải phải dừng hoạt động, nhiều phương tiện "đắp chiếu", hành khách vắng bóng, cảng hàng không ngưng trệ, đường sắt hoạt động cầm chừng, vận tải biển bị cắt giảm, gián đoạn... Điều này đã cho thấy ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch Covid-19 tới hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp vận tải là rất nặng nề. Thực tế, mặc dù các phương tiện vận tải không hoạt động nhưng chủ doanh nghiệp vẫn phải chi trả các loại phí như phí bảo trì đường bộ, phí khấu hao tài sản, đăng kiểm, đăng ký, lãi suất ngân hàng, bảo hiểm trách nhiệm dân sự, bảo hiểm thân vỏ. Đối với những doanh nghiệp hoạt động cầm chừng thì nguồn thu không đủ đảm bảo các khoản chi phí nên doanh nghiệp đang phải bù lỗ cho xe; một số nhà xe đang phải trả lãi cho ngân hàng do doanh nghiệp vay vốn ngân hàng để đầu tư vào các phương tiện vận tải. Nếu điều này tiếp tục kéo dài thì các doanh nghiệp vận tải, đặc biệt là doanh nghiệp vận tải hành khách có nguy cơ đứng trên bờ vực phá sản. Chính vì vậy, việc tiếp tục nghiên cứu, đánh giá và kịp thời đưa ra các chính sách hỗ trợ, đặc biệt là hỗ trợ về tín dụng cho các doanh nghiệp vận tải nhằm giúp các doanh nghiệp này trụ vững, vượt qua khó khăn để tiếp tục phục hồi sản xuất, kinh doanh là điều rất quan trọng và cấp thiết trong bối cảnh hiện nay.

Trong lĩnh vực vận tải đường sắt, khách hàng liên tục trả vé tàu bởi dịch bệnh phức tạp. Theo thống kê sơ bộ, đến hết tháng 02/2021 đã có trên 33.000 vé tàu bị trả lại, trị giá gần 30 tỷ đồng. Cụ thể, từ ngày 01/3/2021 trên tuyến Bắc - Nam, chỉ còn 2 đôi tàu khách Thống Nhất chạy suốt và một số mác tàu chạy không thường xuyên, điều này đã khiến ngành vận tải đường sắt gặp nhiều khó khăn khi không có nguồn thu nhưng vẫn phải duy trì các hoạt động.

Đối với vận tải đường bộ, vấn đề thiệt hại lại càng nặng nề hơn, nhiều doanh nghiệp, nhà xe phải dừng hoạt động, cho xe nằm bãi, chỉ có khoảng 20 - 30% lượng phương tiện có thể hoạt động trong việc vận chuyển hàng hóa, các phương tiện vận chuyển hành khách thì gần như đóng cửa. Trong khi đó, cơ cấu vốn của các doanh nghiệp vận tải đa phần là vốn vay tín dụng ngân hàng. Vốn vay hoạt động của doanh nghiệp chiếm trên 80%, nguồn tiền để trả lãi vay và gốc sẽ căn cứ vào nguồn tiền thu hàng tháng, nhưng hiện nay do không thể kinh doanh nên doanh nghiệp không có nguồn chi trả.

Đối với vận tải hàng không, trước sự bùng phát phức tạp của đại dịch Covid-19 đã khiến các doanh nghiệp vận tải hàng không vốn đã khó khăn thì nay lại rơi vào tình cảnh hết sức lao đao. Hàng loạt chuyến bay bị cắt giảm, hành khách vắng bóng, cảng hàng không ngưng trệ, các hãng hàng không liên tiếp thông báo lỗ. Hãng Hàng không quốc gia Việt Nam (Vietnam Airlines) dự báo quý I/2021 lỗ khoảng 4.800 tỷ đồng, trong 6 tháng đầu năm 2021 số lỗ có thể lên tới 10.000 tỷ đồng. Hiện số nợ phải trả quá hạn của Vietnam Airlines lên tới 6.240 tỷ đồng, tổng công ty này đang cực kỳ khó khăn, bên bờ vực phá sản. Các hãng hàng không tư nhân như Vietjet Air, Bamboo Airways dù đã cố gắng tối ưu hóa hoạt động khai thác và duy trì sản xuất kinh doanh thông qua việc chuyển nhượng các tài sản trong năm 2020, tuy nhiên, dự báo hoạt động của 2 hãng bay tư nhân này tiếp tục khó khăn trong năm 2021, các hãng dần hết nguồn lực tài chính để hỗ trợ dịch vụ vận tải hàng không. Ước tính hãng bay Vietjet Air thiếu hụt khoảng 10.000 tỷ đồng để hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh.

So với các loại hình vận tải khác, vận tải đường biển ít chịu thiệt hại hơn. Trong 8 tháng đầu năm 2021, do ảnh hưởng của các yếu tố ngoài nước và tình hình diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 kéo dài, một số tỉnh phía Nam thực hiện nghiêm việc giãn cách xã hội theo Chỉ thị số 16/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, làm cho các doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc sản xuất kinh doanh, dẫn đến lưu lượng vận chuyển hàng hóa bằng đường biển giảm. Thực tế, sản lượng vận chuyển, luân chuyển giảm; gián đoạn việc triển khai một số dự án đầu tư kết cấu hạ tầng, ảnh hưởng đến hoạt động vận tải và logistics; giá cước vận tải biển, giá cước vận chuyển container tăng cao; giấy đi đường cho các nhân viên hãng tàu, đại lý giao nhận hàng hóa chỉ được cấp hạn chế ảnh hưởng tới việc làm thủ tục giao nhận hàng hóa tại cảng; thiếu nhân công làm việc tại các bến cảng...

Một số chính sách hỗ trợ tín dụng của NHNN và các TCTD cho doanh nghiệp vận tải

Tác động tiêu cực của dịch Covid-19 đã làm cho cộng đồng doanh nghiệp đặc biệt là các doanh nghiệp vận tải gặp rất nhiều khó khăn về vốn và tài chính để duy trì hoạt động. Trước bối cảnh đó, NHNN đã ban hành nhiều quy định pháp luật về tín dụng để hỗ trợ kịp thời cho các doanh nghiệp vận tải nhằm giúp các doanh nghiệp này có thể đứng vững và vượt qua được giai đoạn dịch bệnh khó khăn hiện nay. Cụ thể:

Thứ nhất, về quy định pháp luật. Để hỗ trợ cho doanh nghiệp, trong đó có doanh nghiệp vận tải, NHNN đã nhanh chóng nghiên cứu, rà soát, xây dựng và ban hành các văn bản pháp luật nhằm kịp thời tạo cơ sở pháp lý để phục vụ hiệu quả cho hoạt động hỗ trợ tín dụng cho các doanh nghiệp nói chung và doanh nghiệp vận tải nói riêng. Ví dụ như Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020 của NHNN quy định về việc TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí,

giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19. Năm 2021 dịch bệnh bùng phát trở lại, để phù hợp với tình hình thực tế, NHNN đã ban hành Thông tư số 03/2021/TT-NHNN ngày 02/4/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020 của Thống đốc NHNN Việt Nam... Điều này sẽ giúp các doanh nghiệp vận tải giảm áp lực về vấn đề trả nợ, tạm thời không bị chuyển nhóm nợ, có cơ hội tiếp cận với khoản vay mới, tránh gián đoạn dòng tiền trong sản xuất kinh doanh. Hơn nữa, việc tận dụng cơ hội cơ cấu thời hạn trả nợ sẽ giúp các doanh nghiệp vận tải có thêm nguồn lực và thời gian để tiếp tục phục hồi sản xuất kinh doanh theo lộ trình phù hợp với khả năng miễn dịch cộng đồng của Việt Nam.

Thứ hai, về thực thi chính sách hỗ trợ tín dụng. Kể từ khi dịch bệnh bùng phát, NHNN đã liên tiếp 03 lần điều chỉnh giảm các mức lãi suất với tổng mức giảm 1,5 - 2,0%/năm đối với lãi suất điều hành, giảm 0,6 - 1,0%/năm trần lãi suất tiền gửi các kỳ hạn dưới 6 tháng; giảm 1,5%/năm trần lãi suất cho vay ngắn hạn đối với các lĩnh vực ưu tiên (hiện ở mức 4,5%/năm), sẵn sàng hỗ trợ thanh khoản cho TCTD, tạo điều kiện cho TCTD tiếp cận nguồn vốn từ NHNN với chi phí thấp hơn, qua đó có điều kiện giảm lãi suất cho vay để hỗ trợ khách hàng phục hồi sản xuất kinh doanh. Kết quả, mặt bằng lãi suất cho vay đã giảm khoảng 1%/năm trong năm 2020 và xu hướng giảm lãi suất này vẫn tiếp tục trong hơn nửa đầu năm 2021 với mức giảm khoảng 0,55%/năm (tổng cộng giảm 1,55%/năm so với trước dịch).

Một số đề xuất hoàn thiện chính sách hỗ trợ tín dụng cho doanh nghiệp vận tải trong bối cảnh hậu Covid-19 tại Việt Nam

Về phía NHNN: Cần tăng cường theo dõi, đẩy mạnh đôn đốc, tiếp tục chỉ đạo các TCTD quyết liệt thực hiện cam kết giảm lãi suất cho vay, giảm phí dịch vụ thanh toán; tiếp tục tập trung nguồn vốn để đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn phục vụ sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp vận tải với thời hạn và lãi suất hợp lý. Ngoài ra, NHNN cần đẩy mạnh phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trình Chính phủ chú trọng sửa đổi, nới lỏng điều kiện tiếp cận chính sách vay vốn trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất kinh doanh, tạo điều kiện cho doanh nghiệp vận tải tiếp cận được nguồn vốn để khôi phục sản xuất, kinh doanh. NHNN cần xem xét tăng cường cho vay tái cấp vốn, tiếp tục linh hoạt hạn mức tăng trưởng tín dụng đối với các TCTD để các TCTD có thêm nguồn lực giảm lãi suất, cung ứng tín dụng hỗ trợ kịp thời các doanh nghiệp vận tải.

Về phía TCTD: Cần nhanh chóng, quyết liệt hơn nữa đẩy nhanh thực hiện các chính sách hỗ trợ tín dụng cho các doanh nghiệp vận tải, đảm bảo các giải pháp hỗ trợ mang tính thực chất, đồng thời phải thường xuyên báo cáo kết quả triển khai các biện pháp hỗ trợ như đã tự nguyện cam kết, thực hiện đúng tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ nền kinh tế trong bối cảnh khó khăn hiện nay. Đặc biệt, để hỗ trợ

kip thời cho các doanh nghiệp vận tải, các TCTD cần tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi vay, tạm thời giữ nguyên nhóm nợ đối với các khoản vay phù hợp quy định của NHNN, xem xét cho doanh nghiệp vận tải vay mới, vay vốn để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh; giảm phí các dịch vụ thanh toán để hỗ trợ doanh nghiệp. Bên cạnh đó, các TCTD cũng cần tiếp tục đơn giản hóa các thủ tục hành chính để giúp các doanh nghiệp vận tải có thể tiếp cận được các khoản vay được nhanh chóng và thuận tiện hơn.

Về phía các bộ, ngành có liên quan: Các chính sách hỗ trợ cho các doanh nghiệp vận tải không chỉ trông chờ vào hệ thống ngân hàng mà cần có sự chung tay, phối hợp, góp sức của các bộ, ngành liên quan để các chính sách hỗ trợ phát huy triệt để tác dụng và đủ sức giúp các doanh nghiệp vận tải có thể vượt qua được khó khăn.

Về phía doanh nghiệp vận tải: Bên cạnh sự hỗ trợ của ngành Ngân hàng thì bản thân các doanh nghiệp vận tải phải cần tự cố gắng nêu cao ý thức vươn lên, phát huy lợi thế, nâng cao năng lực cạnh tranh của mình, không nên ỷ lại, trông chờ hoàn toàn vào sự hỗ trợ từ hệ thống ngân hàng. Bên cạnh các chính sách, cơ chế cho vay hoặc hỗ trợ vốn của các ngân hàng, yếu tố quyết định vẫn là sự nỗ lực của chính bản thân doanh nghiệp. Các doanh nghiệp vận tải cần phải nâng cao trình độ quản trị điều hành trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu đặt ra trong bối cảnh dịch bệnh; tích cực, chủ động tiếp cận và sử dụng các dịch vụ tài chính, ngân hàng, đặc biệt là các dịch vụ tư vấn, hỗ trợ về quản lý tài chính, lập dự án kinh doanh. Đây chính là điểm mấu chốt giúp doanh nghiệp vận tải vượt qua khó khăn. Bên cạnh đó, để có thể tiếp cận được nguồn vốn được dễ dàng hơn, các doanh nghiệp vận tải cần minh bạch hóa tài chính, hoạt động tài chính, kinh doanh của doanh nghiệp cần được công khai, hợp tác với ngân hàng trong việc trao đổi thông tin. Để chuẩn bị vay vốn, doanh nghiệp cần có phương án kinh doanh rõ ràng, khả thi, trong đó, doanh nghiệp phải hiểu rõ về mục đích cho khoản vay đang mong muốn. Đồng thời, doanh nghiệp cũng cần kiểm soát tốt dòng tiền hoạt động kinh doanh, trả nợ ngân hàng và xây dựng lịch sử tín dụng tốt, vì đây là cơ sở để các TCTD đánh giá mức độ tín nhiệm doanh nghiệp.

Tài liệu tham khảo:

<https://tapchinganhang.gov.vn/chinh-sach-ho-tro-tin-dung-cho-doanh-nghiep-van-tai-trong-boi-canhdai-dich-covid-19-tai-viet-nam.htm>

Trần Linh Huân (2021), “Hỗ trợ doanh nghiệp trong bối cảnh đại dịch Covid-19 tại Việt Nam dưới khía cạnh, chính sách, pháp luật về tín dụng ngân hàng”, *Tạp chí Ngân hàng*, số 19, tháng 10/2021, tr.39.

Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020 của Thống đốc NHNN Việt Nam quy định về việc TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19.

Đặng Nhật (2021), “Ảnh hưởng từ đại dịch Covid-19: Doanh nghiệp vận tải chật vật duy trì hoạt động”, *Báo Công an nhân dân*, <https://cand.com.vn/Xa-hoi/Anh-huong-tu-dich-Covid-19-Doanh-nghiep-van-tai-chat-vat-duy-tri-hoat-dong-i598444/>.

Cơ hội và thách thức khi ứng dụng công nghệ Blockchain trong lĩnh vực logistics tại Việt Nam

Đỗ Thị Huế - CQ58/05.01

Nguyễn Thị Huế - CQ58/05.02

Trong những năm gần đây, Blockchain đã và đang chứng minh là một trong những trụ cột về công nghệ của tương lai, tạo ra những đột phá quan trọng trong mọi lĩnh vực đặc biệt là Logistics. Xác thực dữ liệu dễ dàng, nâng cao tính minh bạch và khả năng tiếp cận dữ liệu cho các bên liên quan, giảm chi phí, loại bỏ lỗi và các thủ tục trung gian thông qua các quy trình tinh gọn, tự động hóa và tránh được các lỗi sai (không đáng có) do con người gây ra... là những lợi ích to lớn mà nền tảng công nghệ này mang lại.

Tổng quan về lĩnh vực Blockchain và nền tảng Blockchain

Công nghệ blockchain hay còn gọi là chuỗi khối - một cơ sở dữ liệu phân cấp, đóng vai trò lưu trữ thông tin trong các khối thông tin được liên kết với nhau bằng mã hóa. Đây là một công nghệ truyền tải dữ liệu an toàn. Mỗi khối thông tin đều chứa thông tin về thời gian khởi tạo và được liên kết tới khối trước đó, kèm một mã thời gian và dữ liệu giao dịch. Blockchain được thiết kế để chống lại việc thay đổi của dữ liệu, một khi dữ liệu đã được mạng lưới chấp nhận thì sẽ không có cách nào thay đổi được nó và chỉ được bổ sung thêm khi có sự đồng thuận của tất cả các nút trong hệ thống. Ngay cả khi một phần của hệ thống blockchain sụp đổ, những máy tính và các dữ liệu khác sẽ tiếp tục bảo vệ thông tin và giữ cho mạng lưới tiếp tục hoạt động.

Logistics là hoạt động theo chuỗi dịch vụ từ giai đoạn tiền sản xuất cho tới khi hàng hóa tới tay người tiêu dùng cuối cùng, liên quan trực tiếp đến hoạt động vận tải, giao nhận, kho bãi, các thủ tục dịch vụ hành chính, tư vấn (hải quan, thuế, bảo hiểm...), xuất nhập khẩu - thương mại, kênh phân phối, bán lẻ... Đây là một ngành dịch vụ quan trọng đóng vai trò hỗ trợ, kết nối và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của cả nước góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, tạo cơ hội bình đẳng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, khuyến khích thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước.

Cơ hội phát triển

Theo xếp hạng của Agility năm 2021, Việt Nam hiện đứng top 10 chỉ số Logistics thị trường mới nổi với tốc độ phát triển hàng năm đạt từ 14-16%, với quy mô

khoảng 40-42 tỷ USD/năm. Tham gia thị trường logistics gồm khoảng 3.000 DN trong nước và khoảng 25 tập đoàn giao nhận hàng đầu thế giới kinh doanh dưới nhiều hình thức. Đây là một trong những ngành dịch vụ tăng trưởng nhanh và ổn định nhất của Việt Nam trong thời gian qua.

Với tính năng vượt trội, ứng dụng Blockchain trong ngành Logistics là không thể thiếu giúp khuấy động ngành logistics ở Việt Nam, đáp ứng tốt nhất nhu cầu của xã hội. Một số ứng dụng của Blockchain trong lĩnh vực vận tải và logistics có thể kể đến:

Thứ nhất, quy trình đóng gói thông minh. Một trong những hoạt động của logistics là việc đóng gói hàng hóa phục vụ quá trình giao nhận và vận chuyển. Những vật liệu cho việc đóng gói này hoàn toàn có thể được tái sử dụng thông qua ứng dụng Blockchain vào truy xuất thông tin liên quan đến vòng đời của vật liệu đóng gói. Tại Việt Nam, lượng hàng hóa giao hàng chặng cuối cùng vô cùng lớn, đi kèm với nó chính là rác thải từ hệ thống thùng/hộp đóng gói. Nếu ứng dụng được giải pháp này và logistics thu hồi hiệu quả sẽ giảm được đáng kể lượng rác thải và tác động lên môi trường.

Thứ hai, việc truy xuất nguồn gốc được minh bạch, rõ ràng. Blockchain có thể theo dõi một cách minh bạch nguồn gốc của hàng hóa khi chúng được chuyển từ nơi này đến nơi khác, giúp mọi người có thể truy cập tất cả các thông tin liên quan đến thực phẩm, từ nguyên liệu gốc đến chi tiết về cách thức và nơi thức ăn được trồng, sản xuất và ai đã kiểm tra nó. Giải pháp Blockchain vừa cải thiện đáng kể tính minh bạch thông tin của chuỗi cung ứng, đồng thời vẫn đảm bảo được khả năng bảo mật cần thiết, giúp doanh nghiệp nâng cao uy tín thương hiệu của mình.

Thứ ba, kết hợp trí tuệ nhân tạo (AI) và Internet vạn vật (IoT) để giám sát hành trình vận chuyển cũng như các phương tiện vận chuyển. Công nghệ Blockchain theo dõi quá trình vận chuyển hàng hóa cả về không gian và thời gian trong suốt các giai đoạn của chuỗi cung ứng. Các nhà quản trị vận tải và logistics sẽ có được các thông tin về điều kiện vật lý của các lô hàng tại bất kỳ một thời điểm nào (như sự sai lệch nhiệt độ) có thể giúp cho việc ra quyết định trong các hoạt động logistics được hiệu quả hơn.

Kết hợp với IoT và AI, Blockchain sẽ tăng tính hiệu quả một cách mạnh mẽ, và trở nên hữu ích trong việc giám sát sức chứa vận chuyển. Cảm biến IoT gắn trong các phương tiện vận tải giúp đơn vị vận chuyển xác định được không gian chiếm dụng của các lô hàng, để từ đó xác định phương tiện vận tải phù hợp, mức giá phù hợp. Công nghệ Blockchain giúp duy trì chất lượng ban đầu của sản phẩm, đồng thời, ghi lại toàn bộ dữ liệu một cách an toàn trong toàn bộ quá trình vận chuyển. Các dữ liệu này được truyền tức thì tới hệ thống Blockchain giúp các bên liên quan theo dõi, giám sát an toàn và chính xác sức chứa vận tải.

Thứ tư, đẩy nhanh quá trình vận chuyển, tiết kiệm được nhiều thời gian và chi phí trung gian nhờ áp dụng hợp đồng thông minh.

Blockchain khi ứng dụng trong ngành Logistics sẽ mang lại nhiều lợi ích, điển hình như việc tự động hoá giao dịch khi các hợp đồng thông minh được mã hoá qua Blockchain. Blockchain giúp người mua và bán xác minh lô hàng qua Blockchain và giúp người mua có thể chuyển các khoản thanh toán tự động cho bên bán mà không cần tác động của bên thứ ba. Chính điều này cũng đồng thời giúp giảm sự can thiệp của các bên trung gian vào quá trình thực hiện giao dịch, đồng thời, cắt giảm chi phí cũng như rút ngắn thời gian hoàn thành giao dịch. Ứng dụng Blockchain, việc thanh khoản trở nên trôi chảy, nhanh chóng hơn khi mất chỉ 1-2 ngày, hạn chế độ trễ trong giao nhận hàng.

Thách thức đặt ra

Tại Việt Nam, một số doanh nghiệp tiên phong ứng dụng công nghệ này vào hoạt động của họ, tuy nhiên vẫn còn khá nhiều hoài nghi về những rủi ro, hạn chế như:

Một là, sự lưu trữ mãi mãi của công nghệ tạo ra sự lãng phí lớn về không gian lưu trữ, khi những thông tin về giao dịch, sản phẩm, vận chuyển và những MetaData khác nữa thì hệ thống cần chuẩn bị ổ cứng dung lượng rất lớn. Vì dữ liệu không thể sửa đổi của Blockchain cũng dẫn đến tình huống nếu dữ liệu đầu vào bị lỗi thì toàn bộ chuỗi sẽ hoạt động sai lệch. Mặt khác, việc áp dụng Blockchain đòi hỏi phải có sự đồng thuận hợp tác và tích hợp rất nhiều bên để vận hành hệ thống hiệu quả, đây là một trở ngại rất lớn cho Việt Nam vì đa phần các doanh nghiệp phát triển khá mạnh mẽ, không bắt tay với nhau để nâng cao lợi thế cạnh tranh của mình.

Hai là, năng lực cạnh tranh của ngành Logistics Việt Nam vẫn còn hạn chế do cơ sở hạ tầng, công nghệ quản lý môi trường, chính sách vẫn còn tụt hậu so với thế giới. Hầu hết các doanh nghiệp logistics trong nước đều có quy mô nhỏ và vừa, chủ yếu cung cấp các dịch vụ giao nhận, cho thuê kho bãi, làm thủ tục hải quan, gom hàng lẻ, chưa tham gia điều hành cả chuỗi logistics.

Ba là, hệ thống luật pháp tại Việt Nam về công nghệ Blockchain còn nhiều lỗ hổng chưa thực sự phù hợp khi áp dụng. Những quy định, điều luật và hiệp định thương mại kiểm chế các quyền sở hữu và công bố thông tin. Đặc biệt là các tuyến đường biển với rất nhiều điều luật chồng chéo.

Bốn là, việc mở rộng quy mô còn gặp nhiều khó khăn so với hệ thống tập trung truyền thống. Cùng một dữ liệu phải sống ở hàng trăm hoặc hàng ngàn địa điểm hơn ở một nơi duy nhất. Chi phí truyền tải, xác minh và lưu trữ rất lớn vì mỗi bản sao của cơ sở dữ liệu phải trả tiền thay vì các chi phí đó chỉ được trả một lần trong cơ sở dữ liệu truyền thống, tập trung.

Năm là, sự thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao và còn nhiều bất cập về kiến thức chuyên môn. Nguồn nhân lực công nghệ thông tin của Việt Nam được đào tạo từ hệ thống các trường đại học, cao đẳng trong nước hằng năm đã không đủ để đáp ứng

cho các doanh nghiệp trong nước. Hiện nay, Việt Nam có khoảng 6.000 nhân viên đang làm việc trong lĩnh vực logistics, nhưng số lao động được đào tạo chuyên sâu về dịch vụ logistics và nền tảng công nghệ Blockchain chỉ chiếm khoảng 5 - 7% tổng số lao động đang làm việc và những người có kinh nghiệm hiểu biết về luật pháp quốc tế còn rất hạn chế.

Đề xuất một số giải pháp

Ứng dụng công nghệ Blockchain trong ngành Logistics có thể nói là “cánh tay” đắc lực trong ngành Logistics. Để phát huy ngày càng tốt vai trò của nền tảng công nghệ Blockchain trong ngành Logistics cần thực hiện một số giải pháp nhằm khắc phục những hạn chế để nắm bắt cơ hội và tối ưu hóa lợi ích.

Thứ nhất, nâng cao nhận thức về Blockchain trong ngành Logistics. Sự phát triển ngày càng cao của khoa học công nghệ dẫn đến sự khó thống nhất của các Blockchain. Vì vậy, xây dựng một xã hội hợp tác tốt nhất, các tổ chức và cá nhân cần đóng góp thời gian, công cụ và các nguồn lực là cần thiết để thực hiện các dự án về Blockchain, liên kết với chính phủ, nhà nước, các hiệp hội và các tổ chức liên quan khác.

Thứ hai, chuẩn bị về mặt công nghệ, hạ tầng. Việc chuẩn bị tốt về mặt công nghệ, hạ tầng, tự động hóa quy trình, số hóa dữ liệu cho các doanh nghiệp Logistics rất quan trọng. Đây chính là cơ sở để doanh nghiệp bắt đầu áp dụng hợp đồng thông minh. Minh bạch hóa quá trình quản lý và bảo mật thông tin khi sử dụng Blockchain trong doanh nghiệp. Việc nâng cao năng lực cơ sở hạ tầng kết nối với các doanh nghiệp Logistics rất khả thi nhằm tăng hiệu quả công việc nhờ tốc độ xử lý được nâng cao. Nâng cấp cơ sở hạ tầng chính là giải pháp hiệu quả tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp phát triển bền vững.

Thứ ba, doanh nghiệp trong nước phải đầu tư nghiêm túc việc ứng dụng công nghệ Blockchain vào lĩnh vực Logistics để đạt kết quả cao thay vì chạy đua theo trào lưu. Việc đầu tư không phù hợp với mô hình kinh doanh sẽ tốn kém, gây lãng phí và không phát huy được sức mạnh công nghệ này. Ngoài ra, các doanh nghiệp cần nắm bắt cơ hội, tận dụng các nguồn lực để gọi vốn từ nước ngoài một cách dễ dàng và thông thoáng.

Thứ tư, Nhà nước cần xây dựng hành lang pháp lý rõ ràng, đảm bảo tốt quy trình, đưa ra những chính sách phù hợp, kịp thời để hỗ trợ và thúc đẩy công nghệ Blockchain phát triển, tạo tiền đề thuận lợi cho việc ứng dụng công nghệ mới vào lĩnh vực logistics ngày càng rộng rãi.

Tài liệu tham khảo:

https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages_r/l/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM222597

<https://m.tapchitaichinh.vn/tai-chinh-kinh-doanh/chuyen-doi-so-trong-nganh-dich-vu-logistics-viet-nam-330676.html>

<https://tapchitaichinh.vn/nghien-cuu--trao-doi/trao-doi-binh-luan/giam-chi-phi-logistics-bang-cong-nghe-blockchain-143882.html?mobile=true>

Hướng đi cho chuyển đổi số trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán

Nguyễn Linh Chi; Nguyễn Thị Hồng May - CQ57/22.10

Vai trò của chuyển đổi số trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán

Hướng tới nền công nghiệp 4.0, chuyển đổi số và thay đổi để thích nghi là rất cần thiết đối với tất cả các doanh nghiệp trong hoạt động kế toán - kiểm toán. Điện toán đám mây (Cloud), trí tuệ nhân tạo (AI), Chuỗi - khối (Blockchain), internet vạn vật (IoT) và Dữ liệu lớn (Big Data) là những công nghệ đang được áp dụng phổ biến trong lĩnh vực kế toán của các doanh nghiệp. Thực tế đã chứng minh những công nghệ này đều có tính ứng dụng cao, giúp đẩy nhanh quy trình kế toán. Nhờ có chuyển đổi số mà công tác kế toán của doanh nghiệp theo đó mà trở nên linh hoạt hơn, BCTC cung cấp nhiều thông tin có tính tham khảo đa chiều hơn.

Chuyển đổi số có thể hiểu là sự tích hợp các công nghệ kỹ thuật số vào tất cả các lĩnh vực của một doanh nghiệp, tận dụng các công nghệ để thay đổi căn bản cách thức vận hành, mô hình kinh doanh và cung cấp các giá trị mới cho khách hàng của doanh nghiệp đó cũng như tăng tốc các hoạt động kinh doanh. Bên cạnh đó, chuyển đổi số cũng có thể hiểu một sự thay đổi về văn hóa của các doanh nghiệp, đòi hỏi các doanh nghiệp phải cập nhật công nghệ mới hàng giờ, hàng phút; liên tục thử nghiệm, đổi mới và sáng tạo để bắt kịp với xu hướng thời đại. Chuyển đổi số trong kế toán - kiểm toán có thể hiểu như việc sử dụng các công nghệ số thế hệ mới vào các nghiệp vụ kế toán, kiểm toán để các bước công việc được tối ưu nhất cả về mặt thời gian và hiệu quả, tiết kiệm nhân lực và chi phí cho doanh nghiệp. Tính đến 01/07/2022, các doanh nghiệp bắt buộc phải áp dụng hóa đơn điện tử, trừ một số trường hợp đặc biệt được quy định. Ngoài hóa đơn điện tử, các công nghệ khác cũng đã được áp dụng trong kế toán có thể kể đến như là phần mềm kế toán; phần mềm bán hàng điện tử; phần mềm văn phòng điện tử;... Công nghệ số tác động vào hầu hết các quy trình, phương pháp và chức năng kế toán - kiểm toán, hướng đến sự phù hợp với các chuẩn mực quốc tế IFRS, cũng là xu hướng tương lai của nghề kế toán - kiểm toán.

Những khó khăn trong ứng dụng công nghệ số trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán tại Việt Nam

Một là, sự thiếu hụt nguồn nhân sự kế toán, kiểm toán chất lượng cao

Công nghệ trước đây trong kế toán - kiểm toán chỉ đóng vai trò là công cụ hỗ trợ, trong khi nhận lực đóng vai trò then chốt nhất. Song dưới tác động mạnh mẽ và yêu

cầu đổi mới cao trong bối cảnh hiện nay cùng xu thế tất yếu của chuyển đổi số, công nghệ tạo ra những chiến lược mới, cơ hội mới. Áp dụng tốt công nghệ trong thực hiện các nghiệp vụ kế toán - kiểm toán sẽ trở thành bàn đạp cho sự tăng trưởng và nâng cao vị thế cạnh tranh của doanh nghiệp.

Trong thời đại hiện tại, nguồn nhân lực có thể triển khai chuyển đổi số của các doanh nghiệp là chưa cao và chưa đáp ứng được sự đổi mới liên tục của công nghệ. Con số các trường đào tạo cử nhân trong ngành Quản trị tài chính, kế toán - kiểm toán là rất nhiều, song theo thống kê của Hội kiểm toán viên hành nghề Việt Nam cho thấy có tới 2/4 sinh viên tốt nghiệp ngành Kế toán - kiểm toán chưa đáp ứng các tiêu chí đặt ra của nhà tuyển dụng.

Hai là, tư duy truyền thống và văn hóa doanh nghiệp không phù hợp với sự đổi mới công nghệ số

Chiến lược tư duy theo lối mòn cũ là một chướng ngại vật rất lớn của doanh nghiệp trong thời buổi hiện nay. Các lãnh đạo doanh nghiệp cần một cuộc cách mạng về tư duy, phá vỡ những suy nghĩ không còn tính ứng dụng. Để hướng tới sự phát triển cho doanh nghiệp, các nhà quản lý cần áp dụng chuyển đổi số để tạo trải nghiệm, từ đó xây dựng được những chiến lược phát triển mới phù hợp bước đi của thời đại. Cách mạng 4.0 đòi hỏi sự nhanh chóng, thuận lợi mà những lề thói cũ không thể nào đáp ứng. Chính văn hóa tốc độ bắt buộc các nhân viên phải có kỹ năng tốt và tính kỷ luật cao, ngược lại sẽ dễ dàng trở nên không phù hợp và bị đào thải.

Ba là, chất lượng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin kém, bảo mật thấp

Hiện nay, các hồ sơ, giấy tờ,... hầu hết đều được kê khai bằng tay, điều này gây bất tiện cho công việc kế toán, quản trị tài chính trong lưu trữ và bảo mật thông tin. Với bước tiến công nghệ mới, những vấn đề này đã tìm ra lối đi mới thuận tiện hơn. Phương thức, quy trình kế toán mới đã được áp dụng: mọi dữ liệu được số hóa thành thông tin điện tử - hóa đơn điện tử, chữ ký điện tử, phần mềm kế toán máy,... Và bảo mật thông tin luôn là vấn đề được quan tâm hàng đầu của các doanh nghiệp. Nếu không có những chính sách, biện pháp bảo mật dữ liệu thì việc lộ thông tin hay đánh cắp dữ liệu là không thể tránh khỏi. Chính vì thế, doanh nghiệp cần chú trọng việc nâng cấp cũng như cải tiến chất lượng cơ sở hạ tầng hệ thống công nghệ thông tin trong công tác quản lý.

Đề xuất giải pháp giúp nâng cao hiệu quả chuyển đổi số trong lĩnh vực kế toán

Thứ nhất, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng những thay đổi trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán

Dưới sự tác động của cuộc cách mạng công nghệ 4.0, dữ liệu doanh nghiệp được lưu trữ dưới dạng điện tử ngày càng nhiều, số lượng giao dịch số theo đó cũng ngày một

tăng nhanh và đa dạng. Sự đổi mới về công nghệ, xu hướng mới trong kế toán - kiểm toán đòi hỏi nguồn nhân lực không chỉ cần nắm vững kiến thức chuyên môn mà còn phải học hỏi thêm các kỹ năng và kiến thức về công nghệ thông tin, truyền thông và quản lý, kiến thức luật pháp có liên quan.

Các cơ sở đào tạo và bản thân doanh nghiệp phải thay đổi thật sự trong bản chất trong chương trình, quy trình đào tạo. Cụ thể, cần tập trung kiểm tra và điều chỉnh chương trình đào tạo hiện tại theo hướng kết hợp ứng dụng công nghệ số và những nội dung mới về khoa học kế toán được quốc tế thừa nhận, xây dựng các môn học mang tính thực tế ứng dụng công nghệ thông tin như: An toàn thông tin, Phân tích dữ liệu kế toán,...; tăng cường tổ chức các hoạt động kế toán, kiểm toán thực tế trong môi trường chuyển đổi số.

Các đơn vị đào tạo và các trường đại học cần đầu tư hơn cho nghiên cứu khoa học và công bố quốc tế về các chủ đề ứng dụng công nghệ thông tin trong kế toán kiểm toán và chuyển giao tri thức vào thực tế. Khuyến khích giảng viên, sinh viên tích cực hơn trong việc nghiên cứu các đề tài ứng dụng khoa học kỹ thuật để tăng cường hiệu quả của công tác kiểm soát nội bộ và kiểm toán, của hệ thống thông tin kế toán.

Thứ hai, xây dựng văn hóa đổi mới, sáng tạo, hiện đại trong đơn vị phù hợp với thời đại chuyển đổi số

Xây dựng văn hóa doanh nghiệp phù hợp với thời đại chuyển đổi số hiện nay có một vai trò rất quan trọng trong mọi dự án của doanh nghiệp nói chung và trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán nói riêng. Đối với công tác kế toán - kiểm toán, việc áp dụng một công nghệ không chỉ làm ảnh hưởng đến toàn bộ quá trình kế toán, kiểm toán mà còn ảnh hưởng đến tổng thể doanh nghiệp và thậm chí là các đối tác của doanh nghiệp như nhà cung cấp, khách hàng... Vì vậy, tạo ra văn hóa đổi mới, sáng tạo, hiện đại sẽ là một nền tảng vững chắc cho sự thành công của chiến lược chuyển đổi số trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán.

Ngoài ra, xây dựng văn hóa doanh nghiệp phù hợp với thời đại chuyển đổi số còn được thể hiện ở chỗ có thể thiết lập văn hóa chia sẻ tri thức trong đơn vị. Bằng cách chia sẻ với nhau các công nghệ ứng dụng trong công tác kế toán - kiểm toán, công nghệ sẽ được nhiều người viết đến và cùng đồng lòng để xây dựng, phát triển; đặc biệt là giữa các thành viên trong hệ thống thông tin kế toán hay giữa các kiểm toán viên độc lập để thúc đẩy chuyển đổi số trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán

Thứ ba, các doanh nghiệp cần cải thiện chất lượng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin

Thực hiện chuyển đổi số đồng nghĩa với việc khối lượng dữ liệu cực lớn được cập nhật lên hệ thống ứng dụng công nghệ Blockchain để phân tích, xử lý dữ liệu,

đảm bảo an ninh, an toàn về bảo mật. Để đáp ứng yêu cầu này, doanh nghiệp cần thường xuyên tìm hiểu, nghiên cứu các công nghệ mới áp dụng trong công tác kế - kiểm để bắt kịp với xu hướng của thời đại chuyên đổi số, cập nhật dữ liệu thường xuyên, lưu trữ các dữ liệu tài chính và phi tài chính; tích hợp phần mềm kế toán và hệ thống quản trị trong hệ thống công nghệ thông tin chung;... Đồng thời, phải xem xét các quy định mang tính hạn chế quá trình chuyển đổi số, nếu không phù hợp có thể điều chỉnh hoặc xóa bỏ.

Thứ tư, chú trọng an toàn, bảo mật thông tin gắn với an ninh mạng trước sự đe dọa tấn công của tội phạm mạng

Với sự phát triển mạnh mẽ của không gian mạng hiện nay, các nguy cơ bị mất cắp các dữ liệu thông tin kế toán, kiểm toán có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Đây là một nguy cơ lớn mà các kế toán, kiểm toán cần nhận thức được và chuẩn bị cho những trường hợp không mong muốn khi ứng dụng các công nghệ mới. Do vậy, để đảm bảo các dữ liệu kế toán, kiểm toán không bị các đối tượng xấu xâm nhập, đánh cắp mất những thông tin quan trọng thì cần chú trọng xây dựng hệ thống an ninh mạng, đảm bảo an toàn bảo mật cao đối với thông tin dữ liệu kế toán, kiểm toán trước sự đe dọa của tội phạm mạng. Đồng thời thường xuyên kiểm tra, giám sát định kỳ hệ thống phần mềm, công nghệ kế toán, kiểm toán trong doanh nghiệp để kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý ra những lỗ hổng hệ thống mà các đối tượng xấu có thể xâm nhập.

Thứ năm, tăng cường, mở rộng các hoạt động hợp tác quốc tế

Với sự giúp đỡ của Hiệp hội các chuyên gia quốc tế trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán và các tổ chức phi chính phủ trong việc nghiên cứu và chia sẻ kinh nghiệm kế toán và kiểm toán, đồng thời hỗ trợ các dự án đổi mới mô hình và hoạt động quản lý nghề nghiệp cũng như kỹ thuật chuyên môn kế toán và kiểm toán có ứng dụng thành tựu cách mạng công nghiệp 4.0.

Tài liệu tham khảo:

Kiều, Hoàn Quốc (2020), “Tác động của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đến mô hình phân phối của các DN Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học thương mại*. 140(12-21).

Nguyễn, Thắng (2019), “Tác động của cách mạng công nghiệp 4.0 đến một số ngành công nghiệp của Việt Nam”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Việt Nam* (12), tr. 14-16.

ACCA. (2016). *Professional Accountants-The Future: Drivers of Change and Future Skills*. London, UK: ACCA.

PwC. (2018). *Financial Statement Audit: Tech-Enabling the Audit for Enhanced Quality and Greater Insights*. London, UK: Pricewaterhouse and Coopers.

Hoạt động truyền thông marketing tại sàn thương mại điện tử Shopee

Phí Ngọc Linh Phương - CQ59/11.09CLC

Việt Nam đang là một trong những nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất châu Á, mở ra cơ hội cho bất kỳ ai quan tâm đến việc triển khai các hoạt động kinh doanh tại các thị trường mới. Theo thống kê của Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số - Bộ Công thương tại Sách trắng thương mại điện tử Việt Nam năm 2021, tính tới hết năm 2020, tỷ lệ người dân sử dụng Internet đạt 70%, trong đó số lượng người tiêu dùng mua sắm trực tuyến là 49,3 triệu người, tỷ trọng doanh thu TMĐT B2C chiếm tới 5,5% so với tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng cả nước với mức tăng trưởng trên 10% mỗi năm. Do vậy, Việt Nam đã và đang trở thành một thị trường vô cùng tiềm năng đối với giới TMĐT. Điều này đồng nghĩa với việc thị trường Thương mại điện tử Việt Nam sẽ thu hút rất nhiều đơn vị tham gia, cùng với sự mở rộng về quy mô và số lượng của nhiều nền tảng Thương mại điện tử là dòng vốn đầu tư từ các doanh nghiệp, tổ chức nước ngoài vào các nền tảng Thương mại điện tử trong nước, điều này tạo nên sự một thị trường Thương mại điện tử cạnh tranh vô cùng khốc liệt. Để có được thị phần và nâng cao vị thế cạnh tranh, các doanh nghiệp Thương mại điện tử cần phải hoạch định các chiến lược đúng đắn để tận dụng tối đa các nguồn lực của mình.

Đối mặt với những cơ hội và thách thức to lớn như vậy, Công ty TNHH Shopee đã quyết định gia nhập thị trường Thương mại điện tử tại Việt Nam từ năm 2015 với việc ra mắt nền tảng Thương mại điện tử Shopee, cùng sứ mệnh “Cung cấp những trải nghiệm tuyệt vời trên nền tảng Internet”, Công ty TNHH Shopee đã xây dựng nên Sàn Thương mại điện tử Shopee, là kênh kết nối người mua và người bán, mang lại những trải nghiệm mua sắm dễ dàng, an toàn và tiện lợi trên nền tảng thiết bị di động.

Trải qua hơn 5 năm hoạt động tại thị trường Việt Nam, cùng với sự phát triển nhanh chóng số lượng mua sắm trên các nền tảng trực tuyến, sàn Thương mại điện tử Shopee đã vươn lên trở thành một trong những nền tảng Thương mại điện tử có lượng truy cập website cao nhất Việt Nam năm 2020. Để đạt được thành quả như vậy, đồng thời duy trì vị thế trong ngành và phát triển lớn mạnh hơn trong tương lai thì Công ty TNHH Shopee phải có một chiến lược Truyền thông Marketing dành cho sàn Thương mại điện tử Shopee đúng đắn.

Mô hình hoạt động của nền tảng Shopee

Shopee hoạt động theo mô hình kinh doanh C2C Marketplace hay còn được hiểu là mô hình trung gian trong quy trình mua bán giữa cá nhân với cá nhân. Mô hình này

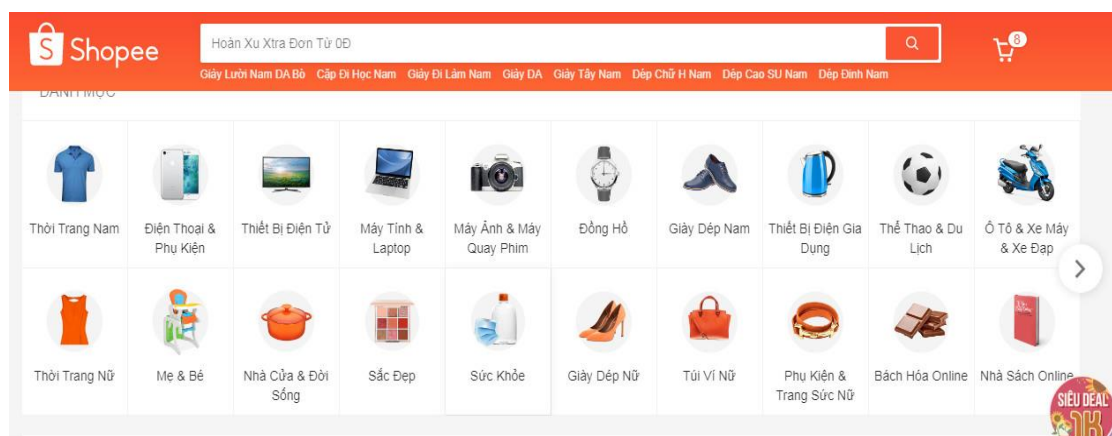
của Shopee được thiết lập từ công ty mẹ và các hệ thống của Shopee tại các quốc gia mà Shopee có mặt. Tuy nhiên, khi xâm nhập vào thị trường Việt Nam, Shopee phát triển thêm mô hình hoạt động B2C (Business to Customer). Mô hình này cùng tồn tại song song với mô hình vốn có mà Shopee đang triển khai là C2C.

Thành phần người sử dụng sàn TMĐT Shopee: Với vai trò là trung gian trong các hoạt động mua và bán, sàn TMĐT Shopee có 2 đối tượng sử dụng là:

- Người Bán: Là thương nhân, tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng dịch vụ của Shopee bao gồm: tạo lập gian hàng, đăng tin giới thiệu sản phẩm/dịch vụ, và/hoặc khuyến mại sản phẩm/dịch vụ.

- Người Mua: Là thương nhân, tổ chức, cá nhân có nhu cầu tìm hiểu thông tin về sản phẩm/dịch vụ được đăng bán trên Shopee. Người Mua bắt buộc đăng ký tài khoản để tham gia giao dịch mua bán.

Sàn TMĐT Shopee cho phép người bán tự do đăng bài bán hàng và trả một phần phí theo quy định của Shopee từng thời kỳ. Với mục tiêu cung cấp các sản phẩm đa dạng, giá cả phải chăng một cách nhanh chóng, tiện lợi, hiện nay Shopee đang kinh doanh với số lượng 25 nhóm danh mục sản phẩm trên nền tảng TMĐT với đa dạng các mặt hàng giống như một “cái chợ lớn” gồm: thời trang, thiết bị điện tử, đồng hồ, thiết bị điện gia dụng... Mỗi một người bán giống như một gian hàng trưng bày các sản phẩm đặc trưng của mình. Với Shopee, người bán hàng có thể là doanh nghiệp, tổ chức, thương nhân, cá nhân.



Hình 2.1. Giao diện danh mục sản phẩm của Shopee nền tảng website

(Nguồn: www.shopee.vn)

Các công cụ truyền thông của Shopee

- Quảng cáo: Shopee đã sử dụng kết hợp khá nhiều công cụ quảng cáo để truyền các thông điệp tới khách hàng. Các hình thức quảng cáo mà Shopee sử dụng bao gồm:

+ Quảng cáo ngoài trời: Shopee đã cho triển khai các chiến dịch quảng cáo ngoài trời bằng cách sử dụng các biển quảng cáo, pano, bảng quảng cáo màn hình LED tại các vị trí trung tâm thành phố lớn: Hà Nội, TP. HCM, Đà Nẵng...

+ Quảng cáo trực tuyến: Shopee sử dụng rất nhiều các công cụ quảng cáo trực tuyến thông qua các nền tảng chia sẻ truyền thông phổ biến như Youtube, Tiktok, Instagram. Thông qua các nền tảng này, công chúng luôn nhớ tới Shopee với các thông điệp ấn tượng, dễ ghi nhớ, tạo nên hiệu ứng truyền thông mạnh.

+ Marketing liên kết: Chương trình Marketing liên kết của Shopee giúp cho người bán thông qua các trang mạng của họ đến người mua đang có nhu cầu mua sắm sản phẩm, dịch vụ trên Shopee. Chương trình cũng là một kênh thu hút nhiều Nhà quảng cáo chuyên nghiệp sử dụng các giải pháp quảng cáo chuyên biệt để bán được các sản phẩm được tiếp thị, từ đó nhận tỷ lệ phần trăm phí từ người bán.

+ Sử dụng báo chí và truyền hình: Với việc có nguồn lực tài chính dồi dào, Shopee cũng triển khai hoạt động quảng cáo cho các chương trình khuyến mại kích cầu trong năm trên các kênh truyền hình, báo điện tử mạnh mẽ... nhằm quảng bá thông tin về chương trình khuyến mại và giúp lan truyền rộng hơn tới nhiều khách hàng tiềm năng.

+ Sử dụng người nổi tiếng (Influencer) để truyền thông: Với cơ cấu dân số trẻ, Shopee nhận thấy sức ảnh hưởng của những người nổi tiếng đối với tập khách hàng mục tiêu của mình nên đã đầu tư rất mạnh vào việc sử dụng Người nổi tiếng (Influencer) trong các chiến dịch truyền thông marketing, đồng thời đưa ra các chiến dịch sử dụng Người nổi tiếng quản lý và bán các gian hàng riêng trên nền tảng của mình, từ đó tận dụng được uy tín và sức ảnh hưởng của người nổi tiếng, tạo sự thu hút khách hàng trải nghiệm nền tảng Shopee.

- Marketing trực tiếp: Thông qua khối lượng dữ liệu thu thập được từ nền tảng của mình và các công cụ Social Listening, Shopee đã tùy chỉnh ứng dụng trên thiết bị khách hàng sử dụng để phù hợp với hành vi mua sắm của khách hàng đó.

- Xúc tiến bán: Khuyến mại là một trong những công cụ truyền thông marketing mà Shopee chú trọng vận dụng. Không chỉ riêng Shopee, các sàn thương mại điện tử khác như Lazada, Tiki, Sendo đều liên tục tung ra các chương trình khuyến mại, mã giảm giá để thu hút khách hàng. Shopee đã triển khai nhiều ngày Sale lớn trong năm để kích thích tâm lý của khách hàng. Đặc biệt là người tiêu dùng Việt Nam luôn bị hấp dẫn trước các chương trình khuyến mại, ưu đãi như Ngày hội Flash Sale, Miễn phí vận chuyển, Coupon/Voucher và mã giảm giá, Chương trình Tích xu, Hoàn xu, Siêu thị 0 đồng.

- Quan hệ công chúng:

+ Truyền thông thông qua các cộng đồng mạng xã hội

+ Các chương trình cộng đồng khác: Chương trình “Shopee 11.11 Triệu Bàn Tay, Chương trình Đồng hành cùng đội tuyển Thể thao điện tử (eSports) Việt Nam dự SEA Games 2019, Chương trình “Cùng Shopee tôn vinh sản phẩm Việt...”

- Marketing tương tác: Shopee nhận thấy việc đầu tư khá bài bản vào các hoạt động marketing tương tác là rất quan trọng, đặc biệt đối tượng khách hàng tiềm năng của Shopee là đối tượng có thời gian sử dụng Internet hàng ngày khá cao, việc tương tác và mang lại các trải nghiệm khác cho khách hàng ngoài việc mua sắm sẽ giúp Shopee có thêm sự gắn kết và ấn tượng của khách hàng mục tiêu. Trong số các chương trình marketing tương tác đã triển khai, có thể kể đến một số chương trình tiêu biểu như Tính năng Shopee Live, Shopee game, Trả giá, Lắc xu...

Nhờ tận dụng được lợi thế của việc phát triển nền tảng từ một công ty công nghệ lớn như Tập đoàn SEA, ứng dụng của Shopee ngay từ ban đầu thâm nhập thị trường Việt Nam đã lấy nền tảng ứng dụng di động làm nền tảng chủ đạo, thay vì bắt đầu với nền tảng website như các đối thủ cạnh tranh khác. Trong các chiến dịch truyền thông của mình, Shopee tập trung hướng người dùng chú ý tới việc sử dụng điện thoại di động để truy cập vào sàn TMĐT Shopee thông qua các hình ảnh người dùng thực hiện thao tác trên thiết bị di động lặp đi lặp lại, kèm theo các lợi ích khi tạo tài khoản mua sắm mới trên sàn TMĐT, Shopee, tạo ấn tượng để người dùng dễ dàng thao tác cài đặt, sử dụng nền tảng của Shopee. Các chương trình của Shopee được bộ phận marketing nghiên cứu để phù hợp với xu hướng hiện tại của tập khách hàng mục tiêu, khiến cho sản phẩm sàn TMĐT Shopee tiếp cận rộng rãi với các nhóm đối tượng khách hàng mục tiêu mà Shopee hướng tới.

Tài liệu tham khảo:

<https://shopee.vn>

<http://idea.gov.vn/?page=document>

<https://vn.investing.com/equities/sea-limited-financial-summary>

<https://iprice.vn/insights/mapofecommerce/>

<https://ecommage.com/toan-canh-digital-tai-viet-nam/>

Kế toán - Kiểm toán tận dụng lợi thế từ Blockchain ra sao?

Mai Thị Anh Minh - CQ58/11.07

Hiện nay, những thành tựu công nghệ nổi bật của Cách mạng công nghiệp 4.0 đã và đang mang đến những cơ hội phát triển về mọi mặt cho các nước trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Trong đó, Công nghệ chuỗi khối (Blockchain) được coi là một bước đột phá, tạo ra những biến đổi trong lĩnh vực kế toán và kiểm toán như giúp bảo mật thông tin kế toán, đảm bảo vẹn toàn hồ sơ tài chính, giảm thiểu khả năng xảy ra sai phạm kinh tế... Blockchain có thể mở ra rất nhiều cánh cửa cơ hội cho ngành Kế toán - Kiểm toán Việt Nam trong tương lai.

Blockchain là gì?

Blockchain là chủ đề vô cùng nóng trên toàn cầu hiện nay cùng với tiền kỹ thuật số, nó đang trở thành tâm điểm của rất nhiều tranh luận. Vậy Blockchain là gì? Blockchain có nghĩa là chuỗi khối, tên ban đầu của nó là Block Chain hay cuốn sổ cái, là một cơ sở dữ liệu phân cấp lưu trữ thông tin được liên kết với nhau bằng mã hóa và có khả năng mở rộng theo thời gian. Theo báo cáo thống kê gần đây, thị trường toàn cầu dự kiến sẽ có sự tăng vọt hơn 400% do công nghệ Blockchain vào năm 2021.

Blockchain có rất nhiều ưu điểm như dữ liệu không bị mất, tiết kiệm chi phí, tính bảo mật cao, giao dịch xuyên biên giới, đảm bảo sự minh bạch, giảm thiểu sự chậm trễ khi xử lý giao dịch,... Đó là những đặc điểm vượt trội mà công nghệ Blockchain mang lại và nó được đánh giá là sáng tạo, đột phá nhất trong thời đại kỹ thuật số hiện nay. Thậm chí, Quỹ Tiền tệ Thế giới (IMF) còn cho rằng Blockchain là một công nghệ hấp dẫn hay Liên Hợp quốc đã từng sử dụng nó để tạo ra một nền tảng minh bạch, mang lại niềm tin và các giải pháp sáng tạo trong cuộc chiến chống biến đổi khí hậu.

Những cơ hội và thách thức mà ngành kế toán - kiểm toán đang phải đối mặt

Trong bối cảnh mới, cũng giống như các ngành nghề kinh doanh khác, kế toán - kiểm toán đang đứng trước rất nhiều cơ hội, cụ thể như:

Mở rộng phạm vi làm việc và có nhiều cơ hội việc làm: Thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 với mạng không dây đã rút ngắn khoảng cách địa lý trong thực

hiện công việc kế toán - kiểm toán. Nghĩa là, các kế toán - kiểm toán viên có thể thực hiện công việc kế toán - kiểm toán ở bất kỳ đâu.

Cơ hội tiếp cận với công nghệ kế toán - kiểm toán quốc tế: Cách mạng công nghiệp 4.0 tạo điều kiện cho việc khai thác dữ liệu và nâng cao độ tin cậy của việc lập báo cáo. Các phần mềm và hệ thống thông minh sẽ thay thế công việc thủ công, tự động hóa các quy trình phức tạp, hỗ trợ các xu hướng dịch vụ thuê ngoài và tái sử dụng nội bộ một số dịch vụ khác. Việc phát triển hệ thống trí tuệ nhân tạo, vạn vật kết nối trên toàn thế giới sẽ mở ra cơ hội để ngành Kế toán - kiểm toán tiếp cận những phần mềm kế toán tiện ích với chi phí phù hợp. Từ đó, sử dụng hiệu quả nguồn lực, tiết kiệm thời gian, nhân lực, tiệm cận hệ thống kế toán - kiểm toán quốc tế. Đây là cơ hội để các công ty kế toán - kiểm toán nâng cao chất lượng dịch vụ, mở rộng phân khúc thị trường.

Cơ hội tạo động lực để các cá nhân, tổ chức hành nghề kế toán, kiểm toán phát triển: Những tiến bộ từ cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 là động lực giúp các cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức hoạt động trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán Việt Nam phát triển, nắm bắt và thay đổi kịp thời để thích nghi với công nghệ mới, nâng cao năng suất lao động và chất lượng công việc. Cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 tác động đến nhận thức và hành động của mỗi cán bộ, nhân viên trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán, khuyến khích các cá nhân nỗ lực học tập, nâng cao trình độ khoa học công nghệ, ứng dụng những tiến bộ về kỹ thuật trong công tác chuyên môn.

Mặc dù có nhiều cơ hội như thế nhưng bên cạnh đó cũng có rất nhiều những thách thức và khó khăn mà ngành kế toán - kiểm toán đang phải đối mặt:

Thứ nhất, cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, bảo mật còn hạn chế: Tại Việt Nam, công tác kế toán, kiểm toán hiện nay chủ yếu được thực hiện trên hồ sơ, giấy tờ. Trong khi Cách mạng công nghiệp 4.0 lại chuyển hóa toàn bộ các dữ liệu đó thành thông tin điện tử, vừa đa dạng, vừa khó nắm bắt. Do vậy, về lâu dài nếu kế toán viên, kiểm toán viên không am hiểu về công nghệ, sẽ khó khăn trong thực hiện các công việc chuyên môn. Để giải quyết những hạn chế về trình độ, năng lực của cán bộ, nhân viên và sắp xếp công việc hợp lý cho nhân viên là một bài toán không hề dễ đối với ngành Kế toán, Kiểm toán trong bối cảnh cuộc CMCN 4.0.

Thứ hai, thách thức trong việc cải cách hệ thống pháp luật điều chỉnh hoạt động Kế toán, Kiểm toán. Kiểm toán của Việt Nam vẫn còn chưa hoàn thiện, thiếu tính ổn định và chưa phù hợp hoàn toàn với các cam kết quốc tế. Ví dụ, các Chuẩn mực Kế toán còn lạc hậu và chưa cập nhật so với các thông lệ và Chuẩn mực Kế toán quốc tế;

hệ thống các Chuẩn mực Kiểm toán ban hành còn thiếu; việc thực hiện cam kết về sự hiện diện của thể nhân chưa được quy định rõ ràng, chi tiết,...

Thứ ba, kỹ năng mềm của người lao động còn yếu: Kỹ năng giao tiếp, kỹ năng ứng xử, kỹ năng lãnh đạo có tầm quan trọng ngang bằng, thậm chí cao hơn các kỹ năng chuyên môn. Khảo sát của tổ chức tuyển dụng Navigos Search cũng ghi nhận, nhu cầu sử dụng ngôn ngữ quốc tế, khả năng làm việc nhóm, khả năng giao tiếp, lối tư duy phản biện - giải quyết vấn đề ngày càng được chú trọng. Tuy nhiên, theo nghiên cứu của Viện Khoa học, Lao động và Xã hội, các lao động đã qua đào tạo của Việt Nam mặc dù nhanh nhẹn, sáng tạo... nhưng lại thiếu và yếu kỹ năng mềm (như làm việc theo nhóm, ngoại ngữ, tư duy phản biện, sáng tạo, tuân thủ công nghệ...), tính tuân thủ kỷ luật chưa cao...

Đặc biệt, sự cạnh tranh khốc liệt với nhân lực từ các nước tham gia FTA thế hệ mới. Để làm việc tại môi trường quốc tế đòi hỏi người lao động phải có trình độ đạt chuẩn quốc tế, có kiến thức chuyên sâu, phương thức làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả. Tuy nhiên, đội ngũ kế toán viên, kiểm toán viên của Việt Nam hiện nay còn thiếu cả về số lượng và chất lượng so với các tiêu chuẩn quốc tế.

Khi ứng dụng Blockchain vào kế toán - kiểm toán

Công nghệ Blockchain là một công nghệ đa năng có thể được thực hiện trong ngành kế toán - kiểm toán để giảm bớt những thách thức phổ biến trong ngành kế toán - kiểm toán qua nhiều thập kỷ. Blockchain sẽ là một công nghệ luôn sẵn sàng nhằm mục đích trở thành trụ cột của ngành kế toán - kiểm toán để đối mặt với mọi thách thức nêu trên. Blockchain là công nghệ sổ cái phân tán, các bản ghi được lưu trữ ở một vị trí tập trung, có thể là tập hợp các tệp bảng tính hoặc cơ sở dữ liệu của một ứng dụng phần mềm kế toán. Với việc ứng dụng công nghệ Blockchain sẽ giúp ngành thương mại điện tử giải quyết được nhiều vấn đề.

Thứ nhất, ứng dụng Blockchain có thể giúp bảo mật thông tin kế toán: Blockchain được thiết kế để chống lại sự thay đổi dữ liệu. Thông tin trong Blockchain không thể bị thay đổi và chỉ được bổ sung thêm khi có sự đồng thuận của tất cả các nút trong hệ thống. Ngay cả khi nếu một phần của hệ thống Blockchain đổ, những máy tính và nút khác sẽ tiếp tục hoạt động để bảo vệ thông tin.

Thứ hai, ứng dụng Blockchain giúp giảm thiểu khả năng xảy ra sai phạm kinh tế: Công nghệ Blockchain trong Kế toán - Kiểm toán làm giảm phần lớn khả năng xảy ra sai sót khi đối chiếu các thông tin phức tạp và khác biệt từ nhiều nguồn khác nhau. Hơn nữa, hồ sơ kế toán sẽ không thể chỉnh sửa và thay đổi một khi đã được lưu vào

Blockchain, ngay cả khi chủ sở hữu hệ thống kế toán yêu cầu. Bởi trên nền tảng Blockchain, mọi giao dịch hàng ngày được ghi chép lại và xác thực, do đó tính vẹn toàn của các hồ sơ tài chính được đảm bảo.

Thứ ba, Blockchain có thể làm giảm các sai sót và gian lận kế toán. Khi một khối dữ liệu được thêm vào chuỗi, phần còn lại của mạng lưới phải xác minh dữ liệu đó. Khi bạn thực hiện giao dịch trên chuỗi, tất cả các máy tính trong mạng lưới sẽ xác định bạn và kiểm tra xem bạn có quyền giao dịch hay không. Vì vậy, nếu cần phải trả 100 USD mà bạn chỉ chuyển 50 USD do nhầm lẫn, các khối khác sẽ chỉ ra sai sót đó.

Thứ tư, an ninh mạng được thắt chặt nhờ công nghệ Blockchain: Một hacker sẽ phải xâm nhập vào toàn bộ mạng máy tính cùng một lúc để thực hiện bất kỳ thiệt hại nào. Nếu chỉ tấn công một máy tính, những máy tính khác trong mạng lưới sẽ có thể phát hiện và phản ứng với việc tấn công.

Một vài ứng dụng khác của công nghệ Blockchain trong ngành Kế toán - Kiểm toán có thể đề cập đến là: Bằng chứng kiểm toán có thể theo dõi; Quá trình kiểm toán tự động; Xác thực giao dịch; Theo dõi quyền sở hữu tài sản; Hợp đồng thông minh; Hệ thống đăng ký và kiểm kê đối với mọi tài sản nào, từ nguyên liệu đến sở hữu trí tuệ.

Tóm lại, trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đang "bùng nổ" ở Việt Nam, kế toán viên và kiểm toán viên cần cân nhắc cách thức làm việc và có thể cung cấp cho khách hàng những sản phẩm công việc có giá trị cao hơn liên quan đến hiểu biết sâu sắc và suy nghĩ chiến lược. Với những ưu điểm vượt trội cùng tính năng bảo mật cao nhờ cơ sở dữ liệu phân tán, Blockchain có thể mở ra rất nhiều cánh cửa cơ hội cho ngành Kế toán - Kiểm toán trong tương lai.

Tài liệu tham khảo:

<https://blogtienao.com/blockchain-la-gi/>

<https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/thach-thuc-doi-voi-nganh-nghe-ke-toan-kiem-toan-tai-viet-nam-trong-giai-doan-hien-nay-86779.htm>

<https://www.tapchicongthuong.vn/bai-viet/ung-dung-cong-nghe-blockchain-vao-nganh-ke-toan-kiem-toan-70656.htm>

Vietnam's financial market in 2021 - Challenges and opportunities in 2022

Hoàng Nam Khánh - CQ59/10.27

In 2021, overcoming negative developments from the epidemic, broken supply chains, and complex fluctuations in basic commodity prices, especially the impact of COVID-19, components of Vietnam's Financial market still achieved many positive results, contributing to capital supply for the economy. In 2022, Vietnam's financial market is forecasted to continue to receive challenges but will be intertwined with opportunities.

Vietnam's Financial market in 2021

In the context of complicated international developments and epidemics, the economy in 2020 - 2021 is difficult, with low growth. However, the economy is recovering quite quickly thanks to the appropriate change in the epidemic prevention strategy. In that context and in line with the general uptrend of the global financial market, Vietnam's financial market maintains a positive growth momentum thanks to a stable macroeconomy, several supportive fiscal and monetary policies, supporting people and businesses implemented, some fields and industries will develop well.

The lending interest rate level between credit institutions and economic organizations and people has decreased by about 0,82%/year. In addition, although debt restructuring programs must continue, supporting customers affected by the COVID-19 epidemic is about VND 52,000 billion and the bad debt coverage ratio is pushed to 152% from 105% in 2020, but the pre-tax profit of 29 commercial banks, accounting for 80% of the industry's market share, still grew by 32%.

About the stock market, in 2021 the stock index (VnIndex) will increase by 35,7%, the stock market capitalization will increase by 48,4%, and the market liquidity will increase by 253%; capital mobilization through the stock market reached 757 trillion dongs, up 62%, of which corporate bond issuance reached 657 trillion dongs, up 42% compared to 2020. Besides that, the number of new investors reached a record, nearly 1,5 times the total of the previous 4 years,... The insurance market maintained its revenue growth momentum (reaching VND 217 trillion in 2021), net profit of listed insurance companies increased by 19%.

The financial market's commodity base is increasingly diversified, along with the promotion of information technology applications. In 2021, the corporate bond market has grown strongly and has changed in quality, with a diversified structure of

issuers, the issuance volume increased. The derivatives stock market with many new products has a very fast growth rate and is increasingly promoting its role as a hedging tool, contributing to liquidity in the underlying stock market.

However, the banking market also has risks such as increasing potential bad debts and increasing financial crimes. The stock market, after a period of rapid development, is having downward adjustments, price manipulation, violations of information disclosure, margin lending has increased rapidly, investors use a lot of financial leverage, psychological leading the crowd... In the insurance sector, the insurance payout ratio is forecasted to increase when the economy recovers and the digital transformation of the insurance industry is still slow.

Challenges of Vietnam's Financial market in 2022

Firstly, cybercrime in the financial sector is increasing

During the COVID-19 pandemic, the inherently large level of cyber risk and even more likely to occur in the remote working environment has created an ideal environment for cybercriminals, raging and causing headaches for regulators as the financial sector has faced challenges and threats to the financial market. According to the Cybersecurity Assessment Report of Bkav Technology Group published on January 19, 2021, the damage related to hackers in Vietnam in 2020 has surpassed the milestone of USD 1 billion. Hundreds of billions of dong were damaged by cyber security attacks related to the banking and financial market. According to the National Cyber Security Monitoring Center (NCSC), in 2021 alone, more than 1,000 online fraud websites, impersonating banks and financial institutions have been blocked and handled. From the beginning of 2022 up to now, dozens of banks, e-wallets, payment intermediaries, and e-commerce platforms have issued warnings about online impersonation and appropriation tricks. Cybercrime is one of the biggest challenges for Vietnam's Financial market in 2022. Therefore, we need to take measures to prevent this type of crime to have a stable and sustainable financial market.

Secondly, bad debt pressure may increase in 2022

The reported bad debt ratio of the State Bank by the end of December 2021 was 1,96% higher than at the end of 2020. Notably, debts that have been restructured and maintained in the same debt group according to Circular No.01/2020/TT-NHNN of the State Bank need to be monitored, set aside adequate risk provisions, and have a due date, for the creation of bad debt. Besides, some commercial banks are weak and their potential assets become bad debts, causing bad debts in the whole system to increase. About ACB, by the end of 2021, the bank's bad debt increased 52,1%, and Techcombank recorded a bad debt increase of 77% to VND 2,294 billion... Bad debt will reduce the financial capacity of commercial banks, thus affecting the stability of

the financial market. It is a challenge for Vietnam's Financial market that we need to surmount in 2022.

Thirdly, the capitalization structure, liquidity, and capital mobilization in the stock market are unbalanced

In 2021, there are 49 new listed companies on all three exchanges. Most of them are small businesses, with only 10 companies with charter capital of over 1,000 billion VND accounting for 81% of the total value of newly listed shares. Most of the mobilized capital was concentrated in the real estate industry, banks, and securities companies, accounting for 68% of the total value of issued shares. Most of the listed companies in Vietnam are in the fields of finance and real estate, while industries that attract strong cash flows in the world such as technology, retail, healthcare, and education don't have many options and limited foreign ownership. In general, in contrast to the explosive participation of domestic individual investors, the dominant trend of foreign investors in the stock market is not selling. The proportion of foreign transactions in the total number of transactions in the market has continuously decreased sharply, currently at only about 6% of market liquidity.

Opportunities of Vietnam's Financial market in 2022

First, the financial market will improve and recover after the Covid-19 pandemic

The COVID-19 pandemic along with geopolitical tensions has caused serious economic and financial challenges globally, especially in Vietnam. In Vietnam, the Government has issued many resolutions to support financial market recovery and development. Financial policies and solutions have been paid attention to building so that the financial market develops healthy, becoming an important capital channel for the economy.

The process of opening up the economy, sticking to the strategy of "Living together safely with Covid-19", many solutions to minimize the negative impact of the Russia-Ukraine war and control the price increase, inflation, the implementation of the 2022-2023 Socio-Economic Development and Recovery Program will create conditions for the economy and financial market to recover better in 2022.

Second, become a regional Financial center

After the COVID-19 pandemic, along with the Russia - Ukraine conflict, the business world is looking at several Asian countries as an alternative to previous markets. With stable political and macroeconomic institutions, Vietnam is showing a new strategic position to attract global financial resources for its strategy of shifting focus on efficiency to focus on security not only for foreign investors but also for Vietnam itself.

The cryptocurrency market is attracting a large amount of investment, of which decentralized finance (DeFi) platforms are accounting for a large proportion, attracting more than 140 billion USD. Natixis Asia has rated Vietnam as the top attractive destination among the 7 emerging economies of Asia, with the global competitiveness index in 2019 assessed by the WEF increasing by 10 places, signed 16 FTAs, economic growth rate among the leading countries in the world, the openness of the economy is among the highest among the economies, about 200%. The basic institutional system for the formation and operation of financial institutions in Vietnam has been promulgated and continues to be perfected. It can be said that Vietnam has many favorable conditions to become a regional financial center.

Third, digital financial services development

The explosive growth of technology is transforming the financial market, increasing access to financial services in deeper, more inclusive ways. Research by the International Monetary Fund (IMF) shows that Fintech has contributed to improving financial inclusion and can positively contribute to economic recovery and growth during and after the crisis. Fintech continues to drive new business models and business areas in the financial market. In the context of governments implementing social distancing measures to control the COVID-19 epidemic, digital financial services have new opportunities to promote financial inclusion.

Fintech has developed strongly in the past time, reflected in attracting investment capital. It is forecasted that in 2022 will be about 310 billion USD globally. The growth rate is very fast, especially in the context of the violent outbreak of the Covid-19 epidemic, the trend of digital transformation has been promoted much stronger. Vietnam is listed in the top 10 markets that attract investors to invest in digital currencies in the past time. As an open banking model, the bank uses the platforms of other external partners. It can be said that the trend of digital financial services in Vietnam will continue to explode in 2022.

Conclusion: In general, in 2021, Vietnam's Financial market has achieved many great achievements. In 2022, it has many opportunities for development and revival, but many challenges need attention. The complexity of the COVID-19 pandemic with new strains is threatening the post-COVID-19 financial market resilience. Nevertheless, Vietnam can take advantage of opportunities from foreign investors to recover the financial market in 2022.

References:

- "Thị trường tài chính Việt Nam hưởng lợi từ sự phục hồi kinh tế" - Báo Kiểm Toán
- "Cơ hội từ nền kinh tế số cho thị trường tài chính - tiền tệ Việt Nam" - Vietnamplus.vn
- "Xu hướng dịch vụ tài chính số tại Việt Nam: Cơ hội và thách thức" - Tạp chí Pháp lý và kinh doanh
- "Thị trường tài chính Việt Nam năm 2021 và triển vọng năm 2022" - Tạp chí Tài chính
- "Thị trường tài chính Việt Nam 2022: Cơ hội đan xen thách thức" - VnEconomy.vn

Thành công của Shopee - Ông lớn trong ngành thương mại điện tử khu vực Đông Nam Á

Nguyễn Thị Thu Hà - CQ57/21.02CLC

Từ sau sự bùng phát mạnh mẽ của đại dịch Covid-19 trên toàn thế giới, nhu cầu mua sắm qua các trang thương mại điện tử ngày càng phát triển. Các tập đoàn, công ty lớn trong lĩnh vực này lần lượt ra đời và phát triển vượt bậc, đóng một vai trò quan trọng trong việc đáp ứng các nhu cầu mua sắm của người dân phải kể đến VCCORP, Lazada, TIKI, Sendo, Shopee... Thương mại điện tử là một mảnh đất màu mỡ để nhiều công ty phát triển trong tương lai, vì vậy không khó để nhận thấy sự cạnh tranh giữa các công ty là một điều khó tránh khỏi. Sự thành công của Shopee tại thị trường Đông Nam Á nói chung và thị trường Việt Nam nói riêng mang lại nhiều lợi ích trong phát triển kinh tế khu vực.

Hiện nay, khái niệm thương mại điện tử (E-Commerce) của WHO là chính xác nhất. “Thương mại điện tử (hay thương mại trực tuyến) bao gồm việc sản xuất, quảng cáo, bán hàng và phân phối sản phẩm được mua bán và thanh toán trên mạng Internet, nhưng được giao nhận một cách hữu hình, cả các sản phẩm giao nhận cũng như những thông tin số hoá thông qua mạng Internet”. Thương mại điện tử là xu hướng của thời đại toàn cầu hóa, hướng tới hình thức kinh doanh trực tuyến giúp giảm nhiều rủi ro hơn so với hình thức kinh doanh trực tiếp. Đây là lĩnh vực tiềm năng để các doanh nghiệp vừa và nhỏ sinh lợi và phát triển, cơ hội cho những ai muốn khởi nghiệp kinh doanh theo mô hình mới.

Shopee là sàn giao dịch thương mại điện tử thuộc sở hữu của tập đoàn SEA Ltd, lần đầu ra mắt vào năm 2015 tại Singapore. Đến nay, sàn thương mại điện tử này đã trở thành ứng dụng mua bán hàng đầu tại 7 quốc gia: Singapore, Malaysia, Indonesia, Thái Lan, Việt Nam, Philippines và Đài Loan. Shopee chính thức xuất hiện tại thị trường thương mại điện tử Việt Nam từ ngày 8 tháng 8 năm 2016. Mới đây, trong một cuộc khảo sát ở Thành phố Hồ Chí Minh và Hà Nội, khi lựa chọn nền tảng thương mại điện tử để mua sắm trực tuyến, có tới 80% người được hỏi đã chọn Shopee. Với lượng truy cập dẫn đầu 11 Quý liên tiếp, Shopee ngày càng khẳng định sự thống trị của mình. Trong khi các công ty khác đang “chật vật” tìm chỗ đứng của mình trong lòng khách

hàng thì Shopee đã có được những thành công ngoài mong đợi ở các thị trường mà công ty này hướng đến, lý do vì sao?

Thứ nhất, đề lý giải cho sự thành công của Shopee phải kể đến công ty này lựa chọn ứng dụng di động là “đầu trường” chính. Theo nghiên cứu của Google và Temasek, thời gian sử dụng Internet trên các thiết bị di động tại Đông Nam Á là cao nhất trên khu vực, lên tới 3,6 giờ/ngày/người. Hơn nữa, người dùng ứng dụng có xu hướng trung thành hơn và chi nhiều tiền hơn cho mỗi đơn hàng so với người dùng web. Trong bảng thống kê của Công ty Công nghệ giải trí Việt Nam - Appota năm 2018, Việt Nam có 72% dân số sở hữu điện thoại thông minh, 68% sử dụng smartphone để truy cập Internet (nhiều hơn máy tính), 25% sử dụng Internet trên di động hàng ngày; nhiều người Việt sở hữu trên 2 thiết bị di động kết nối mạng, với bình quân là 1,7 thiết bị/người. Nắm bắt được điều này, Shopee đã tập trung thu hút khách hàng bằng cách phát triển ứng dụng dành riêng cho từng quốc gia - đây là một phần trong chiến lược địa phương hoá từng thị trường của công ty này. Giao diện thiết kế dựa theo thói quen sử dụng của khách hàng cùng với việc sử dụng ngôn ngữ địa phương (thay vì các quốc gia đều phải dùng chung một thứ ngôn ngữ) điều này giúp người mua có những trải nghiệm tốt nhất, đem lại nhiều sự thoải mái trong quá trình mua sắm. Mặt khác, việc khuyến khích khách hàng tải ứng dụng di động, công ty này còn có nhiều chương trình ưu đãi dành cho khách hàng mới.

Thứ hai, điều khiến cho Shopee thành công hơn so với các công ty khác phải kể đến các chiến lược marketing truyền thông. Shopee ở từng quốc gia đều có những chiến lược sử dụng người nổi tiếng, người có sức ảnh hưởng đến đại chúng làm người đại diện. Những cái tên được nhiều người yêu mến đã giúp công ty này thu hút nhiều sự chú ý. Cùng với đó là slogan của công ty “Thích shopping, lướt Shopee” - ngắn gọn, dễ nhớ nhưng nghe rất bắt tai này tạo sự thích thú cho người nghe. Mang đầy đủ thông điệp của Shopee gửi đến người dùng. Cùng với đó, nắm bắt được sự e dè của khách hàng đối với việc phải chi trả chi phí vận chuyển, Shopee đã xây dựng được một hệ thống giao hàng chuyên nghiệp giúp người mua và người bán có thể an tâm hơn khi hàng hoá có thể được giao đi mà không phải chịu nhiều rủi ro. Shopee Express là dịch vụ giao hàng trong 24h kể từ khi lấy hàng thành công, chỉ áp dụng cho các đơn hàng được đặt và giao tại TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội. Hay với Shopee 4H là dịch vụ giao hàng hỏa tốc của Shopee, siêu nhanh chỉ trong 4 tiếng là khách hàng có thể nhận được, cũng áp dụng cho các đơn hàng được đặt và giao tại TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội. Đồng thời, công ty này luôn nhấn mạnh yếu tố “freeship” trong các chiến dịch quảng bá của mình, gửi tặng khách hàng số lượng lớn mã giảm giá, kích thích nhu cầu mua

sắm của khách hàng. Ngoài ra, hàng tháng và vào các dịp lễ lớn, Shopee cũng có nhiều chương trình giảm giá được triển khai đều đặn và thường xuyên giúp gia tăng lượng khách mua sắm.

Thứ ba, Shopee đa dạng về chất lượng và giá cả giúp người tiêu dùng có nhiều lựa chọn hơn trong mua sắm. Bởi sự tham gia của nhiều người bán, đến từ nhiều nguồn hàng khác nhau, từ trong nước cho đến quốc tế tạo nên sự lựa chọn cho nhiều đối tượng khách hàng khác nhau. Và đặc biệt là Shopee Mall - đây là một danh hiệu mà Shopee dành cho nhà bán hàng uy tín, có thương hiệu dựa trên các tiêu chí họ đưa ra. Shopee Mall sẽ được gắn nhãn Shopee Mall bên trong avatar của nhà bán hàng. Danh hiệu này chứng minh rằng shop được cộng đồng đánh giá cao, đồng thời phù hợp với tiêu chuẩn nhà bán hàng mà Shopee muốn hướng tới, nên người dùng sẽ an tâm nhiều hơn so với khi mua ở shop bình thường. Đồng thời, về giá cả, Shopee thường xuyên luôn có nhiều chương trình khuyến mãi hấp dẫn với nhiều mã giảm giá trực tiếp lên sản phẩm hay hoàn Shopee Xu, điều này sẽ giúp khách hàng tiết kiệm được nhiều chi phí hơn, thoải mái lựa chọn những sản phẩm phù hợp với giá cả ưu đãi. Cùng với đó là Now, một trong những ứng dụng giao đồ ăn phổ biến nhất tại Việt Nam, đổi tên thành ShopeeFood kể từ ngày 18 tháng 8 năm 2021. Đây không hẳn là một thương vụ M&A, bởi từ năm 2017, Sea - tập đoàn mẹ của Shopee - đã sở hữu 82% cổ phần của Foody Corporation. ShopeeFood cung cấp đa dạng thực phẩm, đồ uống và nhu yếu phẩm hằng ngày từ hệ thống các đối tác, bao gồm nhà hàng, siêu thị, cửa hàng tiện lợi...

Cuối cùng, Shopee luôn đẩy mạnh lượng người truy cập trên ứng dụng của mình bằng các tương tác qua các livestream cùng với sự kiện “flash sale”. Năm 2020, Shopee từ một sàn mua bán thuần túy như nhiều sàn thương mại điện tử khác đã thêm vào các trò chơi giải trí, livestream, tương tự như mạng xã hội. Người tiêu dùng vừa mua sắm các nhu cầu thiết yếu hàng ngày vừa được giải trí, làm tăng tính tương tác với Shopee. Mỗi buổi livestream sự tương tác của host với khách hàng đã thu hút từ vài trăm đến cả nghìn lượt người tham gia xem livestream để từ đây khách hàng có nhiều lựa chọn hơn, có nhiều ưu đãi hấp dẫn hơn. Các tín đồ mua sắm chuyên săn deal giảm giá khuyến mãi từ Shopee từ không thể không biết đến chương trình "giảm giá sập sàn" mang tên “Shopee Flash Sale”. Đây là sự kiện cực ưu đãi của Shopee dành tặng riêng cho người tiêu dùng. Flash sale là một chương trình giảm giá khuyến mại trên shopee được diễn ra theo một khung giờ nhất định trong ngày. Khung giờ vàng phổ biến của Shopee flash thường là 0 giờ, 9 giờ, 12 giờ, 13 giờ, 15 giờ, 16 giờ, 18 giờ, 20 giờ, 21 giờ, 22 giờ. Các sản phẩm được bán phổ biến trong sự kiện flash

Shopee thường nằm trong một số ngành hàng hot như: thời trang, hàng tiêu dùng, đồ điện tử, đồ gia dụng, sách, đồ dùng văn phòng, đồ ăn thực phẩm, mẹ và bé, mỹ phẩm. Mục đích của chương trình này là giảm giá nhằm kích cầu người tiêu dùng, từ đó tăng doanh thu cho người bán. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho cả hai bên cung - cầu. Đặc biệt về phía người tiêu dùng, họ sẽ có cơ hội săn được những món hàng tốt, chất lượng với mức giá vô cùng cạnh tranh, thậm chí chỉ bằng 1/10 so với giá gốc ban đầu.

Shopee được vinh danh tại top 3 "Thương hiệu tốt nhất tại Việt Nam 2021" và là nền tảng thương mại điện tử duy nhất góp mặt bảng xếp hạng này, theo báo cáo "Bảng xếp hạng thương hiệu tốt nhất toàn cầu" (Global Best Brand Rankings 2021) vừa được YouGov công bố. Shopee đồng thời giữ vị trí thứ 6 tại bảng xếp hạng toàn cầu. Chia sẻ về bảng xếp hạng 'Thương hiệu tốt nhất' năm 2021, Ông Ervin Ha, Giám đốc Thương mại của YouGov Châu Á Thái Bình Dương, chia sẻ, “Trước những tác động của dịch Covid-19, Shopee vẫn nắm giữ các vị trí cao ở top 10 công ty uy tín trong Bảng xếp hạng Thương hiệu Tốt nhất năm 2021 của YouGov tại Indonesia (# 2), Malaysia (# 1), Philippines (# 3), Singapore (# 4), Thái Lan (# 3), Việt Nam (# 3) cũng như trên toàn cầu (# 6)”. Điều này đã cho thấy Shopee đã mang đến những trải nghiệm tốt cho người tiêu dùng, mang đến những giá trị cho xã hội, góp phần vào việc thúc đẩy kinh tế, hồi phục nền kinh tế Việt Nam và cả khu vực. Sự thành công của Shopee tại thị trường Việt Nam cũng như Đông Nam Á là minh chứng rõ nét nhất cho những nỗ lực mang đến trải nghiệm tốt nhất của người tiêu dùng của tập thể đội ngũ nhân viên.

Tài liệu tham khảo:

Khang Lê (2022), *Thương mại điện tử là gì? Tổng quan về TMDT ở Việt Nam*, truy cập ngày 18/7/2022 tại <https://magenest.com/vi/thuong-mai-dien-tu-la-gi/>

XM/Báo Tin tức, (2022), *Hướng đến mục tiêu 85% người trưởng thành có điện thoại thông minh*, truy cập ngày 18/7/2022 tại:

<https://baotintuc.vn/kinh-te/huong-den-muc-tieu-85-nguoi-truong-thanh-co-dien-toai-thong-minh-20220417160212797.htm#:~:text=Theo%20thong%20ke%2C%20Viet%20Nam,85%25%20vao%20cuoi%20nam%202022.>

Blog Onshop, *Tại sao Shopee thống lĩnh thị trường thương mại điện tử Việt Nam?*, truy cập ngày 18/7/2022 tại <https://blog.onshop.asia/kinh-doanh-online/tai-sao-shopee-thong-linh-thi-truong-thuong-mai-dien-tu-viet-nam/>

N.Bình (2021), *Đằng sau việc ứng dụng giao đồ ăn Now đổi thành ShopeeFood*, truy cập ngày 18/7/2022 tại <https://tuoitre.vn/dang-sau-viec-ung-dung-giao-do-an-now-doi-thanh-shopeefood-20210809192535843.htm>

T.D.V - Mỹ Châu (2021), *Shopee đạt top 3 tại bảng xếp hạng 'Thương hiệu tốt nhất tại Việt Nam 2021' do YouGov công bố*, truy cập ngày 18/7/2021 tại <https://tuoitre.vn/shopee-dat-top-3-tai-bang-xep-hang-thuong-hieu-tot-nhat-tai-viet-nam-2021-do-yougov-cong-bo-20211130185837752.htm>

Xu hướng và giải pháp phát triển sản xuất xanh tại Việt Nam

Đỗ Thị Kim Anh - CQ57/08.01

Trong bối cảnh toàn cầu đang hướng đến tăng trưởng xanh bền vững và các giải pháp thân thiện với môi trường, hạn chế biến đổi khí hậu, không chỉ riêng nông nghiệp mà tất cả các lĩnh vực như công nghiệp, dịch vụ, thương mại,... đều chuyển hướng ưu tiên sang những mô hình, cách thức sản xuất xanh. Bên cạnh đó, làn sóng tiêu dùng xanh đang lan rộng trên toàn cầu, thì sản xuất xanh là xu thế tất yếu và là một mắt xích quan trọng trong chiến lược tăng trưởng xanh. Dựa trên những cách tiếp cận nhằm thúc đẩy tăng trưởng xanh khác nhau, mỗi quốc gia xây dựng những mô hình, cách thức sản xuất xanh khác nhau cho từng lĩnh vực, ngành kinh tế. Xanh hóa sản xuất góp phần giảm thiểu ô nhiễm và phát thải nhà kính, hướng tới tăng trưởng bền vững, mang lại nhiều lợi ích thiết thực cả về kinh tế lẫn những giá trị vô hình cho doanh nghiệp.

Tiêu dùng xanh là gì? Sản xuất xanh là gì?

“Tiêu dùng xanh” là mua và sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường, không gây hại cho sức khỏe của con người và không đe dọa đến hệ sinh thái tự nhiên. Trong xu hướng tiêu dùng xanh, các sản phẩm xanh, thân thiện với môi trường được ưu tiên lựa chọn và được coi như một tiêu chuẩn cho các sản phẩm, dịch vụ chất lượng cao.

“Sản xuất xanh” là quy trình sản xuất mà từ nguyên liệu đầu vào đến sản phẩm đầu ra đều thân thiện với môi trường và không gây nguy hại cho sức khỏe con người. Sản xuất xanh đang là một mắt xích quan trọng giúp Việt Nam hướng tới một nền kinh tế xanh và bền vững.

Người tiêu dùng ngày càng quan tâm đến môi trường, coi trọng hơn hành vi mua thân thiện với môi trường. Các chuyên gia môi trường xem tiêu dùng xanh như một biện pháp “giải cứu trái đất” trước những biến đổi xấu của môi trường sống trên toàn cầu. Do đó, xu hướng sống xanh, tiêu dùng xanh cũng đặt ra bài toán mới cho các doanh nghiệp Việt để phù hợp với xu thế phát triển chung và nâng cao vị thế, tăng sức cạnh tranh ở cả thị trường trong và ngoài nước.

Theo số liệu khảo sát của Kantar, qua dịch Covid-19, nhu cầu và hành vi của người tiêu dùng cũng có nhiều thay đổi và hướng đến lối sống bền ổn, có lợi cho

sức khỏe nên họ sẵn sàng ưu tiên chi tiêu cho những mặt hàng thiết yếu, nhanh và an toàn. Cụ thể, có đến 57% người tiêu dùng cho rằng, sẽ ngừng mua các sản phẩm, dịch vụ ảnh hưởng đến môi trường và xã hội; 23% người tiêu dùng ưu tiên mua các loại thức ăn từ hạt; 20% người tiêu dùng còn lại sẵn sàng chi tiền cho các sản phẩm hữu ích cho sức khỏe và môi trường như sữa tăng sức đề kháng, bàn chải bảo vệ môi trường.

Xuất phát từ sự thay đổi xu hướng tiêu dùng đối với các sản phẩm xanh trên toàn cầu, nhiều doanh nghiệp đã bắt đầu sản xuất các sản phẩm xanh thân thiện với môi trường và thể hiện nỗ lực bảo vệ môi trường. Các doanh nghiệp sản xuất - kinh doanh đang dần thay đổi thói quen sản xuất lạc hậu hoặc kém thân thiện với môi trường để tiến tới các giải pháp sản xuất “xanh”.

Xu hướng sản xuất xanh hiện nay tại Việt Nam

Để thuận lợi bước chân vào các thị trường “khó tính” như Mỹ, châu Âu, Nhật Bản... và có thể hưởng thuế suất ưu đãi khi xuất khẩu hàng hóa vào các thị trường này, ngoài việc đảm bảo yếu tố chất lượng sản phẩm, doanh nghiệp phải vượt qua bài toán “xanh” trong hoạt động sản xuất với nhiều tiêu chí như xử lý đạt tiêu chuẩn chất thải phát sinh, sản xuất tiết kiệm năng lượng, giải pháp tái chế chất thải...

Nhiều doanh nghiệp Việt Nam đã và đang chú trọng hơn sử dụng nguồn nguyên vật liệu tự nhiên, nhiên liệu, hóa chất không gây độc hại. Đầu tư dây chuyền máy móc, công nghệ, trang thiết bị, dây chuyền sản xuất hiện đại theo các tiêu chuẩn quốc tế để cải tiến quy trình, hướng tới sản xuất xanh. Đồng thời, lựa chọn đầu tư lắp đặt các hệ thống năng lượng tái tạo để chủ động sử dụng năng lượng sạch, bên cạnh các giải pháp tiết kiệm năng lượng điện, nước trong quá trình sản xuất... cũng như lắp đặt hệ thống quản lý chất lượng an toàn vệ sinh và hệ thống xử lý chất thải, hướng đến các tiêu chí sản xuất xanh, sạch...

Trong nông nghiệp, tại Việt Nam đã hình thành nên các trang trại xanh, có phương án sản xuất khoa học, tuân thủ quy trình sản xuất nghiêm ngặt, phát triển sản xuất gắn liền với tạo lập môi trường sinh thái bền vững, đa dạng sinh học. Bên cạnh đó, nhiều hộ nông dân tại các địa phương đã tham gia các hợp tác xã sản xuất rau sạch theo hướng hữu cơ, không sử dụng phân bón hóa học và các loại thuốc trừ sâu, cung cấp sản phẩm sạch cho người tiêu dùng.

Diễn hình như tại Công ty TNHH Huy Long An, từ cây ăn trái như chuối, bưởi, sầu riêng đến chăn nuôi bò Úc, bò Nhật, tôm... đều được doanh nghiệp áp dụng theo mô hình sản xuất sạch liên hoàn, khép kín theo tiêu chuẩn thấp nhất là VietGAP (Vietnamese Good Agricultural Practices là “thực hiện sản xuất nông nghiệp tốt ở

Việt Nam” do Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ban hành đối với từng sản phẩm, nhóm sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản). Nhờ vậy, Công ty đã phát triển trang trại ngày càng chất lượng, lớn mạnh và trở thành đối tác quan trọng để nhập khẩu chuỗi Fohla của thị trường Nhật Bản... Không dừng lại ở đó, họ còn kết hợp sản xuất chăn nuôi bò thịt giống Úc tại các trang trại, với đê mê lót sinh học từ mùn dừa và chế phẩm vi sinh xử lý phân bò trực tiếp tại chuồng, tạo không gian xanh sạch cho môi trường sống của bò thịt. Cũng từ cách làm này, nguồn chất thải từ con bò thịt trở thành nguồn phân vi sinh với khối lượng lên hàng chục nghìn tấn, quay sang phục vụ cho vườn chuối.

Trong ngành dệt may, Hiệp hội Dệt May Việt Nam (Vitas) đã đẩy mạnh triển khai mô hình sản xuất xanh, thân thiện với môi trường cho các doanh nghiệp thành viên. Cụ thể, các doanh nghiệp phải giảm chất thải phát sinh, thay đổi thói quen và công nghệ sử dụng năng lượng hóa thạch sang nguồn năng lượng sinh học, năng lượng tái tạo... Bên cạnh đó, Vitas cũng phối hợp với Tổ chức Quốc tế về bảo vệ thiên nhiên (WWF) triển khai dự án “Xanh hóa ngành Dệt May Việt Nam thông qua cải thiện quản lý nước và năng lượng bền vững” nhằm thúc đẩy cải thiện chất lượng nguồn nước và sử dụng năng lượng bền vững. Đồng thời, hỗ trợ được nhiều hơn cho các khu công nghiệp trong việc tiếp cận gói “tín dụng xanh” để đầu tư khu công nghiệp dành riêng cho ngành Dệt May. Hiện đã có hơn 70 doanh nghiệp trong ngành, trong đó có nhiều doanh nghiệp vốn đầu tư nước ngoài tham gia cùng ký cam kết chung để đạt được tầm nhìn và mục tiêu bền vững ngành Dệt May Việt Nam.

Trong lĩnh vực ô tô, xe máy, năm 2018, Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh VINFAST - một thành viên của Tập đoàn Vingroup đã ra mắt các sản phẩm xe đạp điện và các mẫu thiết kế cho dòng xe ô tô điện, cũng đã đánh dấu bước đột phá mới cho xu hướng sản xuất xanh của ngành công nghiệp ô tô, xe máy tại Việt Nam.

Trong lĩnh vực dịch vụ ăn uống, khách sạn, du lịch, hiện nay có không ít doanh nghiệp ưu tiên sản xuất, phân phối, sử dụng các sản phẩm “xanh” như bao bì, vật dụng bằng chất liệu thân thiện môi trường thay vì chất liệu nylon, nhựa sử dụng một lần... Tại Công ty Unilever Việt Nam, doanh nghiệp này cũng đã khởi xướng và xây dựng mô hình sản xuất xanh bằng nhiều hình thức khác nhau, bắt đầu từ việc phân loại và thu gom rác thải nhựa. Đây là khâu quan trọng giúp thu gom và đưa nhựa trở lại phục vụ nền kinh tế, giúp cắt giảm đáng kể lượng khí thải carbon từ quá trình sản xuất nhựa. Theo thống kê, hiện nay, Unilever Việt Nam đã giảm 55% nhựa nguyên sinh, 62% bao bì sản phẩm có thể tái chế và 100% bao bì nhựa cứng đều có sử dụng nhựa tái chế. Ngoài ra, doanh nghiệp này còn có kế hoạch thực hiện loại bỏ nhiên liệu hóa thạch trong công thức của các sản phẩm tẩy rửa và giặt giũ. Tính đến nay,

khoảng 96% sản phẩm chăm sóc gia đình của Unilever Việt Nam có thành phần có thể phân hủy sinh học.

Tiêu dùng xanh, sống xanh đã và đang là một xu hướng phát triển trong thời gian qua và được dự báo sẽ tiếp tục phát triển mạnh mẽ trong thời gian tới. Do đó, sản xuất xanh đang là một mắt xích quan trọng giúp Việt Nam hướng tới một nền kinh tế xanh và phát triển bền vững. Xanh hóa sản xuất còn đặt ra cho các doanh nghiệp những đòi hỏi, yêu cầu mới phù hợp với xu thế phát triển chung, đồng thời nâng cao vị thế, tăng sức cạnh tranh ở cả thị trường trong và ngoài nước. Bên cạnh đó, còn giúp các doanh nghiệp đón đầu xu hướng tiêu dùng mới, tạo ra sự tăng trưởng đáng kể trong kết quả kinh doanh, tuy nhiên vẫn còn nhiều khó khăn.

Khó khăn đối với các doanh nghiệp thực hiện xanh hóa sản xuất

Thứ nhất, ảnh hưởng nặng nề từ đại dịch Covid-19. Dù đã kiểm soát khá tốt đại dịch, nhưng nó vẫn chưa hoàn toàn kết thúc, tác động của nó đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh, cũng như đời sống của người dân đang cần rất nhiều thời gian để cải thiện.

Thứ hai, Việt Nam vẫn chưa có hành lang pháp lý, bộ tiêu chí để nhận diện đánh giá mức độ xanh hóa sản xuất. Việc thực hiện xanh hóa cũng đòi hỏi phải có sự phối hợp chia sẻ, gắn kết các bên liên quan; phải có đội ngũ chuyên gia giỏi; công nghệ tái chế, tái sử dụng tồn kém...

Thứ ba, phần lớn các doanh nghiệp Việt Nam có công nghệ lạc hậu, lỗi thời, quy mô sản xuất nhỏ lẻ và thiếu nguồn lực đầu tư cho công nghệ tái chế. Để có thể làm thành chuỗi sản xuất sạch, khép kín, liên hoàn, doanh nghiệp cần một nguồn kinh phí không nhỏ để tái đầu tư.

Thứ tư, sản phẩm xanh của doanh nghiệp Việt hiện nay đáp ứng cho rất nhiều thị trường khó tính. Bất kỳ một thị trường nào cũng là thị trường tiềm năng cho hàng hóa nông sản của Việt Nam. Tuy nhiên, sản xuất theo tiêu chí của nhà nhập khẩu không có nghĩa là sẽ bán được giá cao như người sản xuất mong muốn. Người Nhật yêu cầu sản phẩm chất lượng cao hơn nhưng giá cả có thể không cao hơn siêu thị Việt Nam, mà giá sản phẩm còn phụ thuộc vào từng thời điểm nguồn hàng cạnh tranh nhiều hay ít. Điều này khiến nhiều doanh nghiệp e ngại khi thực hiện thay đổi cách thức sản xuất truyền thống.

Giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất xanh

Thứ nhất, về phía Chính phủ, Nhà nước đưa ra chính sách phát triển sạch hướng tới sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm thân thiện với môi trường, mặt khác đóng vai trò

người tiêu dùng lớn có tác động đến thị hiếu mua sắm và tiêu dùng sản phẩm, kích cầu các sản phẩm thân thiện với môi trường. Khi Nhà nước triển khai chương trình, sẽ thúc đẩy sản xuất và tiêu thụ bền vững, tạo điều kiện cho nhà sản xuất đầu tư vào hoạt động bảo vệ môi trường, giúp giảm thiểu phát thải ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường; giảm chi phí xử lý ô nhiễm môi trường; định hướng phát triển các ngành kinh tế xanh gắn với sử dụng hiệu quả nguyên vật liệu và năng lượng, bảo tồn và gia tăng giá trị vốn tự nhiên, nâng cao chất lượng sống.

Thứ hai, tại các doanh nghiệp xanh, việc thực hiện xanh hóa doanh nghiệp phải có sự thống nhất từ lãnh đạo xuống đến người lao động. Lãnh đạo phải là người tiên phong trong định hướng phát triển xanh của công ty, từ đó thay đổi cách suy nghĩ và hành động của từng cá nhân lao động trong toàn doanh nghiệp. Cụ thể, các doanh nghiệp cần chủ động đổi mới công nghệ, phát triển nguồn năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, công nghệ sản xuất tiết kiệm tài nguyên, tiêu hao ít năng lượng, thân thiện với môi trường.

Thứ ba, ở góc độ người tiêu dùng, cần ý thức rõ nhu cầu sử dụng sản phẩm “xanh” của mình để mở ra một thị trường tiềm năng cho các doanh nghiệp sản xuất tiếp cận và khai thác.

Thứ tư, để giải quyết mâu thuẫn giữa lợi nhuận và bảo vệ môi trường, để thực hiện doanh nghiệp không nhất thiết phải đầu tư trang thiết bị hiện đại mà có thể thông qua những hành động đơn giản như: chấp hành tốt quy định bảo vệ môi trường, cải tiến quy trình sản xuất để giảm nguyên, nhiên liệu, điện và ưu tiên sử dụng nguyên vật liệu đầu vào thân thiện với môi trường.

Thứ năm, phát huy vai trò của các tổ chức xã hội, các cơ quan báo chí, truyền thông trong việc tuyên truyền, phổ biến, giám sát việc thực thi trách nhiệm bảo vệ môi trường của doanh nghiệp là hết sức cần thiết và phải được chú trọng. Bên cạnh đó, cần phát huy vai trò của Hiệp hội Bảo vệ người tiêu dùng trong việc lên tiếng bảo vệ người tiêu dùng trước những hoạt động sản xuất - kinh doanh những sản phẩm có hại cho sức khỏe của người tiêu dùng.

Tài liệu tham khảo:

Ngọc Linh (2021), Sản xuất xanh - Mắt xích quan trọng để tăng trưởng xanh, <https://consosukien.vn/san-xuat-xanh-mat-xich-quan-trong-de-tang-truong-xanh.htm>

<https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/xu-huong-va-giai-phap-phat-trien-san-xuat-xanh-tai-viet-nam-88114.htm>

<https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/san-xuat-xanh-dan-loi-vao-thi-truong-kho-tinh-84010.htm>

Thanh Hà (2021), Xanh hóa sản xuất và tiêu dùng, <https://moit.gov.vn/phat-trien-ben-vung/xanh-hoa-san-xuat-xanh-hoa-tieu-dung.html>

Cơ hội và thách thức đối với người làm kế toán khi ứng dụng công nghệ Blockchain trong công tác kế toán

Trần Thanh Hòa - CQ57/21.06

Kế toán là việc thu thập, xử lý và cung cấp các thông tin kinh tế, tài chính nhằm hỗ trợ cho các đánh giá và các quyết định của người sử dụng thông tin. Sổ cái là một loại sổ sách kế toán tổng hợp được sử dụng để ghi chép mọi thông tin giao dịch của đơn vị trên từng tài khoản. Câu hỏi “Liệu công nghệ blockchain có đe dọa đến nghề kế toán trong tương lai?” xuất phát từ thực tế là blockchain thường được nhắc đến như một hệ thống sổ cái phân tán. Nếu Blockchain tồn tại như một cuốn sổ cái lưu trữ các thông tin kinh tế, tài chính đó một cách hiệu quả thì liệu điều này có làm cho công việc của các kế toán viên trở nên dư thừa không?

Blockchain là gì?

Blockchain (chuỗi khối) là một hệ thống mà tất cả mọi giao dịch và liên lạc được ghi lại và được liên kết với nhau bằng mã hóa mà tất cả mọi người trong hệ thống đều có thể xem và xác minh tính chính xác của các thông tin. Mọi thông tin, mọi giao dịch đều được ghi lại trong các block (khối) trong chuỗi thời gian. Điểm ưu việt đáng chú ý nhất của Blockchain là minh bạch và bảo mật.

Tính minh bạch có được do Blockchain đảm bảo rằng, các khối một khi đã được ghi lại thì sẽ không bao giờ có thể bị giả mạo hoặc thay đổi bởi bất kỳ ai. Không cần một bên thứ ba riêng lẻ như nhà nước hay một trung gian tài chính, mỗi một khối mới hay chính là mỗi giao dịch mới xuất hiện thì cả mạng lưới sẽ biết ngay lập tức và khối đó sẽ được xác minh nhờ tất cả thành viên trên hệ thống để đảm bảo giao dịch đó đang thực hiện, tính năng này đảm bảo cho sự công bằng và minh bạch cho cả hệ thống. Điều này cho thấy, không có nguy cơ lừa đảo hay tham nhũng trong Blockchain vì mọi giao dịch đều được xác minh từ rất nhiều nguồn cùng một lúc.

Tính bảo mật có được do Blockchain lưu giữ thông tin trên một mạng gồm trăm nghìn, hàng triệu máy tính cá nhân khiến cơ sở dữ liệu không chỉ phân cấp mà còn phân tán độc lập. Điều này có nghĩa là không có máy chủ cũng không một ai có quyền sở hữu và quản lý hệ thống mà toàn bộ mọi người trong hệ thống đều có quyền hạn tương đương và đều giúp vận hành hệ thống. Nếu chỉ có một máy chủ, một trung tâm

điều khiển thì chỉ cần tấn công vào nó là có thể đánh sập cả hệ thống. Tuy nhiên, với mạng lưới phân tán độc lập của Blockchain, nếu một máy bị tấn công chỉ có máy đó bị ảnh hưởng, phần còn lại của hệ thống vẫn được bảo đảm an toàn. Như vậy, Blockchain an toàn hơn nhiều so với các hệ thống lưu giữ thông tin truyền thống.

Những cơ hội dành cho kế toán viên khi áp dụng Blockchain ở Việt Nam là gì?

Thứ nhất, Blockchain mang lại cơ hội nâng cao hiệu quả cho công tác kế toán. Blockchain đã tự động hóa một phần đáng kể công việc kế toán, giúp sử dụng hiệu quả nguồn lực, tiết kiệm thời gian, tiếp cận hệ thống kế toán quốc tế. Kế toán viên có thể thu thập được đầy đủ các thông tin về các giao dịch kinh tế tài chính có hệ thống từ dữ liệu trên Blockchain mà trước đây rất khó khăn mới có thể thu thập được.

Thứ hai, Blockchain giúp kế toán viên kiểm soát dữ liệu, thông tin. Bằng các thủ tục kiểm soát đặt sẵn trong các hệ thống, công nghệ Blockchain đảm bảo các dữ liệu, thông tin thu thập không bị sai sót, được bảo mật và không thể chỉnh sửa; đảm bảo tính an toàn cho thông tin, dữ liệu trong quá trình lưu trữ. Nhân viên kế toán sẽ cảm thấy chắc chắn chính xác hơn với những số liệu nhận được từ Blockchain.

Thứ ba, Blockchain giải phóng các nguồn lực để kế toán tập trung vào lập kế hoạch và định giá thay vì lưu trữ hồ sơ. Khi một hệ thống dữ liệu sử dụng Blockchain, chúng ta không chỉ cần chú trọng sự đảm bảo về tài sản và sự chấp thuận của các bên mà còn cần chú trọng vào sự ràng buộc giữa bản ghi Blockchain và thế giới vật chất, và rộng hơn là vào việc phản ánh giá trị kinh tế thực của giao dịch trong Blockchain. Chẳng hạn, Blockchain có thể đảm bảo chắc chắn về thời gian và số tiền mua các hàng hoá, nhưng không thể đảm bảo tình trạng của hàng hóa đó, hoặc sự định giá của mặt hàng đó một khi điều kiện thị trường thay đổi.

Thứ tư, Blockchain giúp những kế toán thực sự có năng lực tư duy và sáng tạo sẽ có cơ hội bứt phá. Kế toán thành công sẽ không chỉ là những người có trình độ chuyên môn cao mà còn phải có năng lực hiểu và diễn giải các dữ liệu trong Blockchain, kết hợp những ghi chép với thực tế thị trường và định giá; có khả năng sáng tạo để giải quyết những vấn đề xảy ra khi các hệ thống tự động không giải quyết được; ...

Những thách thức của kế toán viên khi áp dụng Blockchain ở Việt Nam là gì?

Thứ nhất, việc áp dụng Blockchain khiến một số vị trí công việc truyền thống chỉ yêu cầu các thao tác giản đơn, lặp đi lặp lại (như thu nhận thông tin về các nghiệp vụ kinh tế - tài chính, ghi chép các sổ kế toán,...) sẽ không còn cần thiết và sẽ biến mất do thông tin đã được số hóa và đặt sẵn trong hệ thống; cho nên, những nhân viên kế toán chỉ thành thạo những công việc như vậy sẽ dễ bị đào thải.

Thứ hai, công nghệ Blockchain khiến số lượng nhân lực kế toán giảm dần nhưng yêu cầu chất lượng nguồn nhân lực cần phải tăng lên đáng kể. Ứng dụng Blockchain dần thay thế các công việc giản đơn của kế toán viên; do đó, giảm đáng kể nguồn nhân lực trong công tác kế toán. Công nghệ Blockchain đòi hỏi các kế toán viên kiểm soát chặt chẽ tài sản, nguồn vốn và việc sử dụng tài sản trong doanh nghiệp đồng thời cung cấp thông tin hữu ích phục vụ cho công tác quản lý như các dự báo kinh doanh, giải pháp công nghệ mới, phân tích về hành vi xâm nhập,...

Thứ ba, việc áp dụng Blockchain khiến vấn đề về bảo mật, an toàn dữ liệu cần được quan tâm hơn hết. Khi mà tất cả mọi giao dịch và liên lạc được ghi lại và được liên kết với nhau trong hệ thống Blockchain sẽ kích thích hoạt động của tội phạm công nghệ cao. Điều này đặt ra thách thức đối với các kế toán viên trong việc đưa ra giải pháp bảo mật thông tin, phòng chống các loại tội phạm công nghệ cao, cũng như thách thức năng lực chuyên môn về công nghệ thông tin.

Thứ tư, việc áp dụng Blockchain dẫn đến việc phải xem xét đến các vấn đề thuộc phạm trù đạo đức nghề nghiệp kế toán. Blockchain ghi lại và liên kết khối lượng lớn các dữ liệu về các giao dịch, quá trình sản xuất kinh doanh thì hàng loạt các vấn đề nảy sinh như kế toán viên sử dụng dữ liệu đó như thế nào để hạch toán kế toán, các bí quyết kinh doanh và quản trị của doanh nghiệp được bảo vệ như thế nào... Do đó, kế toán viên cần phải rèn luyện các phẩm chất cần trọng, khách quan, chính trực.

Kế toán viên, sinh viên ngành kế toán cần phải làm gì khi Blockchain được áp dụng ở Việt Nam?

Đối với kế toán viên

Thứ nhất, mỗi kế toán viên trong điều kiện hiện nay cần nhận thức đầy đủ những cơ hội và thách thức mà Blockchain mang tới lĩnh vực kế toán, để từ đó xác định được vai trò của mình trong doanh nghiệp. Một số công việc như ghi chép các hoạt động của công ty; kiểm tra số liệu;... sẽ bị giảm hoặc loại bỏ, trong khi các hoạt động gia tăng giá trị khác như ứng dụng công nghệ, tư vấn và các hoạt động khác sẽ mở rộng.

Thứ hai, khi xác định được vai trò của mình trong thời đại mới là người phân tích, định hướng cho doanh nghiệp do sự có mặt của Blockchain thì kế toán viên phải có trách nhiệm sử dụng hiệu quả dữ liệu có được từ Blockchain, cập nhật những thông tin liên quan đến lĩnh vực kế toán tài chính và thuế, tình hình hoạt động kinh tế của các doanh nghiệp khác,... để đưa ra phương hướng phát triển cho công ty của mình.

Thứ ba, mỗi kế toán viên trong thời đại này sẽ không cần phải là kỹ sư hiểu biết chi tiết về cách thức Blockchain hoạt động, nhưng họ cần trang bị cho mình đủ tri thức

về công nghệ trong lĩnh vực tài chính nói chung và Blockchain nói riêng vẫn luôn đổi mới từng ngày để nắm bắt được những cơ hội và thách thức mà chúng mang lại.

Thứ tư, các kế toán viên phải luôn luôn có tinh thần ham học hỏi, chăm chỉ và cẩn thận; cập nhật, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ theo hướng phù hợp với thông lệ quốc tế; nâng cao trình độ ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán; và hơn hết, coi đạo đức là điểm cốt lõi trong sự phát triển của ngành nghề.

Đối với sinh viên ngành kế toán

Thứ nhất, sinh viên cần tu dưỡng đạo đức, chăm chỉ học tập, rèn luyện các kiến thức, kỹ năng cơ bản trong nhà trường để có nền tảng kiến thức chuyên môn vững chắc cho công tác trong lĩnh vực kế toán sau này.

Thứ hai, sinh viên cần phải tìm hiểu và liên tục cập nhật các xu hướng mới của công nghệ để áp dụng vào công việc tương lai của mình.

Thứ ba, khi nhiều công nghệ tiên tiến như Blockchain có khả năng ứng dụng trong công việc kế toán sau này, các bạn sinh viên ngành kế toán cần tận dụng tối đa các cơ hội tiếp xúc thực tế, tìm hiểu về môi trường làm việc trong chính lĩnh vực mình sẽ theo đuổi tương lai cũng như giao lưu với chuyên gia trong ngành.

Kết luận

Tóm lại, khi Blockchain trở nên phổ biến thì công việc của rất nhiều kế toán viên cũng như nhu cầu tuyển dụng kế toán viên sẽ giảm, nhưng điều này không có nghĩa là vai trò của các kế toán viên sẽ bị mất đi. Đơn giản là kế toán viên sẽ không chỉ phải ghi chép, kiểm tra dữ liệu kinh tế - tài chính mà còn phải sử dụng tư duy của bản thân và các chương trình máy tính để phân tích, trình bày các dữ liệu đó.

Tài liệu tham khảo:

- ICAEW, “Blockchain and the future of accountancy”,
<https://www.icaew.com/technical/technology/blockchain/blockchain-articles/blockchain-and-the-accounting-perspective>
- Tạp chí café, “Blockchain giúp nâng cao hiệu năng của ngành tài chính, kế toán”,
<https://cafe.vn/Blockchain-giup-nang-cao-hieu-nang-cua-nganh-tai-chinh-ke-toan-20171206172338034.chn>
- Tạp chí tài chính, “Blockchain có đe dọa nghề kế toán?”, <http://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-quoc-te/nhan-dinh-du-bao/Blockchain-co-de-doa-nghe-ke-toan-139821.html>
- Nguyễn Thu Hoài, “Phát triển nghề kế toán kiểm toán trong cuộc các mạng 4.0”, Hội thảo quốc tế: “Phát triển kinh tế và kinh doanh bền vững trong điều kiện toàn cầu hóa”, Học viện Tài chính, Đức Thắng, Bắc Từ Liêm, Hà Nội.

Thực trạng và giải pháp thu hút FDI xanh tại Việt Nam

Nguyễn Phương Thủy - CQ58/51.01

Quá trình toàn cầu hoá đang thúc đẩy mạnh mẽ sự hội nhập của các nước vào nền kinh tế thế giới và khu vực với mục tiêu không chỉ là công nghiệp hóa, hiện đại hóa mà còn cần phát triển bền vững. Thực tế trong những năm qua đã chứng minh, đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là một hoạt động chiếm vị trí ngày càng quan trọng, là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước trong quá trình thực hiện các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội. Việc khai thác sử dụng FDI một cách có hiệu quả không chỉ bổ sung nguồn vốn mà còn mang đến Việt Nam công nghệ, kỹ thuật hiện đại, kinh nghiệm quản lý tiên tiến, tạo thêm nhiều ngành nghề, sản phẩm mới, qua đó thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế mạnh mẽ. Bên cạnh những kết quả ấn tượng của FDI mang lại, vẫn còn nhiều dự án FDI có ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường. Vì vậy, việc thu hút FDI xanh để duy trì khả năng cạnh tranh, phát triển bền vững được xác định trở thành mục tiêu quan trọng đặt ra trong bối cảnh hiện nay.

Khái quát về FDI xanh

Định nghĩa và đo lường FDI xanh không phải là một quá trình đơn giản, vẫn còn thiếu định nghĩa được thống nhất quốc tế và dữ liệu liên quan về FDI xanh. Hiện nay, Việt Nam chưa đưa ra định nghĩa về FDI xanh, nhưng trong “Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh” giai đoạn 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2050 đề cập đến định nghĩa về công nghệ xanh và sản phẩm xanh. Theo đó, công nghệ xanh là “công nghệ phát triển, áp dụng sản phẩm, trang bị và những hệ thống được dùng để bảo tồn môi trường và tài nguyên, giảm thiểu tác động tiêu cực từ hoạt động của con người”; và sản phẩm xanh là “sản phẩm không độc hại, sử dụng năng lượng và nước hiệu quả và vô hại đối với môi trường”.

Như vậy, có thể hiểu FDI xanh là đầu tư trực tiếp nước ngoài vào sản xuất sản phẩm và dịch vụ môi trường hoặc là đầu tư trực tiếp nước ngoài có quy trình sản xuất giảm thiểu hủy hoại môi trường, nhằm mục đích vừa phát triển kinh tế vừa sử dụng được hợp lý tài nguyên, tránh được việc hủy hoại môi trường, biến đổi khí hậu và mất cân bằng sinh thái ở nước nhận đầu tư.

Thực trạng thu hút FDI xanh tại Việt Nam

Hiện nay, FDI vẫn tiếp tục được xác định là kênh đầu tư quan trọng để Việt Nam xây dựng nền kinh tế theo hướng xanh hóa sản xuất, nghiên cứu ứng dụng công nghệ tiên tiến nhằm sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên đồng thời giảm thiểu phát thải khí nhà kính.

Sau 30 năm triển khai chính sách mở cửa thu hút vốn FDI, các doanh nghiệp FDI đã trở thành khu vực kinh tế quan trọng, phát triển năng động giúp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ. Thực tế quá trình phát triển nền kinh tế trong những năm qua đã cho thấy, Việt Nam là một trong những đất nước thu hút được nhiều nhà đầu tư nước ngoài đến đầu tư bởi lợi thế cạnh tranh về môi trường đầu tư cởi mở, môi trường chính trị và kinh tế vĩ mô ổn định cùng nguồn nhân lực dồi dào với chi phí thấp.

Theo Tổng cục Thống kê, tính lũy kế đến ngày 20/2/2022, cả nước có 34.700 dự án còn hiệu lực với tổng vốn đăng ký trên 418,8 tỷ USD. Vốn thực hiện lũy kế của các dự án FDI ước đạt gần 254,3 tỷ USD, bằng 60,7% tổng vốn đầu tư đăng ký còn hiệu lực bao gồm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm tỷ trọng cao nhất với trên 247,7 tỷ USD tương đương 59,1% tổng vốn đầu tư. Tiếp theo là các lĩnh vực kinh doanh bất động sản với gần 64,4 tỷ USD (chiếm 15,4% tổng vốn đầu tư); sản xuất, phân phối điện với trên 36,2 tỷ USD (chiếm 8,7% tổng vốn đầu tư). Theo số liệu thống kê, số lượng dự án FDI đăng ký trong lĩnh vực hàng hóa và dịch vụ môi trường còn rất thấp so với các lĩnh vực khác cả về số lượng và tổng vốn đăng ký, hầu hết các dự án hiện nay đều thuộc về lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo có khả năng gây ô nhiễm môi trường nếu không được quản lý, giám sát chặt chẽ.

Thực tế cho thấy, số lượng lớn dự án FDI ở Việt Nam tập trung vào những lĩnh vực ít thân thiện với môi trường như dịch vụ và chế tạo, chế biến là lĩnh vực có mức độ phát thải lớn và giá trị gia tăng thấp, có nguy cơ gây ra thiệt hại về môi trường rất lớn do lượng chất thải gồm nước thải, khí thải và chất thải rắn lớn, có nồng độ các chất ô nhiễm cao. Nhiều dự án FDI là ngành sản xuất thô, có tính gia công cao, mức độ phát thải lớn, thiếu những ngành công nghiệp mang tính nền tảng như công nghiệp hỗ trợ, công nghệ cao. Các dự án FDI xanh ít được chú trọng cũng như chất lượng vốn đầu tư nước ngoài chưa cao, các dự án đầu tư chưa tham gia sâu vào chuỗi giá trị, chủ yếu là gia công, công nghiệp nhẹ, quy mô dự án trung bình và nhỏ.

Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, năm 2020, số lượng doanh nghiệp FDI có năng lực công nghệ cao còn khá khiêm tốn, chỉ 5% doanh nghiệp FDI có công nghệ cao, 80% có công nghệ trung bình, còn lại 14% là sử dụng công nghệ thấp. Trong thực tế đã xảy ra một số vụ việc vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp FDI, gây hậu quả nghiêm trọng, ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường và chất lượng cuộc sống người dân. Sự cố gây ô nhiễm môi trường biển tại 4 tỉnh miền Trung của Công ty TNHH Gang thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh trong năm 2016 là trường hợp cụ thể nhất cho hành vi vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường của các doanh nghiệp FDI.

Như vậy, có thể thấy năng lực phòng ngừa, kiểm soát, bảo vệ môi trường của một số doanh nghiệp FDI còn nhiều bất cập. Một số dự án FDI hoạt động ở trong và ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất chưa chấp hành nghiêm túc quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Các doanh nghiệp này đã nhập khẩu máy móc, thiết bị lạc hậu, gây ô nhiễm môi trường vào Việt Nam nhưng không được phát hiện kịp thời, dẫn đến hệ lụy về môi trường ở một số địa điểm, tác động lâu dài đến sức khỏe người dân và hệ sinh thái khu vực, gây xung đột lợi ích giữa các ngành sản xuất, chế biến với ngành nông nghiệp, du lịch, cũng như giữa doanh nghiệp FDI với cộng đồng dân cư. Đa phần số lượng dự án FDI xanh hiện nay chưa đáp ứng đủ điều kiện về các tiêu chí liên quan đến “yếu tố xanh”.

Giải pháp thu hút FDI xanh tại Việt Nam

Thứ nhất, hoàn thiện hành lang pháp lý, thể chế, chính sách liên quan thu hút FDI, rà soát, sửa đổi pháp luật về đăng ký chuyển giao công nghệ; nhập khẩu máy móc, thiết bị của doanh nghiệp FDI nhằm kiểm soát, thúc đẩy công nghệ và chuyển giao công nghệ; ngăn ngừa, hạn chế tình trạng gian lận và tiếp nhận công nghệ không thân thiện với môi trường. Đồng thời, xử lý nghiêm các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường; khuyến khích sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu đầu vào, phương pháp sản xuất, chế tạo... thân thiện với môi trường.

Thứ hai, ưu tiên thu hút FDI vào các dự án có công nghệ tiên tiến, công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ sạch, thân thiện với môi trường, quản trị hiện đại, có giá trị gia tăng cao, có tác động lan toả, kết nối chuỗi sản xuất và cung ứng toàn cầu. Luôn đảm bảo nguyên tắc không thu hút FDI bằng mọi giá; không thu hút các dự án có nguy cơ hủy hoại tài nguyên thiên nhiên và môi trường.

Thứ ba, nâng cao khả năng chuyển giao công nghệ bằng việc đưa ra tiêu chuẩn về trình độ công nghệ đối với các dự án đầu tư vào Việt Nam nhằm lựa chọn các nhà đầu tư nước ngoài có công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường; yêu cầu nhà đầu tư có cam kết về việc chuyển giao công nghệ, đẩy mạnh liên kết giữa các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp FDI. Không xem xét mở rộng, gia hạn hoạt động đối với những dự án sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên.

Thứ tư, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong nước bằng cách: khuyến khích các hoạt động nghiên cứu, đầu tư khoa học công nghệ tại doanh nghiệp bằng các lợi ích cụ thể liên quan trực tiếp đến hoạt động của doanh nghiệp; đào tạo, tập huấn nâng cao trình độ cho đội ngũ làm công tác quản lý liên quan đến FDI, chú trọng cập nhật kiến thức về xu hướng vốn FDI xanh; các tiêu chí FDI xanh trên thế giới; kinh nghiệm quản lý dự án FDI xanh; kinh nghiệm xử lý các rủi ro môi trường...

Tóm lại, Việt Nam đang trên đà cải cách mạnh mẽ và hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế thế giới. Với vị trí địa lý thuận lợi, chi phí lao động cạnh tranh, chính sách thương mại và đầu tư mở cửa, Việt Nam đã rất thành công trong việc thu hút nguồn vốn FDI, tuy nhiên, cần hướng tới thu hút FDI xanh để duy trì khả năng cạnh tranh, thu hút bền vững nguồn vốn FDI gắn với mục tiêu phát triển bền vững.

Tài liệu tham khảo:

<https://kinhtevadubao.vn/giai-phap-thu-hut-fdi-xanh-tai-viet-nam-21812.html>

<https://tapchitaichinh.vn/su-kien-noi-bat/giai-phap-thu-hut-fdi-xanh-tai-viet-nam-349614.html>

Thư giãn:

Quan ăn trộm bò

Một anh chăn bò ngây thơ, tuy rất kĩ tính, ấy thế mà ban đêm, kẻ trộm vẫn dắt mất bò của anh ta. Xót ruột, anh ta trình quan:

- Bẩm quan, chắc là chúng nó dắt bò chui qua chõng con nằm mà đi ra.

- Con bò chứ có phải con chó, con mèo đâu mà chui qua chõng!

- Dạ, bẩm quan, thế thì chúng nó dắt bò của con chui qua lối nào ạ? Sáng dậy cái chõng con nằm vẫn ở nguyên ở chỗ cũ chắn lối ra vào kia mà!

- Đờng! Mày ngủ say, chúng nó khiêng chõng mày nằm ra một bên, dắt bò ra rồi lại khiêng về chỗ cũ...

Chàng trai nghe thế liền lộ vẻ kinh khiếp, lắp bắp hỏi:

- Trời ơi, quan cũng có mặt ở đó sao? Chẳng lẽ...

Lợi thế thương mại (Goodwill) - Những ảnh hưởng tới báo cáo tài chính hợp nhất trong bối cảnh chuyển đổi IFRS

Nguyễn Thị Hải Minh - CQ57/22.04

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế hiện nay, việc chuyển đổi và lập báo cáo tài chính dựa trên hệ thống các chuẩn mực kế toán quốc tế là một trong những điều kiện tiên quyết cho doanh nghiệp tăng khả năng cạnh tranh, tăng tính so sánh của báo cáo tài chính của doanh nghiệp với các doanh nghiệp trên thị trường quốc tế. Tuy nhiên, việc chuyển đổi không thể tránh khỏi những khác biệt giữa các chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) và chuẩn mực kế toán quốc tế (IFRS). Một trong số những khác biệt đó phải kể đến việc ghi nhận lợi thế thương mại - Goodwill (VAS 11 và IFRS 03). Vậy doanh nghiệp cần hiểu rõ những khác biệt ấy và những ảnh hưởng của việc ghi nhận Lợi thế thương mại đến doanh nghiệp như thế nào? Lợi thế thương mại là một tài sản vô hình, thuộc nhóm tài sản dài hạn trên bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp. Nó thể hiện phần giá trị vượt trội giữa giá phí hợp nhất mà công ty mẹ chi ra và phần giá trị nắm giữ bởi cổ đông không kiểm soát công ty con với giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con tại ngày hợp nhất. Như vậy, lợi thế thương mại chỉ được ghi nhận ghi có hợp nhất kinh doanh và được phân loại vào nhóm tài sản dài hạn trên báo cáo hợp nhất của doanh nghiệp, nó phản ánh những tiềm năng trong tương lai mà công ty con mang lại cho tập đoàn.

Những chỉ tiêu cần lưu ý khi hợp nhất kinh doanh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất

Thứ nhất, điều đầu tiên cần lưu ý đó là khi hợp nhất các chỉ tiêu tài sản, nợ phải trả trên báo cáo hợp nhất, ta áp dụng nguyên tắc “hợp nhất toàn bộ”. Nghĩa là không quan tâm tới công ty mẹ mua bao nhiêu phần trăm công ty con, ta cộng 100% tài sản và nợ phải trả của mẹ với 100% tài sản, nợ phải trả của con sau ngày mua.

Bởi sau ngày hợp nhất kinh doanh, công ty mẹ có quyền kiểm soát công ty con, nghĩa là công ty mẹ có quyền kiểm soát toàn bộ tài sản - nợ phải trả của con phát sinh sau ngày hợp nhất và điều chỉnh (sau khi đã điều chỉnh ảnh hưởng của các giao dịch nội bộ).

Thứ hai, chỉ tiêu “Lợi thế thương mại” xuất hiện trên phần tài sản dài hạn trên báo cáo hợp nhất của tập đoàn.

Thứ ba, chỉ tiêu “NCI” - phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát công ty con cũng xuất hiện trên phần vốn chủ sở hữu của báo cáo hợp nhất trong trường hợp công ty mẹ không mua 100% công ty con. Theo nguyên tắc “bản chất quan trọng hơn hình thức pháp lý”, dù công ty mẹ không sở hữu 100% công ty con, nghĩa là phần NCI của công ty con này không thuộc sở hữu của công ty mẹ nhưng công ty mẹ có quyền kiểm soát toàn bộ công ty con, nghĩa là kiểm soát được cả phần lợi ích chia cho NCI. Như vậy, dù không sở hữu, NCI vẫn thuộc quyền kiểm soát của toàn tập đoàn và được phản ánh trên báo cáo hợp nhất.

Thứ tư, chỉ tiêu “Thặng dư vốn cổ phần” xuất hiện trên mục vốn chủ sở hữu khi công ty mẹ mua công ty con dưới hình thức trao đổi cổ phiếu với giá phát hành lớn hơn mệnh giá cổ phiếu của công ty mẹ.

Ảnh hưởng tới quy mô tập đoàn (các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán)

Thứ nhất, trong ghi nhận lần đầu khi có hợp nhất kinh doanh.

Theo VAS 11, lợi thế thương mại chỉ chấp nhận việc ghi nhận dựa theo phần sở hữu của công ty mẹ với công ty con mà không bao gồm phần giá trị của cổ đông không kiểm soát (partial fair value).

Còn IFRS 03 chấp nhận 2 phương pháp partial fair value và full fair value (ghi nhận giá trị của lợi thế thương mại bao gồm cả phần giá trị được nắm giữ bởi cổ đông không kiểm soát).

Như vậy, nếu ghi nhận lợi thế thương mại bao gồm cả NCI, đương nhiên trong năm đầu tiên, chỉ tiêu lợi thế thương mại sẽ lớn hơn khi ghi nhận theo VAS 11. Từ đó quy mô tài sản của doanh nghiệp cũng sẽ lớn hơn.

Thứ hai, là ghi nhận lợi thế thương mại sau lần ghi nhận ban đầu.

Với VAS 11, quy định phân bổ lợi thế thương mại không quá 10 năm.

Còn theo IFRS 03, không quy định thời gian phân bổ cụ thể của lợi thế thương mại. Tuy nhiên, doanh nghiệp phải thực hiện đánh giá lại giá trị của lợi thế thương mại hàng năm.

Về bản chất, các tài sản vô hình không có thời gian sử dụng hữu ích nói riêng và lợi thế thương mại nói chung, độ biến động của chúng qua các năm tài chính là rất lớn và khó lường trước được, bởi chúng rất dễ bị ảnh hưởng từ những yếu tố khách quan

mà doanh nghiệp khó kiểm soát được như: ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp không còn phù hợp xu hướng thị trường, công nghệ lạc hậu, trình độ quản lý, uy tín - thương hiệu thay đổi hay lãi suất tăng,...

Như vậy, thay vì quy định phân bổ dần đều theo VAS 11, thì việc hàng năm doanh nghiệp đánh giá lại giá trị của lợi thế thương mại và xác định số lỗ tổn thất sẽ phản ánh đúng hiện trạng của chỉ tiêu này hơn, chỉ tiêu này trên báo cáo hợp nhất cũng sẽ biến động đúng theo hiện trạng doanh nghiệp chứ không phải một mức được định trước như VAS 11. Từ đó nhà quản lý cũng có cái nhìn trực quan nhất và đưa ra những phương án quản trị phù hợp cho doanh nghiệp mình.

Ảnh hưởng tới kết quả hoạt động của tập đoàn (các chỉ tiêu trên báo cáo thu nhập toàn diện)

Thứ nhất, việc ghi nhận lỗ tổn thất liên quan cũng sẽ có nhiều khác biệt nếu doanh nghiệp ghi nhận lợi thế thương mại bao gồm NCI (full fair value) hay không bao gồm NCI (partial fair value).

Trường hợp doanh nghiệp áp dụng full fair value thì khi phát sinh lỗ tổn thất liên quan đến lợi thế thương mại, phần lỗ này phải được chia cả cho cổ đông công ty mẹ và cổ đông không kiểm soát. Nghĩa là ghi giảm cả lợi nhuận của công ty mẹ và NCI, từ đó làm giảm kết quả hoạt động trong kỳ của doanh nghiệp và đồng thời cũng giảm quy mô vốn chủ của tập đoàn khi ghi giảm NCI.

Với trường hợp doanh nghiệp áp dụng partial fair value, nghĩa là giá trị lợi thế thương mại được ghi nhận không bao gồm giá trị nắm giữ bởi cổ đông không kiểm soát, thì hệ quả là khi lợi thế thương mại bị giảm giá trị, phần lỗ tổn thất này chỉ bị ghi giảm vào lợi nhuận của công ty mẹ, NCI không bị ảnh hưởng, dẫn đến giảm kết quả hoạt động trong kỳ của doanh nghiệp.

Thứ hai, trong hợp nhất kinh doanh, ngoài các thương vụ ghi nhận lợi thế thương mại dương, vẫn có những trường hợp ghi nhận “Lãi do mua rẻ”. Nghĩa là khi hiệu số Lợi thế thương mại = (Giá hợp nhất + NCI) - Giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con tại ngày hợp nhất < 0. Khi này, doanh nghiệp sẽ ghi tăng một khoản thu nhập khác “Lãi do mua rẻ” làm tăng kết quả hoạt động trong kỳ của doanh nghiệp.

Một số lưu ý khi ghi nhận lợi thế thương mại

Bởi lợi thế thương mại là một loại tài sản vô hình nên trong hợp nhất khó kiểm soát được việc định giá trị hợp lý của tài sản này.

Một ví dụ điển hình của việc này tại Việt Nam là việc MobiFone mua lại 95% cổ phần của An Viên TV với gần 8,900 tỷ đồng vào năm 2016. Tại thời điểm đó, thực tế An Viên TV đang thua lỗ nhưng thậm chí trước đó, còn được “thổi giá” lên đến gần 20,000 tỷ đồng. Để có được mức giá mua lớn đến như vậy, An Viên đã được định giá với tiềm năng đăng ký gói dịch vụ viễn thông và truyền hình tăng trưởng lớn trong năm hiện tại - trùng với mục tiêu tăng trưởng được công bố bởi MobiFone: “Phát triển 1 triệu khách hàng đăng ký mới dịch vụ truyền hình trong năm 2016 và trở thành 1 trong 3 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ truyền hình trả tiền chiếm thị phần lớn nhất Việt Nam vào năm 2020”. Tuy nhiên nhìn lại vụ việc này, An Viên TV thực chất lại triển khai tặng gói sử dụng dịch vụ truyền hình cho khu vực miền núi dẫn đến tăng trưởng đột biến trong năm 2015-2016. Như vậy, thực chất “tiềm năng” này không thực sự tồn tại, mà hoàn toàn là “kích ảo” và chắc chắn sẽ không tăng trưởng trong các năm tiếp theo, nên không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản vô hình khi hợp nhất để tăng giá trị hợp lý của An Viên TV.

Tóm lại, giá phí hợp nhất An Viên không hề hợp lý và tương xứng với tiềm năng - lợi thế thương mại của doanh nghiệp này, đặt nghi vấn về việc sử dụng vốn không hiệu quả, không minh bạch và một loạt những nghi vấn khác.

Vậy, việc đánh giá giá trị của lợi thế thương mại là vô cùng quan trọng và cần phải xác định một cách hợp lý, đáng tin cậy, để đảm bảo các số liệu được công bố phải đưa đến góc nhìn trực quan nhất về tình hình, hiệu quả của doanh nghiệp. Đồng thời, doanh nghiệp cũng phải hiểu được và chuẩn bị cho những khác biệt khi chuyển đổi VAS sang IFRS trong ghi nhận, theo dõi và đánh giá lợi thế thương mại cũng như ảnh hưởng của nó đến các chỉ tiêu khác trên báo cáo tài chính.

Tài liệu tham khảo:

Thấy gì từ thương vụ MobiFone mua lại An Viên TV - Theo Báo Dân trí - 29/04/2016
<https://dantri.com.vn/kinh-doanh/thay-gi-tu-thuong-vu-mobifone-mua-lai-an-vien-tv-20160429094757088.htm>

Goodwill accounting - Investors need something different - Theo The footnotes analyst - 30/11/2021
<https://www.footnotesanalyst.com/goodwill-accounting-investors-need-something-different/>

Giáo trình chuẩn mực kế toán quốc tế - Theo GS.TS.NGND Ngô Thế Chi - 2010

<https://www.ifrs.org/issued-standards/list-of-standards/ifrs-3-business-combinations/>

Thách thức đối với kế toán - kiểm toán viên Việt Nam trong bối cảnh mới

Đoàn Thị Thanh Vân - CQ58/22.05; Đỗ Thị Thắm - CQ58/22.06

Kế toán, kiểm toán có vai trò vô cùng quan trọng trong quản lý, điều hành và kiểm soát các hoạt động kinh tế - tài chính. Một cách trực diện, hoạt động kế toán là thu thập, xử lý thông tin và cung cấp hệ thống các báo cáo kế toán phục vụ các đối tượng quan tâm đến thông tin tài chính của doanh nghiệp (DN). Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0) và xu hướng hội nhập kinh tế thế giới ngày càng mở rộng khiến cho các nước và đặc biệt là các DN của mỗi quốc gia cần phải thay đổi để phù hợp với hoàn cảnh. Việt Nam cũng là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng lớn bởi CMCN 4.0, trong đó ngành kế toán, kiểm toán cũng nhận thấy những tác động cả về cơ hội và thách thức mới của cuộc cách mạng này. Đứng trước những biến động mới của nền kinh tế hội nhập và cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật ngày càng phát triển, thách thức đối với kế toán - kiểm toán viên Việt Nam gặp phải nhằm nâng cao chất lượng và đáp ứng yêu cầu trong bối cảnh mới đang là vấn đề rất được quan tâm.

Thách thức đặt ra đối với kế toán - kiểm toán viên Việt Nam trong bối cảnh mới

Kể từ khi hình thành và phát triển cho đến nay, thị trường dịch vụ kế toán, kiểm toán Việt Nam đã đạt những thành tựu to lớn. Chẳng hạn, môi trường pháp lý được hình thành tương đối đầy đủ, rõ ràng, phù hợp với điều kiện của Việt Nam và dần phù hợp với thông lệ, nguyên tắc và chuẩn mực quốc tế. Các tổ chức nghề nghiệp, trong đó có Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (VAA) hoạt động ngày càng chuyên nghiệp, góp phần phát triển thị trường dịch vụ kế toán, kiểm toán. Cùng với các cơ hội, lĩnh vực kế toán - kiểm toán Việt Nam cũng bị ảnh hưởng không nhỏ bởi tác động của CMCN 4.0, cụ thể như:

Thứ nhất, vướng mắc trong áp dụng chuẩn mực kế toán, kiểm toán quốc tế: Chuẩn mực Kế toán Việt Nam - VAS (gồm 26 chuẩn mực) mặc dù đã được xây dựng theo các chuẩn mực Kế toán quốc tế - IAS và phù hợp với đặc điểm nền kinh tế cũng như tình hình DN Việt Nam, tuy nhiên, giữa Chuẩn mực kế toán Việt Nam (VAS) và Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IAS/IFRS) hiện nay vẫn còn một khoảng cách đáng kể, điều này ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình hội nhập của kế toán - kiểm toán Việt Nam. Sự khác biệt lớn nhất giữa 2 hệ thống này được biểu hiện cụ thể ở nhiều khoản mục trên báo cáo tài chính: lập theo IFRS được đánh giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị có thể thu được, nhưng lập theo VAS lại ghi là theo giá gốc. Điều này làm cho giá trị tài sản và nợ phải trả của DN chưa phản ánh đúng như diễn biến thực tế của thị

trường. Các hướng dẫn kế toán đang bị nguyên tắc giá gốc chi phối một cách chặt chẽ, trong khi đó, khái niệm về giá trị hợp lý đối với nhiều kế toán còn khá mơ hồ.

Thứ hai, việc cải cách hệ thống pháp luật điều chỉnh hoạt động Kế toán, Kiểm toán còn nhiều thách thức: Thời gian qua, mặc dù đã có rất nhiều cố gắng trong công tác xây dựng cơ sở pháp lý nhưng hệ thống các văn bản pháp luật về dịch vụ Kế toán, Kiểm toán của Việt Nam vẫn còn chưa hoàn thiện, thiếu tính ổn định và chưa phù hợp hoàn toàn với các quy định quốc tế.

Ví dụ, các Chuẩn mực Kế toán còn lạc hậu và chưa cập nhật so với các thông lệ và Chuẩn mực Kế toán quốc tế; hệ thống các Chuẩn mực Kiểm toán ban hành còn thiếu; việc thực hiện cam kết về sự hiện diện của thể nhân chưa được quy định rõ ràng, chi tiết,... Theo thống kê của Ủy ban Chuẩn mực kế toán quốc tế, khảo sát 140 quốc gia, có tới 116 quốc gia đã yêu cầu các công ty niêm yết áp dụng IFRS, số còn lại cũng đã cho phép áp dụng IFRS. Các tổ chức có tác động quan trọng đến nền kinh tế thế giới như: G20, Ngân hàng Thế giới (WB), Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), Hội đồng Ổn định Tài chính quốc tế (FSB) và Tổ chức Quốc tế các Ủy ban Chứng khoán (IOSCO) đã ủng hộ và hỗ trợ việc áp dụng IFRS trên toàn cầu. Trong khi đó, Việt Nam vẫn là 1 trong 10 nước đứng bên ngoài cam kết này. Khi các hiệp định FTA thế hệ mới chính thức vận hành thì những thiếu sót trong hệ thống pháp luật sẽ là một cản trở lớn đối với các DN và người lao động Việt Nam. Do đó, cần thống nhất VAS và IFRS, nếu muốn “nói chung một ngôn ngữ kế toán với thế giới”, thúc đẩy môi trường kinh doanh, tạo dựng niềm tin cho nhà đầu tư.

Thứ ba, thiếu hụt nguồn lao động chất lượng cao: Trong bối cảnh cuộc CMCN 4.0 và hội nhập kinh tế quốc tế, sức ép cạnh tranh về thị trường kế toán, kiểm toán sẽ khốc liệt hơn khi có các DN kiểm toán nước ngoài. Sự cạnh tranh khốc liệt với nhân lực từ các nước tham gia FTA thế hệ mới. Nhiều ý kiến cho rằng, nguồn nhân lực kế toán, kiểm toán của Việt Nam tuy đã sẵn sàng hội nhập nhưng số lượng và chất lượng mang tầm quốc tế vẫn là vấn đề cần cải thiện. Theo số liệu báo cáo của Bộ Tài chính tại cuộc Họp thường niên giám đốc các công ty kiểm toán năm 2020 - 2021, trong 198 công ty kiểm toán được tổng hợp (không bao gồm một số công ty mới thành lập cuối năm 2020 và đầu năm 2021), số lượng kiểm toán viên được cấp Giấy chứng nhận là 2.311 người. Số lượng kiểm toán viên sở hữu chứng chỉ hành nghề tại Việt Nam còn hạn chế, chiếm khoảng 2% tổng số kế toán viên, kiểm toán viên của các nước ASEAN.

Theo khảo sát của Hội Kế toán viên hành nghề Việt Nam, thách thức lớn nhất mà ngành Kế toán - kiểm toán Việt Nam hiện đang gặp phải là yêu cầu về lao động có trình độ công nghệ thông tin. Làm việc tại môi trường quốc tế đòi hỏi người lao động phải có trình độ đạt chuẩn quốc tế, có kiến thức chuyên sâu, phương thức làm việc chuyên nghiệp, hiệu quả. Nếu không tự hoàn thiện, các DN kiểm toán trong nước sẽ đứng trước nguy cơ phá sản, giải thể hoặc thu hẹp quy mô, phạm vi hoạt động.

Thứ tư, kỹ năng mềm của kế toán - kiểm toán viên còn yếu: Theo Báo cáo “Nhu cầu việc làm” của Công ty Tư vấn tuyển dụng toàn cầu Hays, 98% nhà lãnh đạo tài chính tin rằng, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng ứng xử, kỹ năng lãnh đạo, tư duy phản biện có tầm quan trọng ngang bằng, thậm chí cao hơn các kỹ năng chuyên môn. Tuy nhiên, theo nghiên cứu của Viện Khoa học Lao động và Xã hội, người lao động trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán đã qua đào tạo của Việt Nam mặc dù được đánh giá là nhanh nhẹn, sáng tạo và có thể đáp ứng được nhu cầu nhưng lại thiếu và yếu kỹ năng mềm (làm việc theo nhóm, ngoại ngữ, tư duy phản biện, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng quản lý thời gian,...), tính tuân thủ kỷ luật chưa cao.

Cuối cùng, cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, bảo mật còn hạn chế: CMCN 4.0 mang đến cho ngành Kế toán, Kiểm toán những cơ hội mới, nhưng đồng thời cũng đặt ra những thách thức không nhỏ trong việc hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, phòng ngừa rủi ro an ninh mạng và bảo vệ bí mật thông tin. Công tác kế toán, kiểm toán hiện nay tại Việt Nam chủ yếu được thực hiện trên hồ sơ, giấy tờ. Trong khi CMCN 4.0 lại chuyển hóa toàn bộ các dữ liệu đó thành thông tin điện tử, vừa đa dạng, vừa khó nắm bắt. Do vậy, nếu kế toán - kiểm toán viên không am hiểu về công nghệ, sẽ khó khăn trong thực hiện các phân hành công việc chuyên môn.

Khảo sát thực tế cho thấy, kiến thức, hiểu biết, trình độ ứng dụng công nghệ thông tin của các kế toán - kiểm toán viên Việt Nam hiện nay vẫn còn nhiều hạn chế, chưa đồng đều. Công tác đào tạo cũng chỉ mới dừng lại ở việc truyền thụ kiến thức nền, chưa chuyên sâu, đa ngành, nhất là đối với những kiến thức mang tính đặc thù công nghệ, bảo mật và trí tuệ nhân tạo... Để giải quyết những hạn chế về trình độ, năng lực của cán bộ, nhân viên và sắp xếp công việc hợp lý cho nhân viên là một bài toán không hề dễ đối với ngành Kế toán, Kiểm toán trong bối cảnh hiện nay.

Kết luận

Cuộc CMCN 4.0 không chỉ đem lại nhiều cơ hội mà còn mang tới nhiều thách thức cho hội kế toán - kiểm toán viên Việt Nam. Nguồn nhân lực mang lại lợi nhuận cao cho DN không phải từ dịch vụ kế toán, cung cấp số liệu mà là những dịch vụ tầm cao cung cấp dữ liệu phân tích tài chính, tư vấn chuyên sâu. Do vậy, kế toán - kiểm toán viên không chỉ cần nắm rõ nguyên tắc cơ bản, ứng xử trong lĩnh vực chuyên môn, xác định từng tình huống cụ thể, hiểu kiến thức cơ bản để trên cơ sở đó tiếp thu những kiến thức cao hơn mà còn cần linh hoạt hơn trong việc cập nhật công nghệ, nâng cao kỹ năng mềm để phù hợp với sự hội nhập của nền kinh tế cũng như xu hướng của thời đại công nghệ số.

Tài liệu tham khảo:

Phan Nguyễn Hoàng Chánh và TS. Lê Đức Thắng (2019), “Phát triển ngành Kế toán, Kiểm toán Việt Nam thời kỳ Cách mạng công nghiệp 4.0”, Tạp chí Tài chính kỳ 2 tháng 8/2019.

ThS. Nguyễn Văn Bảo (2019), “Cơ hội và thách thức đối với kế toán - kiểm toán Việt Nam trong bối cảnh mới”, Tạp chí Tài chính Kỳ 2 - Tháng 12/2019.

ThS. Trần Thị Bích Nga (2022), “Thách thức đối với ngành nghề kế toán - kiểm toán tại Việt Nam trong giai đoạn hiện nay”, Tạp chí Công Thương ngày 11/7/2022.

Ứng dụng kế toán xanh tại các doanh nghiệp Việt Nam trong xu thế phát triển bền vững

Hà Ngọc Huyền - CQ57/22.03CLC

Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển nhanh chóng của nền kinh tế, con người dần nhận ra thế giới tự nhiên và các nguồn lực của nó đang phải chịu sức ép nặng nề để đổi lại sự vượt bậc của kinh tế. Điều này đặt ra thách thức với nền kinh tế khi vừa đảm bảo mục tiêu tăng trưởng vừa đảm bảo chất lượng môi trường. Vì vậy, việc phát triển và ứng dụng kế toán xanh trở thành nhu cầu tất yếu đối với các quốc gia, trong đó có Việt Nam.

Tổng quan về kế toán xanh

Kế toán xanh có thể hiểu là một hệ thống kế toán hiện đại và toàn diện nhằm ghi chép, tổng hợp và lập báo cáo cho một tổ chức, để phản ánh đầy đủ các nội dung về tài sản, nợ phải trả, vốn đầu tư, nguồn thu và các khoản chi cho môi trường xanh của quốc gia. Kế toán xanh được chia thành nhiều góc độ khác nhau, bao gồm 5 nội dung chính: Kế toán tài chính môi trường; kế toán quản trị môi trường; tài chính môi trường; pháp luật về môi trường; đạo đức và quan hệ với cộng đồng xã hội.

Kế toán xanh sử dụng đánh giá vòng đời để đo lường các tác động môi trường tới các hoạt động của doanh nghiệp, thúc đẩy việc sử dụng các quy trình sản xuất “sạch”, thông qua đánh giá tổng chi phí và kết hợp kế toán truyền thống để công bố thông tin tài chính về môi trường của doanh nghiệp.

Đối với doanh nghiệp, kế toán xanh đem lại những lợi ích như sau:

Thứ nhất, thực hiện tốt kế toán xanh sẽ giúp đánh giá đầy đủ các chi phí môi trường và tính vào giá thành sản phẩm, từ đó có kế hoạch điều chỉnh tiết kiệm nguyên, nhiên vật liệu, làm tăng hiệu quả sử dụng tài nguyên. Đặc biệt, khi các nguồn tài nguyên dần cạn kiệt, các nhà quản lý doanh nghiệp càng cần phải quan tâm tới các giải pháp thay thế cho nguyên vật liệu đang khan hiếm hoặc các cách tiết kiệm tiêu hao nguyên vật liệu.

Thứ hai, kế toán xanh giúp doanh nghiệp xây dựng hình ảnh đẹp trong mắt khách hàng, các cơ quan chính quyền địa phương cũng như nhà đầu tư. Cụ thể, trong những năm gần đây, người tiêu dùng dành nhiều sự quan tâm đến các giá trị xã hội của hàng hóa hơn là chỉ quan tâm tới giá cả, nên họ có xu hướng ưu ái những sản phẩm thân thiện với môi trường; các cơ quan chính quyền địa phương cũng quan tâm tới lượng khí thải, nước thải của các doanh nghiệp trên địa bàn để đảm bảo sức khỏe cho người dân của mình. Ngoài ra, kế toán xanh còn tạo lập bước đi vững chắc cho các doanh nghiệp trong quá trình hội nhập kinh tế.

Thứ ba, kế toán xanh khắc phục được nhược điểm, hạn chế của kế toán truyền thống, từ đó cung cấp thêm thông tin cho nhà quản lý cũng như các đối tượng sử dụng

thông tin kế toán của doanh nghiệp. Cụ thể, hệ thống kế toán đang áp dụng chưa đủ điều kiện để các doanh nghiệp thực hiện kế toán môi trường: hệ thống tài khoản, sổ, chứng từ kế toán không ghi nhận riêng biệt những thông tin môi trường, yếu tố chi phí môi trường và thu nhập do môi trường mang lại không nằm trong một tài khoản, một khoản mục riêng rẽ, cụ thể nào của kế toán. Các chi phí liên quan đến môi trường đang được phản ánh chung trong các tài khoản chi phí quản lý dẫn đến việc các nhà quản lý kinh tế không thể phát hiện, không thể thấy được quy mô và tính chất của tổng chi phí môi trường và từng khoản mục chi tiết trong chi phí môi trường.

Đối với xã hội, kế toán môi trường nói riêng hay kế toán xanh nói chung là một công cụ hữu ích cung cấp các thông tin về môi trường bên cạnh các thông tin về hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, làm cơ sở cho các nghĩa vụ bảo vệ môi trường của doanh nghiệp.

Thực trạng và các thách thức đặt ra khi áp dụng kế toán xanh ở Việt Nam

Những năm gần đây, các khu, cụm công nghiệp thu hút ngày càng nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước đến đầu tư, kéo theo tình trạng quá tải về việc xử lý môi trường. Một trong những ví dụ điển hình là vụ việc nước thải từ khu công nghiệp (KCN) An Nghiệp - Sóc Trăng làm ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Theo thiết kế Nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN là 10.000m³/ngày, tuy nhiên từ tháng 7-2020 đến nay lưu lượng xả thải của các doanh nghiệp chế biến thủy sản tăng liên tục. Có ngày lưu lượng xả thải của các doanh nghiệp này thu gom về nhà máy xử lý nước thải tập trung lên đến 11.800m³/ngày, đã ảnh hưởng đến hệ thống xử lý nước thải và chất lượng sau xử lý thải ra môi trường”.

Về phía Chính phủ, một số quy định đã được ban hành yêu cầu các doanh nghiệp, các nhà đầu tư phải tiến hành đánh giá các tác động đến môi trường, phải đưa ra hoặc triển khai các giải pháp, xử lý môi trường trước khi thực hiện các dự án, cụ thể: ban hành Nghị định số 40/2019/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định chi tiết hướng dẫn thi hành luật Bảo vệ môi trường được xây dựng, hoàn thiện trên tinh thần quán triệt về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách về môi trường, đặc biệt là nhấn mạnh quan điểm: “không phát triển kinh tế bằng mọi giá, không đánh đổi môi trường lấy kinh tế”; sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 18/2015/NĐ-CP liên quan đến đánh giá tác động môi trường chiến lược để phù hợp Luật quy hoạch. Tuy nhiên, nhìn chung, các quy định về tài chính, các chuẩn mực, các chế độ kế toán của Nhà nước chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn về thông tin cần thiết liên quan tới chi phí môi trường trong các hợp đồng và báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Đó vì khái niệm kế toán xanh còn mới ở Việt Nam nên số lượng chuyên gia trong lĩnh vực này còn hạn chế, không đáp ứng được nhân lực để xây dựng các quy định về kế toán xanh.

Về phía doanh nghiệp, theo kết quả khảo sát thực trạng kế toán quản trị chi phí môi trường (MT) đang được áp dụng tại các doanh nghiệp (DN) chế biến dầu khí thuộc PVN, trong nghiên cứu của Hoàng Thị Bích Ngọc (2017) cho thấy, kế toán quản trị chi phí MT được áp dụng ở mức độ thấp. Kết quả phỏng vấn chuyên sâu với 2

nhóm đối tượng là nhân viên kế toán và nhà quản lý tại các DN cho thấy: (1) Chi phí MT chưa được nhận diện đầy đủ, phân loại phù hợp và ghi nhận riêng biệt; (2) Tổng chi phí MT chưa được xác định đầy đủ và chưa được xác định trong giá thành sản phẩm; (3) Chưa có sự kết nối giữa thông tin hiện vật và thông tin tiền tệ; (4) Báo cáo và phân tích chi phí MT chưa được thực hiện có hiệu quả, có nhiều bộ phận cùng tham gia vào việc cung cấp thông tin về MT (phòng HSE, phòng kỹ thuật, phòng kế toán,...) giữa các bộ phận không có sự kết nối với nhau, do dựa vào hệ thống dữ liệu khác nhau. Vì thế, hệ thống kế toán quản trị chi phí MT của các DN này chưa đáp ứng được nhu cầu thông tin về chi phí MT phục vụ cho nhà quản trị kiểm soát chi phí, ra quyết định kinh doanh và đầu tư dài hạn.

Đề xuất đẩy mạnh việc áp dụng kế toán xanh ở Việt Nam

Về phía cơ quan quản lý, cần có lộ trình cụ thể trong việc áp dụng kế toán xanh hướng tới phát triển kinh tế bền vững:

Một là, xây dựng, hoàn thiện và ban hành các quy định, hướng dẫn hạch toán cho doanh nghiệp trong kế toán môi trường nói riêng và kế toán xanh nói chung; có các chế tài xử phạt hợp lý, đủ răn đe đối với những vi phạm trong việc áp dụng các quy định trên. Các quy định, chuẩn mực này cần nghiên cứu kinh nghiệm của các nước phát triển ứng dụng hiệu quả kế toán môi trường như Hoa Kỳ, Nhật Bản... nhằm tiệm cận với các chuẩn mực quốc tế.

Hai là, động viên, khen thưởng những tổ chức, doanh nghiệp đi đầu trong việc sử dụng hiệu quả kế toán xanh trong hoạt động kinh doanh.

Ba là, tổ chức đào tạo nhân lực cho lĩnh vực kế toán xanh để đảm bảo cả về số lượng và chất lượng bằng cách đưa vào giáo dục đại học, đặc biệt là các ngành học liên quan tới kế toán, môi trường.

Về phía doanh nghiệp

Một là, cần nâng cao nhận thức về vai trò của kế toán xanh đối với việc hoạt động kinh doanh cũng như nhận thức về trách nhiệm xã hội đối với cộng đồng.

Hai là, đầu tư nguồn lực tài chính để xây dựng phòng kế toán với đủ nhân lực có kiến thức về kế toán môi trường.

Ba là, trong giai đoạn đầu, nên được thử nghiệm công tác kế toán xanh tại một dây chuyền hoặc một bộ phận trước khi tiến hành áp dụng đại trà cho toàn bộ doanh nghiệp cho phù hợp với điều kiện hoạt động của doanh nghiệp mình.

Bốn là, xây dựng chiến lược kinh doanh dài hạn có tính đến các tác động của các tiêu chuẩn và quy định môi trường của sản phẩm.

Tài liệu tham khảo:

- Lloyd John Pereira (2017), *What is green accounting and its importance?*, TechJini.
<http://tapchitaichinh.vn/ke-toan-kiem-toan/ung-dung-ke-toan-xanh-o-viet-nam-va-mot-so-van-de-dat-ra-318070.html>
<http://vaa.net.vn/cong-nghiep-4-0-va-ke-toan-quan-tri-moi-truong-trong-cac-doanh-nghiep-che-bien-dau-khi-thuoc-tap-doan-dau-khi-viet-nam-pvn/>

Opportunities and challenges when applying IAS 36 in Vietnam

Nguyễn Thị Thu Hà - CQ57/21.02CLC

Nguyễn Thị Lan Phương - CQ57/21.01CLC

In the context of Covid-19 spreading and causing significant damage to the business situation of enterprises, it will be difficult to avoid the existence of signs of a decline in the value of assets being recorded on the books of the enterprise. International Accounting Standard IAS 36 - The decline in asset value issued by the International Accounting Standards Committee (IASB) since 1998 is of great significance in the current context. To ensure that the value of assets reflected in the Financial Statements (FS) of the enterprise is not recognized as higher than the value recoverable through the use or sale of these assets, once the recoverable value is lower than the book value, then these assets are considered to be devalued, at this time the enterprise must calculate and reflect the loss due to this decline in value on the financial statements.

Meanwhile, Vietnam Accounting Standards (VAS) has no regulations related to this issue. Currently, the recognition and reflection of long-term asset items on the financial statements of Vietnamese enterprises are carried out according to the principle of the original price, i.e. assets recognized at cost minus accumulated depreciation are allocated over the useful life of assets without reflecting any losses from impairment. assets value. This raises questions about the reasonableness of presenting information on financial statements at Vietnamese enterprises, especially during the impact of the Covid-19 epidemic.

The Advantages when Vietnam applies IAS 36

Vietnam has the great advantage that the system of international accounting standards has been formed and developed at a fairly complete level. We can review these standards and we can apply those that are appropriate for Vietnam, just make the necessary amendments and make the necessary additions. Another advantage is that Vietnam has the good fortune of the next country, and has the conditions to learn from the experience of the previous countries. Hence, it avoids the mistakes that those countries encounter. Vietnam's staff is qualified, has a lot of enthusiasm for the development of the national accounting system, and has close coordination between relevant units as well as the support of ministries, universities, and businesses,... in researching and building a system of Vietnamese accounting standards in the direction of harmony and convergence with the world.

In Vietnam, the Ministry of Finance as well as professional associations are very active in promulgating the legal framework on accounting and auditing to comply with

common practices of accounting and auditing in the world, including Vietnamese Accounting Standards. There are also many studies showing that professional associations have also developed a roadmap in the new compilation of Vietnamese Accounting Standards, including Accounting Standard No. 36 (VAS 36) "Reducing the value of assets"

Problems posed when applying for IAS 36 in Vietnam

Although Vietnam's economy has achieved great achievements, it is still a developing economy with many difficulties to deal with. In addition, Vietnam's management regime is still administratively heavy, the stock market has not developed strongly, and joint stock companies still occupy a very small position in the economy. Therefore, the system of Vietnamese accounting standards has not been applied synchronously and universally. Businesses still attach great importance to the issue of building a tax-oriented accounting system. This makes the goal of harmony with international accounting not fully realized and still faces many obstacles and difficulties.

In terms of human resources, the process of harmony is not simply the promulgation of accounting standards by international accounting standards. Therefore, the harmonization process will help Vietnam immediately acquire new accounting standards without spending a lot of research costs. But are "them" really suitable for Vietnam's socio-economic environment, meeting Vietnam's information and control requirements? Besides, the qualifications of the auditing staff

The biggest challenge is the complexity of the calculation model, to calculate correctly and correctly, it is an excellent accountant. As we all know, to calculate the recoverable value of the declined asset, it is necessary to first determine what is the fair value minus the cost of sale (FVLCD) and compare it with the use value of the asset (VIU). These are 2 rather complicated parameters to calculate. While fair value represents the current and future market expected price for an asset (IFRS 13), the value used reflects the current price of a future cash flow expected to be generated from an individual asset or asset (IAS 36).

When calculating the value of use (VIU), the board of directors must make assumptions and judgments related to the estimate of cash flow generated from future assets such as annual growth rate and steady growth, and the discount rate of cash flow... these factors are estimated and influenced by subjective factors and may interfere with assumptions intended to create higher use value to avoid recording a loss due to impairment in asset value. Can Vietnam keep up with the huge amount of knowledge that has been formed by developed countries for a long time? This is a major challenge for Vietnam in the process of convergence with the international accounting standard system. One thing is for sure, we will have to spend a huge amount on training and research costs.

Another important difficulty in the process of getting along with Vietnam's international accountants is the language barrier. To be able to harmonize with international accounting requires the Vietnamese accounting standards system to achieve high quality.

However, professional language is a barrier to collecting, researching, understanding, analyzing, systematizing, and translating international accounting standards into Vietnamese. The reason is to accurately read and understand international accounting standards and compare them with Vietnam's economic management mechanism to draft Vietnamese accounting standards of high quality and international relevance without causing misunderstanding or misinterpretation of contents in the process of applying standards.

In the new mechanism, a market economy, opening up and integration, accounting is not only a tool for financial and economic management and provides useful and reliable information, but has become an industry, an important field of services to support business management within each country, in the region and the world. Accounting services have become an essential service of the open economy. Among the commitments that Vietnam must fulfill, Vietnam has a roadmap to open the market for accounting and auditing services.

In the future, there will be foreign accounting service companies operating in Vietnam. In contrast, Vietnamese accounting service companies will be allowed to operate abroad. This requires us to have good preparation of the legal framework, the harmonization of accounting standards, the coordination and consistency of the program, the content of training, training, examination, and evaluation of training quality, service quality, mutual recognition of practice certificates of each country, ... However, at present, we are not well aware of the role of accounting in supporting business management. Accounting services have only developed domestically, and practicing certificates can only be used in Vietnam. We also cannot provide services abroad because we have not fully updated international knowledge, the Vietnamese accounting standard system has not been fully promulgated to serve to account.

Solution

To apply to the public and effect IAS 36 the business Vietnam now need to enter some solution:

Firstly, building and perfecting the system of Vietnamese accounting standards by international practices in the field of accounting. This is the basic requirement for harmony with international accounting. The introduction of accounting standards to reduce asset value in Vietnam should be based on international accounting standards IAS36. Because international accounting standards are developed to be applicable in any country in the world. Therefore, certain standards cannot be immediately applied to Vietnam because they are not suitable for the economic situation and management requirements of Vietnam. Therefore, we also need to learn from the experience of selecting international standards to build national standards for countries developing socialist-oriented market economies and countries with similar socio-economic conditions to Vietnam. The purpose is to ensure the compatibility of the Vietnamese accounting standards system to both ensure feasibility and meet the requirements of international accounting harmony.

Secondly, measures and implementation roadmaps should be developed. In the short term, Vietnam should continue to review and improve the content of the promulgated accounting standards and amend and supplement the inconsistencies between the standards issued first and the accounting standards issued later. In the process of finalizing these standards, it is also necessary to take into account the latest changes in the content of international standards IAS 36. After that, the study and monitoring of the progress of revising international accounting standards IAS36 and other related documents must always be carried out continuously. To achieve the goal of harmonizing with the current international accounting standards IAS36 and making the most of the experience and knowledge of the International Financial Reporting Standards Drafting Committee, the promulgation of new, updated, revised, and supplemented accounting standards must be based on in-depth research and inputs of the Drafting Board as well as the opinions of the businesses, related international experts.

Thirdly, to prepare for the transformation of the accounting system, Vietnamese businesses need to prepare carefully, especially to equip professional knowledge and professional ethics for financial and accounting staff to be ready to apply complex standards such as the IAS 36 standard. This is the core issue of any innovation process and is always promoted. Only when accountants and auditors make efforts to improve their professional qualifications and strictly comply with professional codes of ethics can they build a reputation and image of the level of development of the accounting profession of a country or a professional association.

In addition to the complexity, which requires a lot of judgment and high expertise, implementing the requirements of this standard takes a lot of effort as well as time. Therefore, when making the transition to IFRS, businesses should also consider performing IFRS conversion on the system instead of manual conversion to minimize implementation time and increase the accuracy of information presented on financial statements.

Conclusion

The transition from Vietnamese accounting standards to IAS 36 of Vietnam is an important factor to help businesses in Vietnam to integrate and enter a higher level of international financial markets. In addition to the positive effects of the application of IAS 36 on businesses, there will be many challenges waiting for them ahead. The fact that business leaders have the right understanding of the difficulties and challenges of the transition to IAS 36 and have a scientific, methodical, and clear transformation plan and roadmap will be one of the prerequisites for businesses to deploy IAS 36 within the enterprise as well as within the whole group gently, smoother and more efficient.

References:

- Tran Xuan Nam (2001 - 2005), *Vietnam Accounting Standards System*, Ministry of Finance.
TS. Wish Anh Tu "Basic content of international financial reporting standards on tangible fixed assets", Academy of Finance.
<http://www.iasplus.com/en/standards>
IASB (2010), *IAS36, Impairment of assets*.

Kinh nghiệm quản lý thị trường tiền tệ từ Trung Quốc

Ngô Thảo Trang - CQ59/22.02
Trần Ngọc Khang - CQ59/09.04CLC

Thị trường tiền tệ là nơi diễn ra các giao dịch vốn ngắn hạn giữa bên cung và bên cầu vốn. Trong đó, vốn ngắn hạn được xác định với thời gian đáo hạn dưới 1 năm và có một số đặc điểm như: có mức độ rủi ro thấp, tính thanh khoản cao.

Một số hoạt động cụ thể diễn ra trên thị trường tiền tệ có thể kể đến như: Vay ngân hàng, mua bán chứng khoán, chứng chỉ tiền gửi... Đây là nơi mà tất cả các cá nhân, tổ chức có thể thực hiện giao dịch mua - bán.

Cơ quan quản lý nhà nước đối với thị trường tiền tệ là Ngân hàng trung ương. Ngân hàng trung ương thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tiền tệ tín dụng, ngân hàng, ngoại hối. Với nhiệm vụ cơ bản là thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia nhằm ổn định tiền tệ, quản lý, kiểm soát các hoạt động của các ngân hàng thương mại, các tổ chức tín dụng theo đúng quy định của pháp luật, nhằm phát triển một hệ thống ngân hàng cũng như các trung gian tài chính là những trung tâm phân phối lớn nhất của các luồng vốn trong nền kinh tế, có đủ năng lực cạnh tranh trong điều kiện hội nhập, Ngân hàng trung ương được coi là nhân tố quan trọng nhất đảm bảo sự phát triển bền vững của thị trường tiền tệ.

Kinh nghiệm của Trung Quốc về quản lý thị trường tiền tệ

• Về vấn đề thanh toán

Trung Quốc đã nhanh chóng tiến tới một nền kinh tế không tiền mặt trong những năm gần đây. Điều này phần lớn nhờ vào các nền tảng thanh toán di động như Alipay của Alibaba và WeChat Pay của Tencent, hoạt động dưới dạng ví kỹ thuật số cho phép người dùng mua hàng tại cửa hàng, thanh toán hóa đơn và chuyển tiền cho các cá nhân khác.

Nền tảng thanh toán kỹ thuật số đã tạo thuận lợi cho thương mại ở Trung Quốc, họ đã đặt phần lớn ngân sách của nước vào tay một số công ty công nghệ. Trong quý 4 năm 2019, Alibaba kiểm soát 55,1% thị trường thanh toán di động ở Trung Quốc. Tencent kiểm soát 38,9% khác, mang lại cho cả hai quyền độc quyền hiệu quả hơn hàng nghìn tỷ đô la trong thanh toán di động. Thống đốc ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBOC) Yi Gang đã nói rõ rằng những công ty lớn này đặt ra những thách thức và rủi ro tài chính. Chẳng hạn như một vụ hack hoặc sự gián đoạn khác đối với cơ sở

hạ tầng thanh toán kỹ thuật số có thể có khả năng gây ra bất ổn kinh tế ngắn hạn nghiêm trọng. Các nhà hoạch định chính sách cũng lo ngại rằng khi công dân Trung Quốc đặt tiền của họ vào ví kỹ thuật số thay vì tài khoản NH, điều đó đang gây ra áp lực cho tiền gửi NHTM và rút tiền ra khỏi hệ thống ngân hàng truyền thống.

• **Kiểm soát nghiêm ngặt hoạt động đào, giao dịch Bitcoin và các loại tiền ảo**

Ngày 3 tháng 12 năm 2013, NHTW Trung Quốc đã ban hành văn bản thông báo về việc phòng chống rủi ro về Bitcoin. Thông báo này khẳng định Bitcoin như một loại “hàng hóa ảo” đặc biệt, không phải tiền tệ và không được lưu thông hay sử dụng trên thị trường như tiền tệ. Ngân hàng và các TCTD tại Trung Quốc bị cấm sử dụng Bitcoin, các tổ chức tài chính bị cấm sử dụng giá Bitcoin cho các hàng hóa hay dịch vụ, cũng như không được mua bán Bitcoin.

Trung Quốc đã và đang thực hiện các hoạt động ngày càng gia tăng để hạn chế tiền ảo. Bắt đầu bằng cách không chấp nhận các loại tiền ảo, Trung Quốc đã ra lệnh đóng băng các tài khoản ngân hàng liên quan đến việc trao đổi, khởi động các thợ mỏ Bitcoin và thiết lập lệnh cấm truy cập internet và di động trên toàn quốc cho tất cả mọi thứ liên quan đến giao dịch tiền ảo. Trung Quốc cho đến nay là quốc gia điều chỉnh tiền ảo nghiêm ngặt nhất từ sau năm 2017, khi mà các thợ mỏ Bitcoin Trung Quốc chiếm hơn 50% dân số khai thác trên toàn thế giới.

• **Nghiên cứu và thanh nghiệm đồng Nhân dân tệ số**

Trung Quốc được xem là quốc gia đang dẫn đầu trong việc nghiên cứu và thử nghiệm, đồng tiền kỹ thuật số quốc gia. Cụ thể, hiện tại CBDC của Trung Quốc luy còn gọi là DCUP (Digital Currency Electronic Taylient) hiện đã được thử nghiệm tại 4 thành phố Thẩm Quyển, Tô Châu, Xiong An và Thành Đô, đồng thời DC 1 cũng đã được sử dụng tại Thế vận hội Mùa đông 2022. Việc phát hành DCE của Trung Quốc nhằm hướng đến hai mục tiêu chính:

(1) Trong nước, tăng hiệu quả an toàn, thúc đẩy tài chính toàn diện, phòng chống tội phạm, ẩ danh cao nhưng vẫn kiểm soát được; chống độc quyền, phục vụ CNTT.

(2) Quốc tế, đảm bảo chủ quyền tiền tệ quốc tế hội đồng nhân dân tệ; thể hiện vị trí dẫn đầu trong phát triển đồng tiền số của NHTW (CBDC).

NHTW Trung Quốc (People's Bank of China - PBOC) bắt đầu nghiên cứu về tiền số vào năm 2014 và thành lập Viện Nghiên cứu tiền số vào năm 2017. Sau đó, vào tháng 6/2019, Facebook đã công bố sách trắng về tiền số Libra. Vào mùa hè cùng năm, PBOC bắt đầu chủ động phổ biến các thông tin về tiền số của mình, nhân dân tệ số - hay tiền số thanh toán điện tử DCEP.

Từ kinh nghiệm thực tế của Trung Quốc chúng ta có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam, đó là:

Một là, NHTW cần phải đánh giá đầy đủ, toàn diện về những lợi ích và rủi ro của tiền tệ kỹ thuật số, để từ đó thử nghiệm phát hành đồng tiền kỹ thuật số quốc gia với những bước đi thận trọng. NHTW và Chính phủ cần phải tiến hành những đợt thử nghiệm về độ khả dụng, độ an toàn cũng như dự đoán những rủi ro có thể xảy ra trước khi phát hành loại tiền này ra thị trường. Khi Trung Quốc nghiên cứu về đồng tiền kỹ thuật số, có một điều rất đáng được quan tâm đó là việc từng bước đưa CBDC ra thị trường để thăm dò những động thái của người tiêu dùng, các DN và những biến động của thị trường. Việc này giúp cho các cơ quan quản lý có những cái nhìn chân thực và cụ thể hơn về tác động mà đồng tiền này mang lại. Bên cạnh đó, nên dần nghiên cứu việc quốc tế hóa đồng nội tệ nhằm đảm bảo chủ quyền tiền tệ cũng như nâng cao giá trị của đồng tiền quốc gia trên thị trường quốc tế.

Hai là, cần kiểm soát nghiêm ngặt đối với đồng Bitcoin và các loại tiền ảo khác. Chúng ta nên học hỏi thái độ quyết liệt của NHTW Trung Quốc đối với tiền ảo Bitcoin và các đồng tiền ảo khác. Trung Quốc đã cấm toàn bộ những hoạt động liên quan đến Bitcoin như: đóng băng tài khoản ngân hàng liên quan đến trao đổi Bitcoin, cấm đào Bitcoin... Những hành động này nhằm đảm bảo cho giá trị của đồng nội tệ và tránh cho chính sách tiền tệ bị vô hiệu hóa.

Ba là, có chiến lược hỗ trợ sự phát triển của các công ty fintech. Bài học thành công từ Trung Quốc cho thấy, trong xu thế phát triển tất yếu của các fintech, NHTW cần có chiến lược hỗ trợ sự phát triển của các fintech, thiết lập hệ thống chính sách và quy định quản lý và giám sát các dịch vụ fintech mới,... Các chính sách trên sẽ góp phần giúp củng cố vai trò quản lý của NHTW trong thị trường tiền tệ và thúc đẩy việc ứng dụng các công nghệ của CMCN 4.0 vào quản lý thị trường tiền tệ.

Tài liệu tham khảo:

PGS.TS. Phạm Ngọc Dũng; PGS.TS. Đinh Xuân Hạng (2020), *Giáo trình tài chính tiền tệ - Nhà xuất bản Tài chính 2020.*

PGS.TS. Đinh Xuân Hạng (2015); *Giáo trình Quản lý tiền tệ ngân hàng trung ương, Nhà xuất bản Tài chính 2015.*

Diễm Ngọc (2022), *Trung Quốc tiếp tục thận trọng với chính sách tiền tệ, Báo Diễn đàn doanh nghiệp 14/1/2022.*

Tường Vy (2022), *Trung Quốc theo đuổi chính sách nới lỏng tiền tệ để kích thích kinh tế, Tạp chí Công Thương 6/2022.*

Nghiên cứu khoa học sinh viên Tập 10/2022



**Chịu trách nhiệm xuất bản
PHAN ĐỨC CHÍNH**

**Chịu trách nhiệm nội dung
NHÀ XUẤT BẢN TÀI CHÍNH**

Tham gia biên tập số này:

1. PGS. TS. NGÔ THỊ THU HỒNG
2. PGS. TS. HÀ MINH SƠN
3. PGS. TS. NGÔ THANH HOÀNG
4. PGS. TS. LÊ XUÂN TRƯỜNG
5. TS. NGUYỄN HỮU TÂN
6. TS. NGUYỄN HỒNG CHÍNH
7. TS. NGUYỄN THỊ THÚY NGA
8. TS. NGUYỄN TIẾN ĐỨC
9. TS. LƯU HỮU ĐỨC

**Trình bày và thực hiện
BAN QUẢN LÝ KHOA HỌC**

**Thiết kế bìa
Bùi Dũng Thắng**